

Nguyễn Lân

**nhung
TRANG
SU
VE
VANG**



Những
TRANG SỬ VẼ VÀNG

NGUYEN-LÂN

biên-thuật

Nhung Trang Su Ve-Vang

(Từ trước cuộc nội-thuộc Tàu đến đầu triều Gia-Long)

Uống nước nhớ nguồn

(Tục-ngữ)

Mai - linh xuất - bản

Au-yếm mong bốn con
Lân-Tuất, Tề-Chỉnh, Lân-Dũng, Lân-Cường
sau này sẽ Ơm thấy ở
• Những tròng tử về-vang •
mọi nguồn sống mạnh-mẽ và xứng-dáng.

Từ-Ngọc

Cùng một tác-giả

Căn bệ nhà quê (in lần thứ hai, có bản dịch ra tiếng Pháp của Alfred Bouchet)	(hết)
Khói-hương.	(hết)
Ngược dòng.	(hết)
Hai ngà.	(hết)
Nguyễn Trường-Tộ.	{ hạng in thường . 1\$20
(in lần thứ hai).	{ hạng in đẹp . 4\$00

Những sách, báo tham-khảo.

I. — Chữ Hán

Đại-Việt sử ký toàn-thư của Ngô-Sĩ Liên.
Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục.
Binh Nguyên công-thần thực-lục.
Hoàng-Lê nhất-thống chí
Lịch-triều biến-chương (mục nhân - vật chí),
của Phan Huy Chú.
Đại-Nam chính biên liệt-truyện.
Đại-Nam liệt-truyện tiền-hiên
Ngự-chế Việt-sử tông-vịnh (vua Tự-đức)

II. — Chữ nôm và chữ quốc-ngữ

Đại-Nam quốc-sử diễn ca (Lê Ngô-Cát)
Việt-Nam sử-lược (Trần Trọng Kim)
Triều Tây Sơn (Phan Trần-Chúc)
Danh-nhân Việt-Nam (Phan Trần-Chúc)
Danh-nhân Bình-định (Bùi Văn-Lăng)

III. — Tạp-chí

Nam-phong
Tri-Tân
Khải-tri tiến-đức lập san.
Bulletin de l'Ecole française d'Extrême — Orient
Bulletin des amis du vieux Hué .

VÀI LỜI NGỎ TRƯỚC

Tôi có một người bạn lúc nhỏ học ở trường Trung-học Tây, lớn lên sang Pháp du-học, đến khi thành-tài trở về nước, chưa hề được đọc một trang quốc-sử nào !

Gần đây, vì tình-hình thế-giới kịch-thích, người bạn tôi tự-nhiên nhận thấy cái khuyết-diểm lớn trong sự học-vấn của mình, có mượn tôi mấy quyển sử nước nhà để đọc.

Được ít lâu, anh thực-thà thú với tôi rằng :

— Người ta thường trách một số người trong bọn du-học chúng tôi là vong-bản,

thực cũng chẳng ngoa. Bền nay được đọc mấy bộ sử nước nhà, tôi hồi hận là bấy lâu đã trót đi vào con đường quên gốc, nhưng tôi lại tự an-ủi rằng đã biết tỉnh-ngộ, và lấy làm hãnh-diện là người trong một nước đã có những trang sử rất vẻ-vang.

Lời thú ấy của bạn tôi khiến tôi cảm-động vô-cùng, về chỉ cho tôi một bồn-phận : có lẽ chẳng người trong nước còn nhiều kẻ chưa từng đọc quốc-sử như bạn tôi, hoặc cũng có người khi bé học sử nước nhà một cách câu-thả, đến khi lớn lên quên bẵng cả những chiến-công oanh-liệt, những cử-chỉ anh-hùng của tổ-tiên ta ? Đối với những người ấy thì một quyển sách nhỏ gom-góp những trang sử vẻ-vang của nòi giống có lẽ là một vị thuốc hay làm tan được cái nỗi bi-quan của họ, giữa lúc chiến-tranh đương đảo lộn thế-giới này chăng ?

Vậy mục-đích của người viết quyển sách này chỉ là nhắc lại giữa bạn thanh-niên những hành-vi siêu-việt của ông cha ta, để ai nấy đều có một tin-tưởng mãnh-liệt đối với tiền-đồ của đất nước. Mình có tin rằng giống

nói mình không kén, lỗ-tiền mình không kếm, thì mình mới có đủ nghị-lực mà gây cho non sông một tương-lai rực-rỡ.

Biên quyền sách này, thuật-giả không có cái cao-vọng làm công-việc một sử-gia đầy công nghiên-cứu, mà chỉ mong làm một nhà cổ-dộng kêu gọi bạn trẻ nên quay về tìm ở trang sử cũ nước nhà một lẽ sống xứng-đáng cho cuộc đời mình.

Bà sông Hương, cụ hè năm 1943

Từ-Ngọc

1. Mở đầu cho cuốn sử yêu nước

Nước ta từ khi mới lập-quốc cho đến thế-kỷ thứ ba trước tây-lịch, còn ở vào thời-kỳ hoang-đường.

Sau khi Triệu Đà đánh An-dương-vương, cướp nước Âu-lạc, sát-nhập vào quận Nam-hải, lập thành nước Nam-Việt, thì cái mầm nội-thuộc nước Tàu đã bắt đầu nhú nẩy.

Song tuy Triệu Vũ-vương thần-phục Hán Văn-đế, người nước ta cũng chưa hẳn ở dưới quyền cai-trị của Hán-triều.

Đến khi cháu của Triệu Đà là Anh-Tề sang châu Hán-đế, lấy một người vợ họ Cù ở Hàm-dan bên Hán, thì cái nạn đô-hộ mới sắp-sửa thực-hiện.

Anh-Tê về nước làm vua, lấy hiệu là Triệu Minh-vương, lập Cù-thị làm Hoàng-bậu và phong cho con thị là Hưng làm Thái-tử, tuy đã có con trưởng với một người vợ Nam-Việt.

Năm mậu-thìn (113 trước tây lịch), Minh-vương mất, Thái-tử Hưng lên nối ngôi, lấy hiệu là Triệu Ai-vương. Ai-vương tôn mẹ là Cù-hậu lên làm Thái-hậu.

Nhà Hán thấy quốc-vương Nam-Việt là người sai Háo, liền sai một người tình-nhân cũ của Cù Thái-hậu là An-Quốc Thiệu Qui (người ở Ba-lăng) sang dụ mẹ con Ai-vương về hàng Thiên quốc.

Cù Thái-hậu tư-thông với người tình cũ rồi khuyên Ai-vương nên đem nước Nam-Việt dâng cho Hán-đế. Người trong nước thấy thế, tức-giận vô-cùng.

Tháng 11 năm kỷ-tị (112 trước tây-lịch), Thái-hậu và Ai-vương sắm-sửa hành-trang, định đem nhiều đồ quý-báu sang châu vua nhà Hán.

Trong khi mẹ con Cù Thái-hậu sửa-soan phá nền độc-lập của Nam-Việt, thì một nhà

ái-quốc sáng-suốt đứng lên hô-hào, dân-chúng, kêu gọi lòng yêu nước của một dân-tộc còn ấu-trĩ. Người đó là Lữ Gia:

Lữ Gia lúc bấy giờ đã già, làm tướng đã ba triều, được người trong nước rất kính-trọng.

Ông đã hết lời khuyên vua đừng chịu nội-thuộc nhà Hán, nhưng Ai-vương không nghe. Vì thế ông cáo-bệnh, không ra mắt sứ-giã.

Nhân có người em làm đầu tướng võ, ông ngầm mưu với các đại-thần, định hợp quân khởi-sự.

Được tin Lữ Gia không theo mệnh-lệnh, vua nhà Hán liền sai tướng Hàn Thiên-Thu cùng với em Cù thái-hậu là Cù Lạc đem hai nghìn quân vào nước Nam-Việt.

Lữ Gia bèn truyền hịch đi mọi nơi :

Lữ Gia truyền hịch bốn phương :

« Nổi Hưng thờ-dại nổi nường dân-ô.

Tinh riêng chim Việt, ngựa Hồ,

Chuyến vắn bảo-ngọc, các đồ sạch không,

Rắp toan bán nước làm công.

Quên ơn thuở trước, không lòng mai sau.

(Đại-Nam quốc-sử diễn-ca)

Sau khi đã tỏ được lòng mình với quốc-dân, Lữ Gia cùng em và mấy người đại-thần đem quân đến giết đôi gian-phu, dâm-phu và ông vua bán nước, rồi tôn lên ngôi, người con trưởng của Minh-vương tên là Kiến-đức, Vệ-dương-hầu, con người vợ Nam-Việt.

Năm canh-ngọ (111 trước tây-lịch), khi Lữ Gia đã lập Kiến-đức làm vua, thì quân của Hàn Thiên-Thu cũng đã vào trong nước, đánh phá các ấp nhỏ.

Lữ Gia đem quân đón đánh Thiên-Thu ở ngoài kinh-đô (1) 40 dặm. Thiên-Thu bị giết.

Vua Vũ-đế nhà Hán được tin ấy liền sai Phục-ba tướng-quân Lộ Bác-Đức, Lâu-thuyền tướng-quân Dương Bộc, Qua-thuyền tướng-quân Nghiêm, Hạ-lại tướng-quân Giáp, Tri-nghĩa-hầu Quí cùng kéo quân đến đánh Nam-Việt.

Thành Phiên-ngung bị đốt phá. Lữ Gia phò vua chạy ra bể, nhưng quân Hán đuổi theo. Trước cái sức mạnh không thể chống được, nhà ái quốc đầu tiên của sử ta đã phải

(1) Là Phiên-ngung, thuộc Quảng-đông bây giờ.

hiến thân cho nước và chịu tuần-nạn dưới
ngọn giáo của quân địch.

Cái gương sáng của người đã mở đầu cho
cuốn sử yêu nước, còn chói-lọi hơn hai
nghìn thu và đã soi đường cho Trưng-vương,
Ngô Quyền, Trần Hưng-đạo, Lê Lợi, Nguyễn
Huệ. . .

Theo lời một nhà làm sử gần đây, Lữ Gia
thực xứng cái tên « Ve-xanh-giê-tô-rích » (1)
của nước Nam !

(1) Vercingétorix, người ái-quốc anh-hùng trước nhất
trong sử nước Pháp.

2.— Phất cớ nưong tử thay quyền tướng-quân

Sau khi quân Tây-Hán dưới quyền chỉ-huy của Lộ Bác-Đức và Dương Bộc sang lấy nước Nam-Việt của nhà Triệu, người Tàu đặt chế-độ quận-huyện trong chín quận của Giao-chỉ-bộ(1) và cho các quan Thái-thủ cai-trị các quận.

Kề các Thái-thủ được cử sang cai-trị nước ta hồi ấy, tựu-trung cũng có người tốt, trị dân có nhân - chíob, nhưng phần nhiều là những kẻ tham - tàn, bạo-ngược, khiến cho lòng dân phẫn-nất, chỉ chờ cơ-hội để nổi lên khôi-phục nền độc-lập cho non sông.

(1) Nhà Hán lấy được Nam-Việt cũ là Giao-chỉ-bộ, gồm Bắc-kỳ, phía Bắc Trung-kỳ và các tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, cùng đảo Hải-nam của Tàu ngày nay.

Năm 34 sau tây-lịch, viên Thái-thủ được cử sang nước ta là Tô Định, một kẻ tàn-bạo, chỉ hà-hiếp nhân-dân để vơ-vét của-cải đồ vào cái túi tham không đáy.

Cải-chính-sách nhiều dân của họ Tô làm cho mọi người oán-thán. Quan huyện-lệnh ở Châu-diên (1) là Thi-Sách (2), thương dân khổ-sở, trước hết muốn dùng lối ôn-hòa để khuyên can Tô Định. Ông viết một bức thư mạnh-mẽ gửi cho Thái-thủ. Thư đó xin lược-diễn như sau này :

« Phương Nam này tuy nhỏ, nhưng ưc vạn sinh-linh đều là sich-tử của Triều-đình. Người được đem cái đức-hóa để bày tỏ ra, phải trước hết lấy việc yêu dân làm cốt.

Nay ông coi việc trị dân, bắt tội người nói lời thẳng, người bày mưu hay; thường kẻ luôn-lọt, kẻ nịnh hót, cho bọn hầu gái được dự việc nước, cho bọn tôi-tó được giữ quyền-

(1) Phú Vinh-tường (trước thuộc Sơn-tây, nay thuộc Vĩnh-yên).

(2) Theo sách « Trưng-vương lịch-sử » của Cúc-hương Hoàng-Thúc-Hội thì Thi-Sách họ Đặng. Nhưng trong một bài thơ cổ về cuối đời Lê, nói về Trưng-vương, trích ở « Thiển-Nam ngữ-lục ngoại-kỷ » lại có câu :

Định-binh đến Châu-diên thành,
Ngìn vàng sao chuộc lấy mình họ Thi !

hành; tuy lúc nào cũng nói thương dân mà lòng muốn làm hại kẻ dưới cứ mỗi ngày một tăng; răn mớ dân để làm giàu cho mình, làm cho dân kiệt sức để thỏa lòng tham-muốn; tự cho mình giàu mạnh, như ý vào thế của guom bên, không biết cơ khuynh-bại cũng nguy như lại sương buổi sáng dễ tan.

Nếu không đổi chính-sách cho rộng-rãi, thì mỗi nguy-cong đến nơi rồi.» (1).

(1) «夏爾南方，德萬生靈，亦皆朝廷赤子，明流宣化，必以愛民爲先。子今爲政，忠言嘉謀者見罪，奔走承順者見賞，姬姜得以弄政，弁髦得以弄權，雖黎民之說無時無之，而損下之心愈日愈烈！浚民膏以豐其財，竭民力以供其慾，自恃富強，豈有太阿之憂；不知垂敗，譬如朝露之危。如不濟之以寬刑，危亡立至矣。 Loát nhĩ Nam-phương, ư vạn sinh-nhân, diệc giải. Triều-đình sích-tử, thừa lưu tuyên hóa, tất dĩ ái dân vi tiên. Tử kim vi chính, trung ngôn giả mưu giả kiến tội, bôn tâu thừa thuận giả kiến thưởng; cơ-thiếp đắc dĩ lộng chính, biến-bổ đắc dĩ lộng quyền; tuy ái dân chí thuyết, vô thời vô chí, nhi tổn hạ chí tâm, dù nhật dữ liệt. Tuân dân cao dĩ phong kỳ tài, kiệt dân lực dĩ cung kỳ dục. Tự thị phú cường, lãn hữu thái-a chí thê, bất tri khuynh bại, thì như triêu lộ chi nguy. Như bất tế chi dĩ khoan, tắc nguy vong lập chí hi. »

(Trích sách « Trung-vương lịch-sử » của Cúc-hương-Hoàng Thúc-Một).

Những lời cương trực và đầy vẻ dọa nạt ấy không những chẳng khiến Tô Định nghe theo mà còn làm cho hắn tức-tối tìm cách hãm-hại Thi-Sách nữa.

Khi đó mẹ vợ Thi-Sách là Trần Thi-Đoan tức Mân-Thiện, cháu ngoại của Lạc-vương (1) đã chiêu tập binh-mã định dựng cờ khởi-nghĩa. Thi-Sách thấy Tô Thái-thứ không thêm đề ý đến lời nói của mình cũng mộ một đội quân hưởng-ứng cùng nhọc mầu.

Nhưng tiếc thay ! đội quân của ông chưa được tinh-nhuệ đã phải ra chỗ chiến-trường, nên vừa mới dàn trận ở Châu diên đã bị quân Tàu đánh tan nát. Thi-Sách bị giết.

Người anh-hùng than ôi ! đã dâng trọn mình trên bàn thờ tổ-quốc, để lại cái nghĩa-vụ nặng-nề cho đấng vợ hiền xứng - đáng : Trưng Chắc.

(1) Các sử-gia của ta trước kia vẫn gọi là Hùng-vương. Nay người ta đã nhận rằng gọi thế là lầm, vì lần chữ Lạc 陸 với chữ Hùng 熊 viết tương-tự nhau,

Trung Chắc (1), là con một vị Lạc-tướng ở huyện Mê-linh, thuộc Phong-châu (2).

Mồ côi cha từ sớm, bà cùng em gái (3) là Trưng Nhị (1) được bà mẹ họ Trần dạy dỗ rất là chu-đáo.

Thấy cái chính-sự tàn-bao của người Tàu, mẹ con bà Trưng chỉ mong mãi nhanh rửa vuốt để xoay chuyển thời-cực, phá cùm tháo xích cho non sông.

Sau khi Thị-Sách bị quân Tàu giết chết, Trưng Chắc lại càng căm hờn Tô Định : bà cùng mẹ và em chiêu-tập binh-mã, quyết ra tay rửa nhục cho nước và trả thù cho chồng.

(1) Theo quyền Thần-tích ở làng Lâu-thượng, huyện Bạch-hạc, tỉnh Phú-thọ, nhà họ Trưng làm nghề chần lằm, quen gọi cái kén đây là kén chắc, kén mỏng là kén nhì, nên khi sinh ra hai bà Trưng thì dùng hai tiếng thuật-ngữ ấy mà đặt tên cho hai chị em. (Theo Hoàng Cúc-bương). Chúng tôi cho lời bản trên là đúng, nhất là vì xưa kia chưa có chữ quốc-ngữ, viết chữ nôm phải theo chữ Hán, mà trong chữ Hán ch. có chữ « Trắc » không có chữ « Chắc », chỉ có chữ Nhị không có chữ « Nhì »

(2) Nay là làng Hạ-lôi, huyện Yên-lãng, tỉnh Phúc-yên.

(3) Theo quyền Thần-tích của làng Hạ-lôi, hai bà Trưng là hai chị em sinh đôi (sinh ngày mồng một tháng tám năm giáp-luất).

Bà chiêu-dụ các tay nữ-dũng, của bậc anh-hùng, rồi truyền lệnh đi mọi nơi: dân-gian đương sẵn ghét giặc quân Tàu, chỉ chờ dịp đề-sung vào đội nghĩa-bình mà gây nên độc-lập cho nước. Ngay những trẻ mục-đồng cuối trâu đi chăn cũng cao giọng hát những câu chầu-chùa tình yêu nước thương nòi, như:

*Nhiều điều phả lấy đá gương,
Người trong một nước phải thương
nhau cùng. (1)*

Cả một nước hăm hở muốn trừ quân giặc, nên thanh-thế bà Trưng một ngày thêm lừng-lẫy.

Bà đóng đồn ở Châu-diên, ngày mồng bảy tháng giêng, thao-diễn quân-sĩ ở bãi Trường-sa (2) rồi liền quân đánh nơi châu-trị của Tô Định.

Bị đánh bất ngờ, Thái-thú họ Tô phải bỏ thành chạy sang Hải-nam, rồi trốn về Trung-quốc.

(1) Trích bản sách *Thế-phổ đời Trưng*. Nhưng không biết cách đây hai nghìn năm dân ta đã có thể đặt được một câu có ý-nghĩa hàm-súc như thế không?!

(2) Thuộc Bạch-hạc (Vĩnh-yên).

Bà Trưng đi đến đâu như gió lướt đến đấy: các quận Cửu-châu, Nhật-nam, Hợp-phố (1) cũng nổi lên ủng theo bà.

Trong một thời-gian rất ngắn, bà lấy được sáu-mươi-năm thành (2) ở đất Lĩnh-nam (3) rồi xưng vương, đặt tên nước là Triệu, đóng đô ở Mê-linh, lập cung-điện ở làng Cồ-lai (4) và từ đó thoát-ly quyền nội-thuộc nhà Hán, (năm canh-tý, 40 sau tây-lịch).

Năm tân-sửu (41) vì thấy thế-lực Trưng-vương mỗi ngày một hùng-lấy, vua Quang-Vũ nhà Hán sai Phục-ba tướng-quân Mã Viện cùng với Trung-lang-tướng, Phù-lạc-bàn Lưu Long đem đại-đội binh-mã sang đánh.

Mã Viện (5) là một viên đại-tướng nhà Hán,

(1) Hợp-phố ở Quảng-dông; Cửu-châu và Nhật-nam ở phía bắc Trung-kỳ ngày nay.

(2) Ngô Sĩ-Liên cho rằng sử cũ của ta chép theo cái lầm của Hán-sử, chứ thực chỉ có 66 thành thôi.

(3) Chỉ phía Nam miền Ngũ-Hình nước Tào, nhưng cũng là tên cũ của nước ta.

(4) Nay là làng Hạ-lôi (Yên-làng, Phúc-yên).

(5) Chính Mã-Viện đã nói một câu càn truyền-tung đời đời: « 男兒當死於邊野，以馬革裹屍還葬，何能卧床上死於兒女手中耶。 (Làm con trai nên chết ở chỗ biên-dã, lấy da ngựa bọc thân đem chôn, há lại chộn nằm trên giường chết ở trong tay vợ con sao!)

hồi đó đã quá lục-tuần mà vẫn còn đứng-mãnh lắm.

Mã-tướng họp hai vạn binh ở gần Bắc-hải (Pakhoi), định dùng hai nghìn thuyền để vượt bể sang đánh ta, nhưng đương sắp-sửa tiến quân thì Lau-thuyền tướng-quân là Đoàn Chí bị bệnh mất.

Không thể đi đường bể, Mã đành kéo quân men theo hải-ngạn mà tiến. Đi đến đâu, Mã cũng đồnค่าย mở đường, quân-thế rất là Hùng-dũng.

Đến sông Thái-bình Mã cho quân tiến lên đánh Mê-linh.

Trung-vương đem quân ra địch, giao-chiến vào khoảng giữa con đường từ Hà-nội lên Sơn-tây ngày nay. Thế hà Trung còn vững; trận đầu quân Tàu bị thua phải rút về đóng ở vùng Lăng-bạc (1).

Quân Trung-vương thừa-thắng kéo đến đánh, nhưng vì địa-thế bất-lợi, nên bị chết

(1) Khâm-định Việt-sử chép: « Lăng-bạc còn một tên nữa là Dâm-đâm ở phía tây thành Đại-lá, đời Lê đổi là Tây-hồ. — Thủy-kinh-chủ lại cho là ở vùng Tiên-du (Bắc-ninh). — Charles Pairs nói: Lăng Lăng-bạc ở giữa khoảng Bắc-ninh và Cồ-loa.

bại nhiều. Hai bà phải kéo tàn-quân về giữ thành Mê-linh.

Mã Viện chờ cho hết mùa mưa, đến mùa thu năm qui-mão (43), mới sai Lưu Long đem một đại-dội đến hãm thành Mê-linh.

Vì thế đất ở đó hiểm-trở mà quân ta lại đánh lối du-kích, nên quân Tàu rất vất-vả, mà không lấy được thành.

Được ít lâu, Lưu Long lừa quân ta kéo đến Cẩm-kê (1) rồi đánh một trận rất hăng; quân bà Trưng không thể địch nổi phải tan vỡ cả.

Chẳng thể gỡ được tình-thế, hai bà cùng gieo mình xuống Hát-giang (2) để tìm cái chết trong sạch (3).

(1) Thuộc địa hạt Vĩnh-tường. — Theo Charles Poiris : thuộc Sơn-tây gần sông Đáy,

(2) Chỗ sông Đáy chảy vào sông Hồng-hà.

(3) Về cái chết của hai Bà, có nhiều thuyết khác nhau : Theo Lĩnh-nam trích-quái, hai bà hoặc chết ở vòng trận, hoặc lên núi Hi-sơn rồi biến mất. — Theo Khâm-định Việt-sử, thì hai bà chết trận. Theo bản Thần-tích thì chỉ một mình bà Trưng Nhị tử-trận, còn bà Trưng Chi thì bốn cháu ở núi Hi-sơn (!) Theo tục-truyền theo Đại-Nam quốc-sử diễn-ca và theo tấm bia ở đền làng Đồng-xá thì hai bà tự-trẫm ở Hát-giang.

*Cấm-kê đến lúc hiềm nghèo,
Chị em thất-thế phải liều với sông.*

(Đại-Nam quốc-sử diễn-ca)

Trải gần hai nghìn năm, cái lòng thương nước thiết-tha và cái chí kiên-công oanh-liệt của hai Bà còn chói-lọi trong sử sách. Trừ kẻ hàng-thần khốn-nạn Lê Tắc (1), tác-giả bộ *An-Nam chí-lược*, đã dùng hai chữ « phản-ngịch » mà chép sử hai Bà ; còn bao nhiêu sử-gia đều đồng-thanh khâm-phục cái sự-nghiep lừng-lẫy của hai vị nữ anh-hùng trước nhất của nước Nam :

Về thế-kỷ thứ 13, sử-gia Lê Văn-Hưu viết trong *Đại-Việt sử-ký* như thế này :

徵側,徵貳以女子一呼而九真,
日南,合浦及嶺外六十五城皆

(1) Lê Tắc lúc trốn sang Tàu có làm bộ *An-Nam chí-lược* gồm 20 quyển, chép theo thể bách-khoa. Trong quyển thứ 15, y cho hai bà là « phản nghịch ». Trong quyển thứ 19, ở bài Đồ-chí-ca y viết câu sau này :

徵平二女選好雄。

Mê-linh nhị nữ sinh gian-hùng.

(Hai gái Mê-linh thực gian-hùng.)

Ôi ! Khốn-nạn thay ngôi bút kẻ hàng-thần !

應之。其立國稱王易如反掌。可見我越形勢足至霸王之業也。惜乎繼趙之後，以至吳氏之前，千餘年之間，男子徒自低頭束手爲北人臣僕，曾不愧二徵之女子！嗚！可謂自棄矣！」

« Trung Trắc, Trung Nhị dĩ nữ-tử nhất hộ nhi Cửu-chân, Nhật-nam Hợp-phố cấp Lĩnh-ngoại lục-tập-ngũ thành giai ứng chí. Kỳ lập quốc xung vương dị như phản chương. Khả kiến ngã Việt hình-thể tức chi bá cường chi nghiệp dã. Tích hồ kẻ Triệu chi hậu, dĩ chi Ngô-thị chi tiên, thiên dư niên chí gian, nam-tử đồ tự đề đầu thúc thủ vì Bắc-nhân thân lộc, tằng bất quý nhị Trưng chi nữ-tử ! Ô ! Khả oĩ tự khĩ hĩ ! »

Dịch :

(Trung Chắc, Trung Nhị (1) là đàn-bà, hô lên một tiếng mà các quận Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố và sáu-mươi-năm thành (2) ở Lĩnh -ngoại đều hưởng-ưng ; dựng nước,

(1) Cối trang 24

(2) Cối trang 26

xung vương dễ-dàng như trở bàn tay. Thế mới biết hình-thể nước Việt ta đủ để làm nơi nghiệp bá-vương. Tiếc rằng từ sau đời Triệu đến trước họ Ngô, trong hơn một nghìn năm, bọn đàn-ông cứ cúi đầu bó tay làm tôi-tờ người Tàu, không từng xấu-hổ với hai bà Trưng là phan đào-bà! Ôi! thế là mình tự hổ mình vậy!)

Trong « Việt-sử lịch-dại tổng-luận » của viện Tập-hiến có câu :

「徵女王爲夫復讐，與妹起兵，一舉而略定六十五城，自立爲王，蓋亦女流之英傑也。」

« Trưng nữ-vương vì phu phục thù, dữ muội khởi binh, nhất cử nhi lược định lục-thập-ngũ thành, tự lập vi vương, cái diệc nữ-lưu chi anh-kiệt dã ».

Dịch :

Trưng-vương vì chồng trả thù, cùng em dấy binh, một lần mà lược-định được sáu-mươi-năm thành, tự-lập làm vua, thực là bậc nữ-lưu anh-kiệt vậy).

Về cuối thế-kỷ thứ 19, vua Tự-đức phê trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* câu sau này :

« 二徵以裙衩之流, 乃能雄心, 義舉, 震動漢庭, 雖勢弱, 時乖, 亦足以興起人心, 留輝史冊. 彼鬚眉男子而斂衽, 事人, 不亦厚顏, 愧死乎? *Nhị Trưng dĩ quần-thoa chi lưu, nãi năng hùng tâm, nghĩa cử, chấn-động Hán-đình. Tuy thế nhược, thời quai, diệc túc dĩ hưng khởi nhân tâm, lưu huy sử sách. Bĩ tu-mi nam-tử nhi liễm nhĩn, sự nhân, bất diệc hậu nhơn, qui tử hử?* »

Dịch :

(Hai bà Trưng là khách quần-thoa mà hùng-tâm nghĩa cử làm chấn-động triều đình nhà Hán. Tuy thế yếu, thời trái, cũng đủ hưng-khởi lòng người, để gương sáng trong sử sách. Những bọn tu-mi nam-tử mà khép ao hầu người, chẳng cũng mặt dày then chết được hay sao?)

Đọc những lời phê-bình ấy, ta đã thấy rằng từ xưa đến nay, cả dân ta ai nấy đều

tôn-sùng ngưỡng-mộ hai Bà, vì hai vị anh-thu đó đã gieo cái mầm yêu nước thiêng-liêng vào nòi giống Hồng-Lạc.

Ngày nay khách hoài-cổ đến dâng hương ở đền Hai Bà (1) hay là ở miếu Hát (2), đọc tấm bia cũ (3) nhện cột-trụ

(1) Đền Hai Bà ở làng Đồng-nhân, gần phố Lò-đúc, Hà-nội. Đền này cứ ngày mồng sáu tháng hai thì mở hội. Đền cũ dựng từ năm 1142 đời vua Lý Anh-tôn; sau dời từ bãi sông vào trong làng và sửa chữa nhiều lần: năm 1812, năm 1848, năm 1893, năm 1921.

(2) Miếu Hát ở làng Hát-môn, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây. Miếu làm trong đá, trông ra sông Hát.

(3) Bia ở đền Đồng-nhân, dựng năm 1848, do ông đốc-mạc Hà-nội Dương Duy-Thanh soạn. Trong bia có câu: «兩王一爲其夫。一爲其婦。雖然極忍。奮楚難屈。以節理而供戎服。以救危而事干戈。不數月間。罪定頓表六十五城之雄。建國稱王。都于麗舍。此非奇事業而何。 Lưỡng vương nhất vị kỳ phu, nhất vị kỳ tỷ, bách nhiên chấn nê. phần khởi nghĩa-sư, dĩ trâm nhi nhi cung nhung phục, dĩ trung-liêm nhi sự can qua, bất số nguyệt giâu, lược định Lĩnh-biên lục-thập ngũ thành chi địa, kiến quốc xưng vương, đó vu Mô-linh, thủ phi kỳ sự-nghiệp nhi hà?» = (Hai Bà, người vì chồng, người vì chi, phùng-phùng nổi giận vùng dậy nghĩa-binh, bỏ trâm-thoa mà mặc nhung-y, quên gương lược mà cầm giáo mộc, chưa được vài tháng đã lược-định 65 thành ở Lĩnh-ngoại, dựng nước xưng vương, đóng đô ở Mô-linh, chẳng phải là một sự-nghiệp lạ-lùng hay sao?)

xưa (1), không thể chẳng bồi-hồi nghĩ đến cái khi thiêng của non sông nhờ có chí anh-hùng và lòng hi-sinh của hai Bà mà còn phảng-phất trên giang-sơn hoa gấm của chúng ta !

(1) Ở đền Đồng-nhân cũng như ở miếu Hát đều có cột-trụ
Cột-trụ ở miếu Hát có đôi câu đối :

剛柱折完交嶺峙，葉露盈潤喝江長。
Đồng-trụ chiết hoàn, Giao-lĩnh trĩ ; Cầm-khê doanh hạc, Hát-
giang trường. = (Đồng-trụ gãy, còn, Giao-lĩnh đứng, Cầm-khê
đầy, cạn, Hát-giang dài).

3.— Đầu voi phát ngọn cờ vàng

Mã Viện đánh được Trung - vương rồi; nước ta lại thuộc quyền Hán-đế như cũ.

Đến lúc nhà Hán mất ngôi, người mình lại phải làm tôi-tớ nhà Đông-Ngô.

Trong hơn hai trăm năm, cái nhục nô-lệ không được một nam-tử nào rửa sạch cho núi sông. Lại phải chờ đến một tay nữ-kiệt mới tỏ được cho người Tàu biết rằng : con cháu Lạc-vương không phải là một dân-tộc yếu-hèn muốn dè đầu thế nào cũng được !

Bàc nữ-kiệt đó là một trảng thiếu-nữ họ Triệu (1), quê ở quận Cửu-châu (thuộc huyện Nông-cống, tỉnh Thanh-hóa ngày nay).

Triệu-nương mồ-côi từ sớm, vẫn ở với anh là Triệu Quốc-Đạt.

Chỉ năm hai-mươi tuổi, vì không chịu được người chị dâu ác-nghiệt, phải bỏ nhà vào núi ở. Sẵn có sức khỏe, lại có chí-khí hiên ngang, Triệu-nương chiêu-mộ các trảng-sĩ trong vùng rồi tụ gầy một thế-lực rất lớn. Có lần, Triệu-nương đã nói với người anh một câu đầy khí-khải :

— Tôi muốn cưới cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá trảng-kình ở bể Đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đăm-đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng làm tì-thiếp người ta !

(1) Từ xưa ta vẫn theo sử Tàu mà gọi vị nữ anh-hùng họ Triệu là Triệu Ẩu ; nhưng thực ra chữ Ẩu 嫪 chỉ là tiếng người Tàu dùng để chỉ người dân-bà có tuổi, có ý chế-nhạo Triệu-nương xấu như bà già. Vậy ta không nên giữ tên ấy nữa.

(Theo Quốc-sử định-ngoa của Lê Văn-Húc)

Năm mậu Thìn (248), thấy quan-lại nhà Ngô tham-tàn, bạo-ngược, làm khổ dân-gian, Triệu Quốc-Đạt dấy quân đánh quận Cửu-chân.

Triệu - nưong liền đem bốn tráng-sĩ của mình xuống giúp anh. Quân-sĩ thấy người can-đảm khác thường, tôn làm chủ-tướng, gọi là Nhụy-Kiều tướng-quân. Mỗi khi ra trận, nữ-tướng mặc áo giáp vàng, cưỡi voi mà xông-pha tên đạn :

Đầu coi phát ngọn cờ vàng,

Sơn-chôn mấy cõi chiến-trường xông-pha.

(Đại-Nam quốc-sử diễn ca)

Trông thấy cái vẻ oai-phong lâm-liệt của vị nữ - tướng, chính quân Tào phải tôn là Lệ-Hải Bà-vương (1)

Thứ sử Giao-châu là Lục Dận tự đem quân đi đánh mà trong năm sáu tháng vẫn bất-phân thắng-phụ. Về sau vì quân Tào càng ngày càng nhiều mà quân của Nhụy-Kiều tướng-quân thì

(1) Theo Việt-Nam phong-sử của Nguyễn Văn-Mại : « Quân-trung hiệu vị Nhụy-Kiều tướng-quân; Bắc-nhân hiệu vị Lệ-Hải Bà-vương » (trong quân gọi là Nhụy-Kiều tướng-quân; người Tào gọi là Lệ-Hải Bà-vương).

cứ bao-mòn dần, nên chẳng lâu lâu quân ta bị thua, Triệu nữ-tướng phải chạy đến xã Bồ-diễn (1), rồi tự-tử để giữ tròn tiết-tháo.

Cơ-đồ của Lẹ - Hải Bà-vương không được lâu bền, nhưng nhờ cái gương dũng-liệt của Người, cũng như của Trưng-vương, mà sau này Lý Bôn đánh đuổi Tiêu-Tư, Triệu Quang-Phục chống với Trần Bá-Tiên, Mai Thúc-Loan đánh với quân Đường, Phùng Hưng phá phủ đồ-hộ của Cao Chính - Bình và Ngô Quyền đánh tan quân Nam-Hán, rửa được cái nhục tòi-dòi của nước Tàu hơn một nghìn năm.

Vậy nền-tảng độc-lập sau này vững-vàng mãi được, chính là nhờ ở cái mầm yêu nước của họ Trưng, họ Triệu.

(1) Nay là xã Bồ-diễn, huyện Mỹ-hóa, Thanh-hóa. Hiện ở đây còn có đền thờ Triệu nữ-tướng.

4. — Nước lũ và nên hồ.

Vào khoảng giữa thế - kỷ thứ 6, nước ta thuộc quyền nhà Lương. Bên trong thì quan-lại Tàn hà-khắc, tham-những ; bên ngoài thì quân Lâm-ấp thỉnh-thoảng lại sang cướp phá, dân-gian cực-khổ trăm chiều.

Năm tân-dậu (541), một bậc anh-hùng tên là Lý Bôn (hoặc Lý Bi), tài văn, giỏi võ, người ở huyện Thái-bình (1), thấy tình-cảnh ấy, liền cùng viên tù-trưởng Châu-diên là Triệu Túc đứng lên họp người nghĩa-dũng đánh đuổi quân Lương.

Viên Thứ-sử Giao-châu là Tiên Tư phải bỏ chạy về nước. Lý Bôn chiếm thành Long-biên.

(1) Thuộc Phong-châu ngày trước, nay ở địa-hạt tỉnh Sơn-tây (không phải phủ Thái-bình thuộc tỉnh Thái-bình bây giờ).

Sau khi đã đuổi quân Tàu ra ngoài bờ cõi, ông sai tướng là Phạm Tu đem binh vào Cửu-đức (Hà-tĩnh) để đánh quân Lâm-ấp. Người Lâm-ấp thua phải rút về, không dám sang quấy-nhiều nữa.

Năm giáp-tí (544), ông Lý Bôn tự xưng là Nam-Việt-đế, lấy niên-hiệu là Thiên-đức, đặt quốc-hiệu là Vạn-xuân, phong cho Triệu Túc làm Thái-phó, Phạm Tu làm tướng võ.

Năm sau, vua Vũ-đế nhà Lương cho Dương Phiên làm Thứ-sử Giao-châu và sai Trần Bá-Tiên làm Tư-mã đem quân sang đánh nước ta.

Nam - Việt - đế bị quân Bá-Tiên tiến lên đánh, phải bỏ thành Long-biên chạy lên Gia-ninh (1). Bá-Tiên đuổi theo, vua Lý phải chạy về Tân-xương (2), mở xưởng chế-tạo chiến-thuyền, rồi đóng đồn ở hồ Điền-triệt (3).

Vì nước sông chảy vào hồ rất mạnh, Bá-Tiên kéo quân theo dòng nước tiến lên, vua

(1) Thuộc Yên-lãng (Phúc-yên).

(2) Tức là Phong-chấn cũ, thuộc Vĩnh-yên ngày nay.

(3) Thuộc huyện Lập-thạch.

Lý phải lui về giữ động Khuất-liệu (1). Chẳng may bị lam-chương mà mất.

Dân-gian nhờ công đặt câu phong-dao này để kỷ-niệm :

*Nước lã mà vũ nên hồ,
Tay không mà nổi cơ-đồ mới ngoan (2).*

Trong « Khâm-định Việt-sử », vua Tự-đức có phê rằng :

« Tuy Lý Nam-đế không đủ sức địch nổi, nên việc không thành, nhưng thừa-ihế dấy lên, tự xưng làm vua nước Việt, cũng đủ làm tiên-tbamb cho nhà Đinh, nhà Hậu-Lý, há chẳng vẻ vang to-tát lắm sao ! »

(1) Có người đọc là Khuất-lão (thuộc đất Hưng-hóa).

(2) Theo « Việt-Nam phong-sử » của Nguyễn Văn-Mai.

3. — Vua đồng-lầy

Sau trận thua ở hồ Điền-triệt, Lý Nam-đế giao binh - quyền cho tả-lương-quân Triệu Quang-Phục để chống với quân Tàu.

Quang-Phục là người Châu-diên, con quan Thái-phó Triệu Túc. Ông là người dũng-liệt, giúp nhà vua được nhiều công.

Khi ấy, thấy thế của Bá-Tiên còn mạnh, Quang-Phục biết rằng đánh nhau ở chỗ đất phẳng không thể nào được, liền chọn một chỗ đồng-lầy ở Dạ-trạch (1) để đánh lối du-kích.

Dạ-trạch là một đồng-lầy rất rộng, chung quanh cây cỏ mọc um-tùm, ở giữa có bãi cát có thể làm nhà ở. Muốn tiến vào đến nơi

(1) Thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên ngày nay.

phải qua một đám bùn lũng-bồng, người ngựa không thể nào đi được. Chỉ có một cách là dùng thuyền độc-mộc lướt trên mặt bùn và mặt cỏ thì mới có thể qua lại mà thôi.

Quang-Phục lập đồn giữa đồng Dạ-trạch. Đêm đến cho quân đi thuyền độc-mộc ra phá dinh-trại của Bá-Tiên, cướp lấy lương-thực, rồi lại lặn vào đầm lau sậy và cỏ rậm mà trốn vào đồn. Cứ thế, làm cho quân Lương tổn-hại rất nhiều.

Người trong nước phục tãi, tôn là Dạ-trạch-vương.

Được ba năm, nhân bên Tàu có loạn Hầu-Cảnh, vua nhà Lương triệu Bá-Tiên về nước, để lại viên tỳ-tướng là Dương Sơn (1) để chống với Quang-Phục.

Dạ-trạch-vương thấy thế có lợi cho quân mình, liền tiến binh ra đánh quân Lương. Dương Sơn bị chém chết, quân Tàu bị tan-rát, Dạ-trạch-vương chiếm lại thành Long-biên.

Lúc bấy giờ Lý Nam-đế ở Khuất-liệu đã bị bệnh mất, Quang-Phục liền lên ngôi vua, lấy hiệu là Triệu Việt-vương.

(1) Trong Việt-sử tổng-vinh biên là Lương Sơn.

Song Lý Nam-đế còn một người anh họ là Lý Thiên Bảo, khi trước bị quân nhà Lương đánh đuổi phải chạy sang Lào, đóng ở động Dã-năng (?) lấy tên là Đào Lang-vương.

Năm ất-bợi (555), Đào-Lang-vương mất, binh-quyền về cả một người tướng cùng họ là Lý Phật tử.

Phật-tử là người tham-lam, muốn chiếm lấy ngôi báu của Triệu Việt-vương, đem quân về đánh. Nhưng đánh nhau nhiều trận mà không phân thắng phụ. Phật-tử liền xin giảng-hòa.

Việt-vương nghĩ tình y là người họ Lý, bằng lòng chia đất cho y, lấy bãi Quân-thần (1) làm giới-hạn về phía tây; lại còn gả con gái cho y nữa.

Có ngờ đâu Phật-tử là quân phản-bội, chỉ muốn chiếm cả giang-sơn! Năm tân-mão (571), y kéo quân đến đánh Long-biên. Việt-vương bị đánh bất-thình-linh, không thể chống nổi, phải chạy đến cửa bể Đại-nha (2);

(1) Nay thuộc làng Thượng-cát, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-dồng.

(2) Thuộc huyện Đại-an, tỉnh Nam-dinh ngày nay. Trong *Việt-Nam sử-lược*, Trần Trọng-Hàm nói là sông Đại-nha, nhưng sách như gọi là Đại-nha hải-khẩu.

rồi muốn tránh cái nhục ở dưới quyền kẻ phản-bội, vương nhảy xuống nước tự-lũ.

Dân miền ấy cảm cái tình của vương, lập đền thờ, nay còn ở làng Độc-bộ, gần huyện Đại-an.

6 — Xin giết tôi đi !

Về cuối đời Đường, nước Tàn có nội-loạn, nhà vua không còn đủ sức mạnh mà cai-trị thiên-hạ.

Nhân dịp ấy, ở Giao-châu có Khúc Thừa-Dụ dấy nghiệp, được nhân-dân cử làm Tiết-độ-sứ. Họ Khúc cha truyền con nối, giữ quyền được 17 năm.

Nhưng năm qui-mùi (923), cháu của Thừa-Dụ là Thừa-Mỹ bị tướng của vua Nam-Hán là Lý Khắc-Chính đem quân sang đánh.

Một viên tướng cũ của họ Khúc là Dương Đình-Nghệ (1) nổi lên đánh đuổi quân Nam-Hán mà tự xưng là Tiết-độ-sứ.

Song năm đinh-dậu (937), một nha-tướng của Dương là Kiều Công-Tiện, vì tham-lam, giết chủ đi, rồi chiếm thành Đại-la (2).

Khi ấy, một người tướng khác của Dương là Ngô Quyền (3) đương cai trị miền Ái-châu (4), nghe tin Công Tiện làm việc phản-phúc, liền kéo quân ra vây thành Đại-la.

Công-Tiện cho tướng-tá ra nghênh-dịch. Trong bọn ty-tướng của Công Tiện có một trang nghĩa-sĩ tên là Lưu Định.

Lưu Định đem quân trong thành ra đánh giải vây, nhưng vì mắc mưu phải bắt sống.

(1) Các sử cũ đều là Dương Diên-Nghệ, nhưng chúng tôi nhận thấy rằng hiện nay ở làng Dương-xá là quê-hương của Dương-công, còn có nhiều người họ Dương-đình, chứ không có một ai họ Dương-diên cả. Vậy chắc sử ta đã lầm chữ đình (庭) ra chữ diên (延) vì hai chữ na-ná nhau. Trong « Việt-sử tổng-vịnh », cũng viết Dương-đình.)

(2) Tức là Hà-nội bây giờ.

(3) Xin xem bài số 7.

(4) Tức Thanh-hóa ngày nay.

rồi bị quân lính dẫn đến trước mặt Ngô Quyền.

Lưu Đĩnh cứ đứng trơ-trơ không chịu quỳ. Ngô Quyền thấy người khí-khái có ý nể, nhưng cũng lớn tiếng mà nói rằng :

— Đến nước này mà nhà ngươi còn chưa biết ăn-năn ư ? Dương-công khi trước vì dân vì nước mà đánh đuổi quân Nam-Hán để lấy quyền độc-lập lại cho non sông tổ-quốc, thế mà Kiền Công-Tiên chỉ vì tư-lợi ám-hại Dương-công. Cả nước đều căm-giận. Nhà ngươi là người nước Nam, lẽ ra phải vì nước nhà mà diệt quân phản-bội mới phải chứ, sao lại đi thờ đũa bất-lương ? Ta vốn biết ngươi là một trang nghĩa-sĩ, nếu biết cái-tà qui-chính, ta sẽ trọng-dùng ; bằng không nghe lời ta, thì ta sẽ phân-thay để thiên-hạ bớt một tên bất-chính.

Lưu Đĩnh nghe Ngô Quyền nói, đứng trầm-ngâm nghĩ-ngợi, rồi bình-tĩnh trả lời :

— Nghe lời ông nói, tôi mới hiểu là đã đi lầm đường, nhưng tôi đã trót theo Công-Tiên thì không thể phản-y mà theo ông. Vậy muốn giữ toàn danh-tiết của tôi, tôi xin ông giết tôi đi là xong !

Ngô Quyền nghe lời nói quả-quyết ấy, khen Lưu Định là một kẻ trượng-phu, rồi truyền thả cho ra.

Ra khỏi dinh Ngô Quyền, Định muốn quay về chỗ lều tranh mà mai-danh, ẩn-tích chứ không thờ kẻ tiểu-nhân Công-Tiền nữa. Song chắc Định lại cho rằng : kẻ sĩ dù ở dù đi cũng phải cho mình bạch, nên muốn vào thành Đại-la nói thẳng cho Công-Tiền biết.

Thấy Định về, Công-Tiền mừng rỡ hỏi han. Định nghiêm nét mặt nói rằng :

— Trước kia tôi từ chỗ lều cỏ xuống đây giúp ông, chỉ vì nghĩ rằng làm trai phải có công gì với núi sông. Nay tôi mới biết là hành-động của ông không được chính-đáng, nên tôi xin đến chào ông để quay lại chốn thảo-lư.

Công-Tiền cười mà đáp rằng :

— Người đã bị Ngô Quyền nó dụ hàng rồi ! Người phải biết rằng : Khi xưa, Lý Khắc-Chính sang đánh Giao-châu, bắt Khắc Thừa-Mỹ, dân-gian đều oán-thán. Dương Đình-Nghệ thừa dịp ấy nổi lên, lấy danh-nghĩa là báo-thù cho họ Khắc, nên mới thành-công. Nhưng khi đã khôi-phục được non sông rồi, lại tự

giữ chức Tiết-độ-sứ, chứ không tìm con cháu họ Khúc mà lập, nên ta vì nghĩa mà giết đi.

Lưu Định ung-dung hỏi :

— Thế sao khi giết họ Dương rồi, ông cũng không tìm con cháu họ Khúc mà lập ? Tôi là kẻ tầm-thường, không thể hiểu được cái nghĩa của ông, vậy xin lui về.

Nói xong bước ra.

Em Kiều Công-Tiến là Kiều Thuận thấy thế giận lắm, xin anh cho theo giết đi. Công-Tiến gạt đầu, Thuận chạy theo ra cổng thành, rút gươm chém đầu Định đem vào.

Lưu Định tuy bị chết oan dưới tay anh em Kiều Công-Tiến, nhưng cái danh tiết của họ Lưu còn sống với sử xanh.

7. — Sóng Bạch-đăng

Khi nghe tin Kiều Công-Tiên vì tư lợi mà giết chủ-tướng Dương Đình-Nghệ, người con rể của Dương-công là Ngô Quyền (1) đang đóng quân ở miền Ái-châu, vội-vàng kéo binh ra đánh quân phản-chủ.

Thấy mình không thể địch lại họ Ngô, Công-Tiên liền tính kế « công rắn cắn gà nhà » cho người sang cầu-cứu vua Nam-Hán (2).

(1) Người làng Đường-lâm (huyện Phúc-thọ, Sơn-tây).

(2) Nam-Hán ở phía Nam nước Tàu, thuộc tỉnh Quảng-tông ngày nay.

Vua Hán là Lưu Nham được dịp xâm-lấn nước Nam, cho Thái-tử là Hoảng-Thao lĩnh chức « Tinh - hải quân tiết-độ-sứ », tức là Giao-vương, đem chiến-thuyền đi trước, còn tự mình đóng quân ở ngoài cửa bể để làm thanh-viện.

Ngô Quyền, trước khi chống nạn ngoại-xâm, thúc quân phá thành Đại-la, giết đũa phản-phúc Công-Tiện.

Được tin Hoảng-Thao sắp tiến vào sông Bạch-đẳng, ông hội các tướng-sĩ mà bàn rằng :

— Hoảng-Thao từ xa đến, sĩ-tốt mỗi-một, lại nghe thấy Công-Tiện bị giết, không còn nộ-ứng, vậy ta đánh chắc là được. Song chiến-thuyền của họ lợi-hại lắm, ta không phòng trước thì thắng bại chưa biết thế nào.

Nói rồi, ông truyền lệnh cho quân-sĩ lấy gỗ đẽo nhọn và bọc sắt, làm thành những cái cọc lớn đóng giữa lòng sông.

Lúc thủy-triều dâng lên, đại-tướng họ Ngô đem quân ra khiêu-chiến, rồi vờ thua chạy, dụ cho quân giặc đuổi theo vào quá khúc sông có dòng cọc.

Đến lúc nước triều rút xuống, liền hô quân quay đầu đánh ập lại rất mạnh, thuyền giặc phải lùi, vướng vào cọc thủng nát cả : quân Nam - Hán bị chết chìm vô - số. Thừa thắng, quân ta đuổi đánh rất bảnh, Hoảng-Thao bị bắt và bị giết.

Vua Nam-Hán được tin con tử-trận, buồn rầu kéo quân về Phiên-ngung (1), không dám sang xâm-lấn nữa.

Thế là trận Bạch-đăng này mở đầu cho nền độc-lập nước ta.

« Việt-Nam sử-lược », viết về Ngô Quyền có câu : « Ngô Quyền trong giết được nghịch-thần báo thù cho chúa, ngoài thì phá được cường-dịch, bảo-toàn được nước, thật là một người trung nghĩa lưu-danh thiên-cổ ».

(1) Phiên-ngung ở gần Quảng-châu ngày nay. Kinh-dô nhà Triệu cũng ở đây.

8.— Bốn phương thu lại một nhà

Ngô Quyền đánh tan được quân Nam-Hán, liền xưng vương, đóng đô ở Cổ-loa (1) định lập nghiệp lâu dài. Chẳng may mười lăm vua được sáu năm đã mất (944).

Sau khi Ngô vương băng, người em vợ là Dương Tam-Kha cướp quyền, tiếm vị. Thờ-hào các nơi không chịu thần-phục, đều xưng lên độc-lập, xưng là sứ-quân, mỗi người cát-cử một nơi.

Đến khi hai con Ngô-vương là Xương-Ngập và Xương-Văn đã khôi phục được nghiệp cũ,

(1) Nay còn di-tích ở huyện Đông-anh, tỉnh Phúc-yên.

các sứ-quân cũng vẫn muốn chiếm giữ từng khu, giang-sơn đầu anh-hùng đấy !

Xương-Ngập bị bệnh mất ; Xương-Văn bị giặc bắn chết ; đến lúc con Xương-Ngập là Xương-Xí lên nối ngôi, thì thế-lực nhà Ngô càng suy-nhược. Xương-Xí phải giữ một miếng đất nhỏ ở Bình-kiều (?), cũng chỉ là một sứ-quân. Trong nước, lúc bấy giờ, chia làm 12 khu-vực, mỗi khu-vực có một sứ-quân (2) ; họ hằm-hè, ghen-ghét lẫn nhau.

Cánh chia rẽ ấy, nếu kéo dài ra, tất sẽ đổi đất nước thành một cái mồi dễ-dãi cho quân Nam-Mân.

May sao trong lúc phân-tranh, nổi lên một bậc anh-hùng kỳ-kiệt có tại.

2) Có 12 sứ-quân, cắt-cứ ở những nơi này :

1) Ngô Xương-Xí ở Bình-kiều (?)

2) Trần Lâm ở Bồ-hải-khẩu (Kỳ-bố, Thái-bình).

3) Đỗ Cảnh-Thạc ở Đỗ-động-giang (Thanh-oai, Hà-đông)

4) Kiều Công-Hãn ở Phong-châu (Bạch-hạc, Vĩnh-yên).

5) Nguyễn Khoan ở Tam-đái (Vĩnh-lương, Vĩnh-yên).

6) Ngô Nhật-Khánh ở Đường-lâm (Phúc-thọ, Sơn-tây).

7) Lý Khuê ở Siêu-loại (Thuận-thành, Bắc-ninh).

8) Nguyễn Thủ-Tiệp ở Tiên-du (Bắc-ninh).

9) Lữ Đường ở Tể-giang (Vĩnh-giang, Bắc-ninh).

10) Nguyễn Siêu ở Tây-phủ-liệt (Thanh-trì, Hà-đông).

11) Kiều Thuận ở Hồi-hồ (Cầm-kê, Sơn-tây).

12) Phạm Bạch-Hổ ở Đằng-châu (Hưng-yên).

*Bốn phương thu lại một nhà,
Mười-hai sứ-tướng đều là quét thanh.*
(Đại-Nam quốc-sử diễn-ca)

Bạc anh-hùng đó là Đinh Bộ-Lĩnh.

Bộ-Lĩnh (1) người ở Hoa-lư (2) là con ông Đinh Công-Trứ, một nha-tướng của Dương Đình-Nghệ, làm quyền Thư-sử Hoan-châu kiêm ngự-phiên đô-đốc.

Công-Trứ mất sớm, Bộ-Lĩnh theo mẹ là người họ Đàm về quê nhà. Lúc nhỏ, ra đồng chăn trâu, được trẻ mục-đồng tôn làm trưởng, lấy lễ vua tôi mà thờ: chúng khoanh tay làm kiệu rước, và lấy hoa lau làm cờ.

Lúc lớn lên, được dân làng miền ấy theo phục rất nhiều. Nhưng vì bất-hòa với người chú là Đinh Dự, nên Bộ-Lĩnh đem con là Liễn sang ở với sứ-quân Trần Lâm tức Trần Minh-công ở Bồ-hải-khẩu.

Trần Lâm thấy người khôi ngô, và có chí, có tài, rất quý mến và cho giữ binh-quyền.

(1) Có sách nói Bộ-Lĩnh húy là Hoàn.

(2) Chính gốc tích Bộ-Lĩnh ở làng Bật-hữu, tức Đại-hoàng thuộc huyện Gia-viễn, (Ninh-bình).

Khi Trần Minh - công mất, Bộ-Lĩnh đem quân về giữ Hoa-lư, chiêu-mộ hào-kiệt rồi hùng-cử ở đó.

Năm tân-hợi (951), hai anh em Ngô Xương-Văn (Nam-tấn-vương), và Xương-Ngập (Thiên-sách-vương) đem quân đến đánh Hoa-lư.

Vì binh-lực chưa được mạnh-mẽ, Bộ-Lĩnh phải cho con là Liễn làm con-tin để mưu-kế hoãn binh.

Tuy thế họ Ngô vẫn thắng tay đánh Hoa-lư.

Song Nam-tấn-vương và Thiên-sách-vương đã vất-vả hơn một tháng mà không lấy được thành, liền nghĩ kế treo Đỉnh Liễn lưng-lẳng ở đầu sào để bắt ép Bộ-Lĩnh phải hàng.

Nhưng Bộ-Lĩnh cương-quyết hi-sinh tình phụ-tử, khiến hai anh em vua Ngô không nỡ giết Liễn và rút quân lui, để lại cái may-mắn cho họ Đinh, từ bấy một ngày một mạnh thế.

Sau khi hai anh em Xương-Ngập và Xương-Văn đã mất, Bộ-Lĩnh đem quân đánh sứ-quân Phạm Bạch Hổ ở Đẳng-châu và sứ-quân Đỗ Cảnh Thạc ở Đỗ-đông-giang. Từ đó, họ Đinh đi đến đâu cũng đánh giết các sứ-quân

khác. Chỉ có một năm mà dẹp yên được cả nước, thu cả giang-sơn vào một mối. Cho nên ai nấy đều tôn là Vạn-thắng-vương.

Năm mậu-thìn (968) vương lên ngôi hoàng-đế, lấy hiệu là Tiên-hoàng, đặt tên nước là Đại-cồ-việt, đóng đô ở Hoa-lư-thành, (1), chế triều-nghi, đặt quan-tước, chính-thống của nước ta bắt đầu có từ đây (2).

Phê-bình việc thống-nhất đầu tiên trong sử ta, sử-gia Lê Văn-Huân viết :

« Đương lúc nước nhà không chủ, những kẻ hùng cát-cử mỗi người một nơi, Đinh Tiên-hoàng, lấy tài trí hơn người, dũng-lực hơn đời mà nhất-cử dẹp được mười-hai sứ-quân ; mở nước, dựng kinh đô, đổi quốc-hiệu, xưng hoàng-đế. đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đầy đủ : đó là ý trời vì nước ta mà sinh ra thánh-triết để nối quốc-thống ! »

(1) Hoa-lư-thành ở xã Trường-yên, còn Hoa-lư-động ở làng Uy-tế. Ngày nay còn đều thờ vua Đinh ở xã Trường-yên.

(2) Có người nói : Vua Đinh Tiên-hoàng là ông vua đầu tiên ở nước ta đã đúc ra tiền đồng, gọi là tiền « Thái-bình ». Không chắc có đúng không.

Ngày nay, đồng-bào ta còn nhớ ơn vua Đinh đã dẹp yên đất nước, nên hàng năm cứ đến ngày mồng mười tháng ba, người ta còn nô-nức kéo nhau triều hội Trường-yên, để tỏ lòng thành-kính đối với một vị cái-thể anh-hung!

9. — Không trừ loạn, mặt nào nhìn thấy Tiên-đế ?

Năm kỷ-mão (979), một tên gian-hùng là Đỗ Thích vì năm mê thấy một ngôi sao rơi vào mồm, tưởng là có triệu làm vua, liền rắp tâm làm việc thí-doạt. Một hôm, nhân thấy vua Đinh Tiên-hoàng say rượu nằm ở trong cung, Đỗ Thích lên vào giết, rồi giết cả Đinh Liễn, đề mong cướp ngôi.

Nhưng y chỉ là một kẻ khốn-nạn điên-rồ, không có tài-cán gì, nên bị đình-thần bắt được làm tội.

Người con thứ hai của Tiên-hoàng là Vệ-vương Đinh Tuệ mới có sáu tuổi, được tôn làm vua. Bao nhiêu quyền-chính vào cả tay thập-đạo tướng-quân Lê Hoàn.

Hoàn tư-thông cùng Thái-hậu họ Dương, tự-do ra vào chỗ cung-cấm, nhiếp-chính lộng-quyền, tự xưng là phó-vương.

Trong bọn đại-thần có Nguyễn Bặc là một ti-tướng chân tay của Đinh Tiên-hoàng khi trước, thấy thế không chịu được, bèn họp hai đại-tướng khác là Đinh Điền và Phạm Hạp lại mà nói rằng :

— Thái-hậu nội loạn. Lê Hoàn lộng quyền, chúng ta yêu nước, nếu không sớm lo vì vua trừ loạn, mặt nào nhìn thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa ?

Nói rồi, ba người cùng khởi-binh về kinh-đô để giết Lê Hoàn. Quân hai bên đánh nhau ở Hoa-lư, nhưng vì thế yếu, Nguyễn Bặc cùng với Đinh Điền và Phạm Hạp đều bị chết cả.

Mấy vị trung-lương này đã chết, cái chết vinh !

10.—Tặng nhất gươm này

Tháng ba năm mậu-thìn (1028), vua Lý Thái-tổ vừa mới thăng-hà. Triều-thần theo di-chiếu định tôn Thái-tử Phật-Mã lên ngôi báu, trước khi làm lễ phát-tang.

Lễ đăng-quang chưa cử-hành. thì ngoài thành đã ồn-ào tiếng người, tiếng ngựa. Thì ra ba hoàng-lũ: Võ-dức-vương, Dục-thánh-vương và Đông-chinh-vương đem quân tam-phủ vây cấm-thành để toan bề tiếm-đoạt.

Quan Nội-thị viên-ngoại-lang là Lý Nhân-Nghĩa xin Thái-tử cho đem quân ra đuổi bọn phản-ngịch.

Người đi đầu mở cửa ra ngoài thành là Vũ-vệ tướng-quân Lê Phụng-Hiễn.

Phụng-Hiễn người ở Bắg-son, thuộc Ai-châu (1). Lúc nhỏ đã hùng-dũng. Một lần hai thôn Cồ-bi và Đàm-xá tranh nhau địa-giới. Phụng-Hiễn bảo với dân thôn Cồ-bi rằng:

— Một mình tôi đánh cũng đủ,

Rồi, sau khi ăn uống no-né, Hiễn cầm cây, xông vào đánh: dân thôn Đàm-xá chạy tán-loan, phải nhường ruộng cho dân Cồ-bi.

Lý Thái-tổ nghe thấy tài-danh, vời cho làm tướng.

Lúc ba hoảng-tử đến hãm thành, Phụng-Hiễn thúc quân ra đánh. Ông tiến thẳng đến cửa Quảng-phúc, rút gươm chỉ vào mặt Võ-đức-vương mà hét lên rằng:

— Các người dòm ngó ngôi cao, khinh-dễ tự-quân, trên quên ơn đức Tiên-đế, dưới trái nghĩa làm tôi con, vậy Phụng-Hiễn xin tặng nhất gươm này.

(1) Nay thuộc phủ Hoảng-hóa, Thanh-hóa.

Nói rồi, Lê tướng-quân nhảy vào chém ngựa Vũ đức-vương rồi giết chết vương ở giữa trận.

Quân tam phủ thấy thế, thất-dảm, cầm đầu chạy. Dục-thánh-vương và Đông-chinh-vương cũng chạy trốn.

Về sau, hai vị hoàng-tử ấy hối-hận, xin về chịu tội. Thái-tử Phật-Mã đã tức-vị, lấy tên là Thái-tôn, nghĩ tình cốt-nhục, tha tội cho và cho phục lại tước cũ.

Nhưng ngay năm ấy, nhà vua đặt lệ bắt các vương-thân, quốc-thích và bá-quan hàng năm phải đến đền Đồng-cổ (1) thề rằng :

— Làm con bất-hiếu, làm tôi bất-trung, thì xin quý-thần trị tội !

(1) Ở làng Đông-thái ở phía đông thành Thăng-long. Trong đền có cái trống đồng to, nên gọi là Đồng-cổ.

Theo Đại-Việt sử-ký toàn-thư, thì tháng ba năm Thiên-hành thứ nhất đời vua Lý Thái-tôn, ba vương làm phản. Ngày hôm trước, vua Thái-tôn nằm mộng thấy một vị thần xưng là thần núi Đồng-cổ đến báo vua rằng : « Vũ-đức-vương, Đông-chinh-vương và Dục-thánh-vương làm loạn, nên mau mau cất quân đánh... »

Cảm cái công dẹp loạn, nhà vua khen Lê Phụng-Hiền trung-chính hơn Uất-Trì-Kính-Đức đời Đường và thăng cho lên chức Đô-thống-thượng-tướng-quân.

Trong đời vua Thái-tôn, Phụng-Hiền lại còn theo vua làm tiên-phong đi đánh quân Chiêm, lập được công lớn. Muốn thưởng công ấy, nhà vua cho ông lên núi Bãng-sơn, ném con dao xuống, rơi đến đâu thì cho lấy đất đến đấy làm tư-nghiep. Ông ném xa được mười dặm. Đất ấy từ đó gọi là 'thác-dao-diễn'. Ngày nay Lê tướng-quân còn được tòng-tự trong miếu « Lịch-dại đế-vương ».

11. — Trăm yêu dân như yêu con

Vào khoảng đầu thế-kỷ thứ 11, nước ta có một ông vua rất nhân-tử : vua Lý Thánh - tôn.

Một năm, trời rét như cắt ruột, những người nhà giàu mặc mở ba mở bảy, áo kép, áo bông, mà cũng còn run như cây sậy.

Vua thấy thế, nói với thị thần rằng :

— Ta Mặc áo hồ-cầu (1) thế này mà còn lạnh, huống chi như những tù-phạm trong lao-ngục, chưa rõ gian ngay thế nào, mà cơm áo không đủ, e đói lạnh có kẻ đến chết, ta thương xót lắm.

(1) Áo bằng da loài chồn, loài cáo.

Nói xong, ngài truyền lấy chầu chiến cho tù và ban cơm mỗi ngày hai bữa đầy đủ.

Lại một hôm, ngự tại điện Thiên-khánh để xét các án-tù, ngài chỉ vào Đông-Thiên công-chúa đứng hầu bên cạnh mà bảo triều-thần rằng :

— Trẫm yêu dân như yêu con trẫm. Chỉ vì dân-gian ngu-dại mà mang tội, trẫm lấy làm thương-hại. Từ nay về sau, tội gì của dân cũng nên giảm nhẹ bớt đi.

Ông vua biết yêu thương trăm họ đến như thế, lẽ nào không được con dân trong nước tận-tâm tổ lòng trung nghĩa để báo đáp hoàng-ân.

Vua Lý Thánh tôn không phải chỉ là một ông vua có nhân, mà lại còn là một ông tướng có dũng lược :

Hồi ấy người Chiêm-thành cứ thỉnh-thoảng lại sang quấy-nhiên bờ cõi phía nam nước ta, ngài giao công-việc cai-trị trong nước cho bà Nguyên-phi, rồi tự cầm quân đi chinh-phạt.

Đánh mấy trận đều bất-lợi, ngài phải kéo quân về, nhưng giữa đường nghe thấy thiên-hạ khen bà Nguyên-phi trị dân khôn-khéo,

ngài nghĩ tự thẹn với người đàn bà, lại dẫn quân quay lại đánh một trận ráo-riết, quân Chiêm thua to, vua Chiêm là Chế Củ bị bắt phải dâng ba châu Địa-ly, Ma-linh và Bố-chính(1) để chuộc tội.

Nhà vua đã cho quần-thần và dân-gian những bài học hay về nhân và dũng!

(1) Thuộc Quảng-trị và Quảng-bình ngày nay.

12. — Châu-chấu đá voi.

Hơn một trăm năm sau khi nước ta thoát vòng nội-thuộc nước Tàu, dân ta đã ghi được vào trong sử một trang hiển-hách, oanh-liệt : ấy là việc Lý Thường-Kiệt đem quân sang đánh nhà Tống.

Thường Kiệt là người phường Thái-hòa, huyện Thọ-xương (trong thành-phố Hà-nội ngày nay). Ông trải thờ ba triều vua : trước hết sung chức « hoàng-môn-tri-hầu » dưới triều vua Lý Thái-tôn, sau thăng « nội-thị-tĩnh-đô-tri ». Dưới đời Thánh-tôn, vua ban chức Thái bảo và cho theo đi đánh Chiêm-thành ; lập được công lớn, được thăng « phụ-quốc Thái-phó » và được tước Công.

Ông là người rất tinh thao-lược và giỏi võ-ngệ; lại sẵn chí cương-quyết, giàu nghị-lực và chưa-chan tình yêu nước. Dưới triều vua Lý Nhân-tôn, ông muốn người Tàu phải trọng - đãi nước Đại - Việt và nể-nang vua ta.

Hồi đó, Tề-tướng Vương An-Thạch nhà Tống muốn lấy cái võ-công ở ngoài biên để làm cho người Tàu phục-tòng những phép cải-lương về việc nội-trị, nên lăm-le xâm-chiến nước ta. An-Thạch sai Lưu Di sửa-sang binh-khi, thuyền bè, cho người đi biên chép địa-thế của nước ta và cấm châu huyện không được buôn bán với người mình nữa.

Thường-Kiệt thấy thế, xin vua Nhân-tôn cho đem mười vạn quân cùng với Tôn Đản sang đánh nhà Tống.

Năm Ất mao(1075), quân nhà Lý kéo sang nước Tàu, yết khắp nơi một bài lộ-bổ (1), kẻ tội nhà Tống thì hành những phép mới và

(1) Cũng như những tờ truyền-đơn của các nước định ngày nay.

tài chính và binh-chính (1) làm khổ muôn dân, nên người Đại-Việt phải đẩy quân sang cứu vớt họ.

Lý Thường Kiệt đem quân đến hãm châu Khâm, châu Liêm (thuộc tỉnh Quảng-đông ngày nay), trong khi Tôn Đản hãm châu Ung (thuộc tỉnh Quảng-tây).

Viên đô-giám tỉnh Quảng-tây là Trương Thủ-Tiết đem một đội binh đến cứu châu Ung, nhưng bị Thường-Kiệt đón đánh ở ãi Côn-lôn (gần tỉnh Nam-ninh bây giờ) và giết ở giữa trận.

Châu Ung bị quân nhà Lý vây hơn bốn-mươi ngày. Sau cùng vì thế cô, viên tri-châu là Tô Đàm phải tự đốt mà chết.

Sau cuộc thắng-trận biên-bách ấy, quân nhà Lý làm một việc bậy là bắt người lấy

(1) Về việc tài-chính, An-Thạch đặt ra : 1-) phép thanh-miền cho dân vay tiền khi lúa còn xanh; 2-) phép miễn-dịch cho dân nộp tiền để khỏi sưu-dịch; 3-) phép thi-dịch giúp vốn cho người buôn-bán. — Về phép binh-chính thì đặt : 1-) phép bảo-giáp để dạy dân luyện-tập nghề binh; 2-) phép bảo-mã để giao ngựa cho dân nuôi, hễ con nào chết thì phải thưởng. Khi các phép ấy mới ban-hành ra, dân Tàu đều oán-hận, vì trái với chế-độ và phong-tục cũ, mà dân Trung-quốc lại rất là bảo-thủ.

của rất nhiều của người Tàu để đem về nước.

Năm bính-thân (1076), muốn trả thù nước Đại-Việt, Tống-triều sai Quách Qui tổng-sất cửu-quân hiệp cùng Chiêm-thành và Chân-lạp chia đường sang đánh nước ta.

Thường Kiệt thấy quân Tống vào trong biên-giới liền đem binh đi cự-địch. Quân Tống bị chặn ở sông Như-nguyệt (1) và bị chết hại nhiều. Quách Qui phải đem quân về đóng ở sông Phú-lương (2).

Thường Kiệt đem binh thuyền đến chặn không cho quân Tống sang sông, nhưng quân của Quách Qui biết dùng máy gổ bắn đá vào thuyền quân ta, nên trận ấy quân ta có nhiều người bị tử-trận.

Thấy quân Tống đánh hăng-hái quá, tướng-quân Thường Kiệt e quân ta ngã lòng, liền

(1) Tức là sông Cầu ngày nay.

(2) Khâm-định Việt-sử chép rằng sông Phú-lương chảy qua Bạch-hạc và Nam-dịnh rồi ra biển, vậy tức là sông Nhị-hà ngày nay. Song Trần Trọng-Kim liên-sinh bác thuyết đó, cho là xem trợn-thế lúc bấy giờ thì sông Phú-lương chảy ở đây chính là sông Cầu, chứ không phải sông Nhị-hà (Việt Nam sử lược quyển thượng, trang 55).

đặt ra một bài thơ tứ-thuyết, nói rằng có một vị thần miễn mới cho. Bài thơ đó như thế này :

Nam-quốc sơn hà, Nam-đế cư,

南 國 山 河 南 帝 居

Tiệt-nhiên định phận tại thiên-thư.

截 然 定 分 在 天 書

Như bà nghich-lỗ lai xâm phạm,

如 何 逆 虜 來 侵 犯

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

汝 等 行 看 取 敗 處

Dịch :

Non sông Nam-quốc sẵn vua rồi,

Đã định ranh-ranh ở sách trời.

Bọn giặc có sao xâm-phạm tới ?

Rồi đây bay sẽ bị toi-bời.

Bài thơ này có một cái mãnh-lực lạ-lùng khiến quân ta nức lòng mà xông vào đâm tên đạn, làm cho quân Tống không thể tiến lên được. Vì thế Tống-triều mới chịu giảng-hòa với vua Lý và xin lại những người ở châu

Khâm, châu Liêm và châu Ung, mà quân ta bắt về khi trước (1).

Không những Lý Thường-Kiệt đã cả gan sang đánh nước Tàn và chống giữ non sông khỏi vòng nô-lệ nhà Tống, ông lại còn giúp vua Lý đánh bọn giặc Lý Giác ở Diễn-châu (Nghệ-an) và khi đã bảy-mươi tuổi còn cầm quân đi đánh Chiêm-thành để đòi lại ba châu Địa-lý, Ma-linh, Bố-chính mà Chế Củ đã dâng cho Lý Thánh-tôn từ năm 1069.

Ông Lý Thường-Kiệt thực là một vị tướng uy-dũng và nhiều mưu-lược ; vì thế ông không thẹn với câu « Cồ kim vũ-công đệ nhất » của « Việt-sử tổng-vinh » đã khen.

(1) Có tất cả 221 người. Vua nhà Lý bắt thích vào trán những người trai tráng dưới 20 tuổi ba chữ « Thiên-tử binh »; những người quá 20 tuổi thì phải thích ba chữ « Đầu Năm-triều ». Còn con gái thì phải thích vào tay trái hai chữ « Quan khách ».

Lối đó thực là trên tức nhà Tống, nhưng vua Lý đã có Lý Thường-Kiệt kia mà !

13. — Đầu bếp cũng trung-thần

Khi vua Lý Thần-tôn mất, Thái-tử Thiên-Tộ, mới có ba tuổi, lên nối ngôi, lấy tên là Anh-tôn.

Bao nhiêu quyền-bính đều vào tay Đỗ Anh-Vũ là em Đỗ Thái-hậu, mẹ đẻ của Lý Thần-tôn.

Mới đầu, Anh-Vũ làm Cung-điện-lệnh, sau thăng Thái-uy.

Vì tư-thông với Lê Thái-hậu, mẹ của Anh-tôn, nên Anh-Vũ tự-do ra vào chỗ cung-cấm, lên mặt kiêu-ngạo, khinh-dễ triều-thần, việc gì trong nước cũng tự mình quyết-đoán.

Quan Điện-tiền-đô-chỉ-huy-sứ Vũ Đại cùng với Phò-mã Dương Tự-Minh, Quảng-vũ-đô

hỏa-dầu Lương Tượng-Cá, Ngọc-giai-dò hỏa-dầu Đồng Lợi, Nội-thị Đỗ Ất... mưu sự trừ Anh-Vũ đi.

Họ tụ-tập quán-sĩ rồi kéo nhau đến cửa thành, kêu to lên rằng :

— Anh-Vũ ra vào chỗ cấm đình, làm những việc ô-nết, tội thực là lớn, vậy xin trừ đi.

Liền đó có nhiều sai cấm-quân bắt Anh-Vũ trói ở trại quán Tả-hưng-thánh, đề rồi triều-đình xét tội.

Lê Thái-bậu được tin người tình mắc nạn, sai người đem thức ăn nóng đến, giấu tiền ở tròn bát để lo-lót Vũ Đái và viên Giám-thủ.

Thấy thế, người đầu bếp của trại Tả-hưng-thánh là Nguyễn Dương, tức quá, nói rằng :

Các người tham tiền lo-lót, các người và tôi chắc không thoát tay Anh Vũ, chỉ bằng giết hẳn trước đi, khỏi di-họa về sau.

Nói rồi cầm giáo định đâm. Vũ Đái sai người ôm Dương, giằng lấy giáo, ngăn lại mà nói rằng :

— Tội Anh-Vũ đáng chết, nhưng phải nên chờ mệnh vua, không nên tự tiện hành động.

Nguyễn Dương, giận quá, trả lời :

— Sao tham của lót mà chẳng tiếc mạng !

Nói xong, biết không thể thoát được, liền nhảy xuống giếng tự tử.

Về sau, quả như lời Dương, Anh-Vũ được thoát-nạn lại được vua tin dùng, liền tìm cách ton-hót để giết hại cả bọn Vũ Đái tất cả hơn mười người.

Riêng Nguyễn Dương đã tự mình đi tìm một cái chết cao-khiết, chứ không chịu bị nhục dưới tay một kẻ gian-thần !

14. Chàng ăn vàng.

Ở thế-kỷ thứ 12, dưới triều Lý Anh-tôn có một bậc hiền-thần văn võ kiêm-toàn (1), trị dân, dẹp loạn hết sức chu-đáo. Người đó là Tô Hiến-Thành.

Năm ất-mùi (1175), trước khi Anh-tôn băng-hà, nhà vua có phong tước vương cho ông. Vì con trưởng là Long-Xưởng có tội, phải giáng xuống làm thứ-dân, nhà vua bèn ủy-thác Thái-tử Long-Cán lúc bấy giờ mới có ba tuổi cho ông và Ngải xuống chiếu cho ông làm phụ-đạo và cho quyền quyết-đoán mọi việc.

(1) Ông tuyện cho vua Anh-tôn một đội quân mạnh, rồi tự ông cầm quân đi đánh tan giặc Thầu Lợt, giặc Ngưu-Không (vùng Hưng-hóa) và giặc Lào. Về nội-trị, ông giúp vua khai-hóa sự học và tôn-sùng Khổng-giáo.

Vua Anh-tôn vừa mới băng-hà, bà Chiêu-linh Thái-hậu muốn lập Long-Xưởng là con mình lên làm vua, bèn đem vàng đúc lốt cho vợ ông Hiến-Thành. Ông nhất-thiết cự-tuyệt và nói rằng :

— Tôi là đại-thần vàng di-chiều phò ấu-chúa, nay nếu ăn vàng mà phế-lập, thì còn mặt mũi nào nhìn thấy Tiên-đế ở cõi âm nữa !

Chiêu Thái-hậu lại vờ ông vào cung mà dụ trăm cách. Ông lâu :

— Kể trung-thần nghĩa-sĩ chẳng tham giàu sang mà làm điều bất-nghĩa ; huống-chi lời Tiên-đế còn vàng-vàng bên tai, tôi há chẳng vàng theo ru !

Rồi vào triều, ông cứ theo di-chiều mà lập Thái-tử Long-Cán, tức là vua Cao-tôn.

Ông làm phu-chính giúp vua trị nước đến năm kỷ-hợi (1179) thì mất.

Trước khi ông từ trần, bên giường bệnh, ngày đêm có ông Tham-tri Vũ Tán Đường hầu-hạ. Lúc bà Thái-hậu họ Đỗ là mẹ vua Cao-tôn đến thăm, có hỏi ông muốn cử ai thay ông.

Ông đáp :

— Xin cử quan Giám-ngự đại-phu Trần Trung-Tá.

Bà Thái-hậu ngạc-nhiên hỏi :

— Sao không cử Tham-tri Vũ Tán-Đường ?

Ông thưa :

— Nếu Ngài hỏi người hầu-hạ, tôi xin cử Vũ Tán-Đường ; còn hỏi người giúp nước, thì xin cử Trần Trung-Tá.

Trong Việt-sử tổng-vịnh, vua Tự-đức khen ông thế này :

Nghĩa trọng tài khinh thị trượng phu

義 重 財 輕 是 丈 夫

Y Chu tâm tích thế-gian vô

伊 周 心 迹 世 間 無

Lâm chung nhất ngữ do kim thạch

臨 終 一 語 猶 金 石

Tinh nhất tranh huy tứ phụ đồ.

星 日 爭 輝 四 輔 圖

Dịch :

Trọng nghĩa, khinh tài, thực trượng-phu,

Thế-gian mảy kẻ sánh Y, Chu (1).
Một lời khi thác như vàng đá,
Chơi lợi gương trung « tứ phụ đồ » (2).

(1) Y-Doãn và Chu-công, hai vị hiền-tướng của hai triều Thương và Chu nước Tàu.

(2) Vua Trần Nghệ-tôn thấy Lê Quý-Ly có ý chuyên-quyền, sai người vẽ một bức tranh, gọi là « tứ-phụ-đồ » để cho Quý-Ly. Trong tranh ấy vẽ bốn người trung: ông Chu-công giúp vua Thành-vương, ông Hoắc-Quang giúp vua Chiêu-đế, ông Gia-Cát Lượng giúp vua Hậu-chúa. Ông Tô Hiến-Thành giúp vua Lý Cao-tôn.

15. – Một mình một ngựa phá tan giặc

Năm canh-thìn (1280), niên-hiệu Thiệu-bảo đời vua Trần Nhân-tôn, ở đạo Đà-giang (Hưng-hóa), có bọn mừng Trịnh Dắc-Mật làm loạn. Quân địa-phương đánh mãi không được, phải xin triều-đình cho viện-binh ra dẹp.

Nhà vua sai Trần Nhật-Duật ra làm trấn-thủ đề trừ loạn.

Nhật-Duật, hiệu là Chiêu-văn-vương, là con thứ sáu vua Thái-tôn. Vương là người thông-minh, nhiều trí-lực, nhất là thạo về ngôn-ngữ, phong-tục các dân mừng mán ở thượng-

du. Vương nói được tiếng Tàu, tiếng Mông-cổ, tiếng Chiêm-thành, và nhiều tiếng Mường. Mán. (1) Mỗi khi giao-thiệp với người các nước láng-giềng hoặc các dân thổ, mán, vương theo đúng thói-lục của họ, đến nỗi sứ Tàu cũng lầm tưởng là người Chân-định bên Trung-quốc sang làm quan ở nước Nam. Vua Nhân-tôn thường nói:

— Chú Chiêu-văn có lẽ là hậu thân của Mường, Mán.

Khi phụng-mệnh đi trấn-thủ đạo Đà-giang, vương vui-vẻ đi ngay.

Nghे thấy vương đến, Dác-Mật cho người đến nói rằng :

— Mật không dám trái mệnh. Nếu vương một mình cưỡi ngựa đến trại Mật, Mật sẽ xin hàng.

Chiêu-văn-vương không do-dự, liền cưỡi ngựa cùng năm sáu đứa tiều-đồng đi sang trại giặc. Quán-sĩ thấy thế ngăn cản, vương nói :

(1) Có người nói Trần Nhật-Duật đã dịch bộ tiểu-thuyết « Lĩnh-nam đặt-sử » viết bằng chữ Mán ra chữ Hán. Không biết có đúng không.

— Nếu hẳn phải ta, tất triều-dinh sẽ cho các vương khác đến trị.

Nói rồi ra đi đến trại giặc. Quân mừng xúm lại mấy vòng, đưa nào cũng tay cầm binh-khí.

Vương diễm-nhiên đi thẳng vào trong trại. Dắc-Mật ra mời vào ngồi thết tiệc.

Vì thạo tiếng nói và phong-tục, vương giảng-du cho quân giặc nghe sự lợi-hại. Chúng tỏ vẻ mừng-rỡ.

Khi vương đã về dinh, Dắc-Mật đem cả gia-thuộc đến xin hàng.

Thành ra Trần Nhật-Duật không tốn một mũi tên mà dẹp yên giặc. Về tới triều, vua Nhân-tôn khen ngợi lắm.

16. — Xin chém đầu tôi rồi hãy hàng

Về đầu thế-kỷ thứ 13, ở phía bắc nước Tàn có một dân-tộc hung-tợn và rất hiếu-chiến. Dân-tộc đó là người Mông-cô, giỏi nghề chiến-đấu trên lưng ngựa và bắn tên rất tài.

Một viên tù-trưởng Mông-cô tên là Thiết-mộc-chân (*Témoudjine*) lập một đạo kỵ-binh tinh-nhuệ rồi cầm quân đi chinh-phục những miền tây-bắc nước Tàn.

Sau những cuộc toàn-thắng oanh-liệt, Thiết-mộc-chân được suy-tôn là chúa (kha-khan) và lấy tên là Thành-cát-tư-hãn (*Gengiskhan*).

Vị chúa-tể này cải-tạo xã-hội Mông-cổ, gây một tinh-thần thượng-võ rất mạnh: người dân dù là đàn ông, đàn bà đều là lính của nước, từ 15 đến 70 tuổi và phải học đánh trận như người *Spartiates* của Hi-lạp khi xưa.

Thành-cát-tư-hãn chinh-đốn binh-bị, lập bộ tham-mưu, đặt ban do-thám..., khiến người Mông-cổ có một đội binh dũng-mãnh nhất thế-giới.

Nhờ đội quân đó, Thành-cát-tư-hãn vượt qua Vạn-lý trường-thành, kéo vào đất Trung-quốc, chiếm hết phía bắc nước Tầu của nhà Tống; vua nhà Tống phải chạy về phía nam, lập kinh-đô ở Hàng-châu, đề chờ ngày cả nước bị chiếm-đoạt.

Thành-cát-tư-hãn lại còn có cái mộng làm bá-chủ cả châu Á và châu-Âu, cho nên sai viên dũng-tướng *Soubotai* đem ba vạn quân Mông-cổ chiếm giữ vùng Trung-Á và Đông-Âu, đi đến đâu cũng như một trận cuồng-phonggieo sự khùng-khiếp vào dân-gian, khiến các vua chúa phải run sợ.

Năm đinh-hợi (1227), Thành-cát-tư-hãn mất, đế-quốc Mông-cổ đã lan rộng từ Thái-bình-dương đến Hắc-hải.

Người con thứ ba của Thành-cát-tư-hãn là A-loa-đài (*Ogotai*) nối chí của cha, chia quân đi đánh Trung-quốc, chiếm đất Triều-tiên (Cao-ly), chinh-phục Tiều-á-tế-á, Nga-la-tư, Hung-gia-lợi và Ba-lan.

Một người cháu họ của A-loa-đài là Hốt-tất-liệt (*Koubilat*) lấy nốt được Trung-quốc, diệt nhà Tống và đổi quốc-hiệu là Nguyên.

Một dân-tộc hùng-dũng như thế đối với một nước nhỏ mọn như nước ta thực là một con voi đối với một con kiến. Ấy thế mà từ năm đinh-tị (1257) đến năm mậu-ti (1288), ba lần con voi khổng-lồ định đè bẹp con kiến tí-hon mà đều bị thất-bại:

Lần thứ nhất, vào năm đinh-tị (1257), tướng của Hốt-tất-liệt là Ngột-lương-hợp-thai (*Wouléangotai*) sau khi đánh nước Đại lý (thuộc tỉnh Vân-nam ngày nay), đem quân sang ta, theo dòng sông Thao xuống đánh Thăng-long.

Vua Trần Thái-tôn phải bỏ kinh-thành về đóng ở sông Thiệu-mạc (thuộc tỉnh Hưng-yên). Thấy tình-thế nước nhà mỗi ngày một

nguy, nhà vua lấy làm lo sợ. Nhưng Thái-sư Trần Thủ-Độ cũng cội tâu rằng :

— Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ-hạ đừng lo.

Được ít lâu, nhân thấy quân Mông-cổ ra về mỗi-một vì không hợp thủy-thò. Thái-tôn cho tiến quân lên đánh. Tương-sĩ Mông-cổ bị thua phải rút về Vân-nam. Thế là non sông Đại-Việt thoát nạn quân Nguyên xâm-chiếm lần đầu.

Bến lần thứ hai, vào năm giáp-thân (1284), Nguyên-chủ tức giận vì quân ta đã bắn chột mắt sứ-thần Sài Thung ở ái Nam-quan, nên sai Thái-tử là Thoát-Hoan (*Togan*) cùng với hai tướng Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi đem 50 vạn quân, chia làm hai đạo sang đánh nước ta. một đạo dưới quyền Toa-Đô đi đường bề từ Quảng-châu sang Chiêm-thành ; còn một đạo do Thoát-Hoan làm tướng tiến đến ái-quan, giả tiếng mượn đường qua nước Nam để sang đánh nước Chiêm. Nhân-tôn hiễn cái ý quý-quyết của quân Nguyên, trả lời Thoát-Hoan rằng : « Từ nước tôi sang nước Chiêm, đường bộ, đường thủy đều không có đường nào tiện ».

Thoát - Hoan liền kéo quân đến miền Lạng-sơn, sai người đem tối-hậu-thư sang dọa-nạt.

Nhưng Hưng-đạo-vương Trần Quốc-Tuấn quả - quyết chống giữ non sông : sau khi duyệt-binh ở Đông bộ đầu (phía đông sông Nhị-hà), ngài truyền lệnh cho các tướng-sĩ :

« Bần-chức phụng-mệnh thống-đốc quân-sĩ để đánh giặc. Vương hầu và tướng-sĩ đều phải giữ phép-tắc, đến dân không được những-nhiều dân-gian, phải cùng nhau hết sức đánh giặc. Dù thua cũng chớ ngã lòng, mà có được cũng đừng nên tự-kiêu. Việc quân có luật, phép nước không nề tình thân, ai nấy đều phải giữ ».

Rồi ngài chia quân đi các ngả để giữ-gìn đất nước.

Thoát-Hoan thấy quân ta có ý kháng-cự, tiến quân sang núi Kỳ-cấp, ải Khả-li và ải Lộc-châu (vùng Lạng-sơn). Trước đại-binh của Mông-cổ rầm-rộ kéo sang, quân ta vì ít phải bỏ ải chạy về Chi-lăng (vùng Đồng-mỏ, gần ga Tuần-muội ngày nay). Quân Nguyên lại đuổi theo đến Chi-lăng, Hưng-

dao-vương chống mấy trận, rồi vì kém thế, phải lui về Vạn-kiếp.

Nhân-tôn ngự thuyền đến Hải-đông (Hải-dương), mời Hạng-đạo-vương đến nói rằng:

— Thế giặc to như vậy, chống với nó e dân-gian bị tàn-hại, hay là ta hãy hàng để cứu muôn dân.

Vương khảng-khải tán rằng :

— Xin chém đầu tôi trước rồi hãy hàng.

Liền đây vương chiêu-tập hơn hai-mươi vạn quân ở Vạn-kiếp, soạn một quyển «Binh-gia diệu-lý-yếu-lược» (1) và truyền một bài hịch bằng Hán-văn rất hùng-hồn, răn-rỏi, đề khuyến răn và kích-thích tướng-sĩ.

Nghe những lời dạy dỗ thiết-thực của vương, các binh sĩ đều quyết tâm đánh giặc, ai nấy đều thịch vào cánh tay hai chữ « Sát Thát » (殺 戮) (2).

Tuy thế, sức giặc vẫn còn mạnh : Thoát-Hoan kéo quân ở phía bắc xuống đánh quân

(1) Thường gọi tắt là «Binh-gia yếu-lược», nay không còn.

(2) Nghĩa là «Giết quân Mông-cổ».

ta ở Vạn-kiếp. Quân ta non thể phải lui về giữ thành Thăng-long, nhưng quân Nguyên đuổi theo, làm cầu phao qua sông Phú-lương (1) rồi chiếm giữ kinh-thành. Hưng-đạo-vương phải rước xa-giá Thượng-hoàng (Thánh-tôn) và Nhân-tôn chạy về phía nam.

Trong khi nguy-cấp, quân ta lại bị quân Toa Đô ở phía Chiêm-thành do đường bộ đánh ra mặt Nghệ an để hợp với quân Thoát-Hoan.

Ô-Mã-Nhi được lệnh theo đường bờ tiếp-ứng cho Toa-Đô. Quân ta như đứng trước hai gọng kìm. Hưng-đạo-vương thấy tình-thế nguy-nan phải rước xa-giá về phủ Thiên-trường (2), rồi xuống Hải-dương, ra Quảng-yên và vào Thanh-hóa.

Tuy thế nước chông-chênh, nền độc-lập như treo vào sợi tóc, mà vương vẫn một lòng trung-liệt, không ngại dầm mưa dãi gió, lên thác xuống ghềnh, vững một lòng tin-tưởng về vận-mệnh của quốc-gia, về tương-lai của nòi-giống.

(1) Tức sông Nhị-hà ngày nay.

(2) Tức là làng Tức-mịch, nguyên-quán của nhà Trần, nay thuộc phủ Xuân-trường, Nam-định.

Nhờ có lòng kiên-quyết ấy mà trong khi một bọn người khốn-nạn có học-thức, có địa-vị đem cái thân dè cho ra hàng Mông-cổ (1), vương vãi binh-tính lo mưu tìm kế để rửa hận cho non sông.

Vì thế mà tháng tư năm ất-dậu (1285), Trần Nhật-Duật (2) theo lệnh của vương đồn quân Toa-Đô ở bến Hàm-tử (3) và đánh cho quân Nguyên một trận kinh-hồn khiến quân giặc chết hại rất nhiều.

Thừa-thắng, vương cử thượng-lương Trần Quang-Khai (4) tiến lên đánh Thoát-Hoan để khôi-phục kinh-thành. Quân ta đánh tan chiến-thuyền của quân Nguyên ở bến Chương-dương (5), rồi kéo thẳng đến thành Thăng-long. Thoát-Hoan bị phục-binh của ta đánh úp, phải bỏ thành mà chạy sang Kinh-bắc (Hắc-ninh),

(1) Xin đọc bài thứ 21.

(2) Xin đọc bài trước (thứ 15).

(3) Thuộc tổng Mỹ-sở, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên bây giờ.

(4) Con thứ hai vua Thái-tôn. Tuy giữ chức Thái-sư mà vẫn giỏi đánh giặc. Lại là một thi-sĩ có đặc-tài (xin đọc bài thứ 17)

(5) Thuộc phủ Thường-tín, tỉnh Hà-dông bây giờ.

Hưng - đạo - vương cho Trần Nhật-Duật và Trần Quang-Khải đem quân chặn hết các ngã, ngăn không cho quân Toa-Đô và quân Thoát-Hoan thông được với nhau.

Rồi vương tự thống-lãnh đại-binh đi đánh Toa-Đô. Hai quân gặp nhau ở Tây-kết (1). Quân ta đánh rất hăng-hái, Toa-Đô và Ô Mã-Nhi phải do đường bờ chạy ra bể.

Nhưng quân ta đuổi theo vây đánh. Toa-Đô trúng tên chết (2); Ô-Mã-Nhi phải lên xuống một chiếc thuyền con mà chạy trốn về Tàu.

Thoát Hoan ở Kinh-bắc nghe tin Toa-Đô tử-trần, bèn rút quân qua Vạn-kiếp để kiếm đường về Tàu. Nhưng Hưng-dạo-vương đã cho Phạm Ngũ-Lão và Nguyễn Khoái đứng phục sẵn trong rừng sậy ở bên sông. Quân Nguyễn bị đánh một trận rất dữ, binh-sĩ chết mất một nửa. Thoát-Hoan kéo tàn-quân chạy, nhưng quân ta đuổi riết, nên Thái-tử nước Tàu

(1) Có lẽ thuộc phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên ngày nay (Hiện nay ở đó có sông Đông-kết).

(2) Khi các tướng đem đầu Toa-Đô về trình, vua Nhân-tôn cỡi áo ngự-bảo đắp vào cái thủ-cấp ấy mà rằng : « Làm hề tôi nên như người này ! » ; rồi sai làm lễ mai-táng tử-tế. Cứ-chỉ thực là quân-tử !

phải chui vào một cái ống đồng, bắt quân bỏ lên xe vừa kéo vừa chạy.

Khi quân Mông cổ chạy đến chân Tư-minh (thuộc Quảng-yên) lại bị đạo quân của Hưng-võ-vương Nghiễn và Hưng-hiếu-vương Ủy là hai con của Hưng-đạo-vương đứng đón đánh cho một phen nữa. Quân Nguyên lại chết hại rất nhiều, Thoát-Hoan cùng đám quân bại trận chạy thoát được về Tàu.

Thế là chỉ trong sáu tháng, nhờ lòng yêu nước thiết-tha, Hưng-đạo-vương đã phá tan được năm-mươi vạn quân Mông-cổ, khiến cho Nguyên-chúa phải cảm-tức vô-cùng.

Khi Thoát-Hoan bại-trận trở về, nhà Nguyên đương sửa-soạn một đội hùng-binh để đi chinh-phục Nhật-bản. Nguyên-chúa hèn dè việc đi đánh Nhật, để lấy quân đi đánh trả thù nước Đại-Việt ta.

Nhân tận được tin ấy, liền hỏi ý Hưng-đạo-vương. Vương ung-dong tâu :

— Năm nay giặc đến, ta phá dễ (1)

(1) 今年賊來 kim niên lặc nhơn (chữ 賊 nhân đây đồng nghĩa với chữ 寇 di)

Tháng hai năm đinh-hợi (1287), Hốt-Tất-Liệt cho Thoát-Hoan cùng nhiều tướng-sứ đem 30 vạn quân và 500 chiến-thuyền sang đánh nước ta. Lần này lại có một tên dẫn đường là một đứa khách lai tên là Nguyễn Bá-Linh (tức Phạm Nhan) theo giúp quân Nguyên. Muốn cho quân-sĩ có thể nắm chắc phần thắng, Nguyên chia lại cho Trương Văn-Hổ đi đường bẻ, đem theo 70 vạn thạch lương-thực (1) sang nữa.

Bộ-binh do Thoát-Hoan cầm đầu qua đường châu Kham, châu Liêm (thuộc Quảng-đông) sang ta; còn thủy-binh thì do Ô-Mã-Nhi đi đường bẻ kéo sang.

Khi nghe tin quân Nguyên ò-ạt kéo tới lần thứ ba này, các quan tỏ ý lo sợ. Hung-đạo-vương thủng-thắng nói rằng :

Quân cốt giỏi, chứ không cốt nhiều.

Rồi vương cất đặt các tướng-sĩ đi phòng giữ mọi nơi.

Cũng như hai lần trước, lúc quân Nguyên mới sang, thế giặc rất mạnh. Quân ta chống

(1) Mỗi thạch là mười đấu.

không nổi ở các đồn biên-thùy, phải rút về Vạn-kiếp. Thoát-Hoan tiến quân lên lấy Phá-lại và Chí-linh để uy hiếp quân ta.

Hưng-đạo-vương phải đem quân về giữ Thăng-long rồi cho rước xa-giá Thượng hoàng và Nhân-tôn vào Thanh-hóa.

Thoát-Hoan tiến binh lên vây đánh thành Thăng-long, nhưng quân ta chống rất mạnh, khiến quân Nguyên lại phải thu quân về Vạn-kiếp.

Đóng寨 ở đây, quân Nguyên một ngày một cạn lương. Thoát-Hoan sai Ô-Mã-Nhi đem thủy-quân ra bề đón thuyền lương của Trương Văn-Hồ.

Tướng của ta là Trần Khánh-Dư dẫn quân ra chặn đường ở Vạn-đồn (1), nhưng bị quân Nguyên đánh rất một trận phải bỏ chạy.

Tuy thua trận, nhưng Khánh-Dư vẫn định kế phục-thù.

Ô-Mã-Nhi ra bề gặp thuyền lương của Trương Văn-Hồ liền quay lại đi trước dân đường. Khánh-Dư chờ cho binh-thuyền của Ô-Mã-Nhi đi khỏi, rồi đem thuyền bè ra chờ Trương Văn-Hồ tới sẽ kéo đến đánh.

(1) Tức Vạn-hải, thuộc Quảng-yên.

Thuyền lương của quân Nguyên vào cửa bể Lục-thủy-dương (1), quân ta đổ ra đánh. Quân Nguyên không địch nổi, Trương Văn-Hổ phải bỏ chạy, xuống một chiếc thuyền con trốn về Quỳnh-châu.

Khánh-Dư cướp được hết lương-thực của quân Nguyên.

Tin ấy đến tại Thoát-Hoan. Thái-tử Nguyên lấy làm lo sợ, vì lương-thực cạn gần hết rồi.

Tháng ba năm mậu-tí (1288), Hưng-đạo-vương nghe tin quân Nguyên muốn rút về, một mặt sai Nguyễn Khoái (2) đi đường tắt đến bờ sông Bạch-dăng lấy gỗ đẽo nhọn và bọc sắt đóng giữa lòng sông, theo cái mưu-kế của Ngô Quyền dùng để diệt quân Nam-Hán khi trước ; một mặt sai Phạm Ngũ-Lão dẫn một đội quân lên Lạng sơn chờ khi nào quân Nguyên kéo về thì đổ ra đánh.

Khi Ô-Mã-Nhi đem quân đến Bạch-dăng-giang, Nguyễn Khoái dẫn binh-thuyền ra

(1) Tức vịnh cửa Lục ở Rón-gai bây giờ.

(2) Người tỉnh Đông, lập được công to trong những trận phá quân Nguyên sau này được phong tước Hầu và được ăn lộc một làng Khoái-lộ (ở phủ Khoái-châu bây giờ).

khieu chiến, dữ quân Nguyên lên quá khúc sông đã đóng cọc, rồi đợi khi thủy-triều xuống mới quay lại đánh thực hăng. Bấy giờ đại-binh của Hưng-đạo-vương tiếp đến. Quân Nguyên quay thuyền ra bể, nhưng đến chỗ sông có đóng cọc, thuyền Nguyên vướng phải cọc, nghiêng đổ, vỡ, đắm mất nhiều. Ô Mã - Nhi cùng mấy tướng Nguyên bị bắt sống, còn quân lính bị chết như rạ :

*Bạch-đăng một trận chiến-tràng,
Xương bày trắng đất, máu màng đỏ sông.*
(Đại-Nam quốc-sử diễn-ca)

Thoát-Hoan nghe tin thủy-binh bại-trận, liền kéo quân đi đường bộ trở về Tàu, nhưng đến cửa ải Nội-bàng (1) thì bị quân của Phạm Ngũ-Lão đồ ra đánh. Quân ta mai-phục ở hai bên sườn núi, bắn tên độc ra như mưa. Quân Nguyên chết rất nhiều ; mấy viên tướng Nguyên bị tử-trận. Thoát-Hoan phải lén vào một đường tắt mà trốn về Tàu.

Thế là ba phen quân Mông-cổ, nghĩa là những quân đã đi chinh-phục một phần lớn Á-châu và Âu-châu, rầm-rộ kéo sang ta, chực nuốt sống nước Đại-Việt, đều bị tướng-sĩ

(1) Thuộc tỉnh Lạng-sơn.

nhà Trần vì lòng yêu nước thiết-tha mà đánh cho thua liềng-xiềng, đến nỗi Thái-tử nước Nguyên phải hai lần cùn-cút trốn về Tàu với một đám tàn-quân sợ-sệt.

Cái chiến công oanh-liệt ấy một phần lớn là do ở chí quả-quyết và tài mưu-lược của Hưng-đạo-vương, cho nên không những lúc sinh-thời ngài được nhà vua trọng-dãi, quốc-dân nhớ ơn, mà sau khi mất đi cho đến tận ngày nay, cả nước vẫn còn tôn-sùng, coi như một vị thánh-thần.

Bây giờ khách hoài-cổ đến dáng hương ở đền Kiếp-bác, chắc còn thấy rõ lòng sùng-bái của cả quốc-dân đối với vị anh-hùng cứu-quốc, ở trên những tấm hoành (1), những câu-đối

(1) Trong đền, hoành-phần rất nhiều, nhưng có mấy bức này đặc-sắc nhất:

忠貫日月 (Trung quán nhật nguyệt): Lòng trung suốt một trời, một trăng. — 與天無極 (Dữ thiên vô cực): Cùng trời không cùng. — 萬古此江山 (Vạn cổ thử giang sơn): Muốn thuở non sông ấy. (Câu này trích ở bài thơ « Tông-giá hoàn kinh » của Trần Quang-Khải). — 德威遠播 (Đức uy viễn sảng): Cái đức lan xa. (Bức hoành này do một người Tàu tên là Mã Tân-Thắng ở Hải-dương vì ngưỡng-mộ uy-danh Hưng-đạo-vương mà cung-tiến từ năm kỷ-mão đời Tự-đức (1879) ; đến năm丁卯 (1927) gấu đây, chính các con ông Mã Tân-Thắng trùng-tu lại.)

la-liệt (1) và nhất là ở đám người đông-đức hàng năm cứ đến tháng tám âm-lịch tới chen chân trước đền để chiêm-bái đức thánh Trần, người đã diệt được quân Mông-cò, để lại trong lịch-sử Việt-Nam mấy trang vẻ-vang chói lọi !

(1) Kẽ của đối trong đền thì nhiều lắm. Nhưng toàn là bằng Hán-văn. Chỉ có câu này là bằng quốc-âm :

Uy tan giặc Bão, trận sát Thát quân reo, một tay chống lại sơn-hà : quét bụi Tống, rửa thù Nguyên, nổi giông về vang hồn lịch-sử ;

Ơn khắp miền Đông, đền Đại-vương quốc-tổ, mảnh đá in còn sự-nghiệp : tiếng sóng Hằng, vầng mây Kiếp, khói hương phảng-phất bóng anh-hùng.

17. — Vì nước quên thù riêng

Hưng-đạo-vương vốn có sự bất-hòa với Trần Quang-Khải, con thứ hai vua Thái-tôn. Hai người đã lâu không giao-thiệp với nhau,

Nhưng khi quân Nguyên ồ-ạt kéo sang, hai vị trung-thần vì lòng yêu nước mà quên hẳn thù riêng :

Hưng-đạo-vương từ Vạn-kiếp về Kinh, biết rằng Quang-Khải là người có tài, liền xuống thuyền trò chuyện vui-vẻ, như không có điều hiềm-khích gì giữa hai người.

Một hôm, muốn tỏ tình thân-mật, Hưng-đạo-vương sai người nhà nấu nước hoa để lự tắm cho Quang-Khải, và nói rằng :

— Hôm nay được hân-hạnh tẩm cho quan
Thượng-tướng !

Quảng-Khải vui-vẻ đáp :

— Hôm nay được hân - hạnh ngài Quốc-
công tẩm cho.

Từ bấy, hai người đều quên hẳn thù cũ,
mà chỉ nghĩ đến mối thù chung mà thôi.

Nhờ thế năm ất-dậu (1285), Quang-Khải
có thể giúp Hưng-đạo-vương đánh tan quân
Thoát-Hoan ở bến Chương-dương và khôi-
phục kinh-thành Thăng long.

Nếu khi đó, Hưng-đạo-vương và Trần
Quang-Khải không hiểu cái nghĩa lớn mà
cứ giữ sự thù-hiềm nhỏ-nhen thì thời-vận
nước nhà ắt là không thoát được vòng nô-
lệ. Như thế thì Quang-Khải làm gì còn có
thể cao giọng mà ngâm bài thơ hùng-hồn
của người đặc-thắng :

奪 槩 章 陽 渡

Đoạt sáo Chương-dương độ,

擒 胡 賊 子 關

Cầm Hồ Hâm-tử quan.

太 平 宜 努 力

Thái-bình nghi nỗ lực

萬 古 此 江 山

Vạn cổ thử giang-san

Dịch :

Chương-dương cướp giáo giặc,

Hàm-tử bắt quân Hồ.

Thái-bình nên rấn sức,

Non nước ấy muốn thu.

Cũng nhờ sự hiểu biết nghĩa lớn mà Quang-Khai mới được Thành-lôn ban cho là có có ngụ-đề hai câu :

一 代 功 名 天 下 有

Nhất đại công danh thiên-hạ hữu

兩 朝 忠 孝 世 間 無

Lưỡng triều trung hiếu thế-gian vô

Dịch :

Một đời công-danh, thiên-hạ có,

Hai triều trung-hiếu thế-gian không.

18.— Vì nước bỏ thù nhà.

Năm đinh-dậu (1237), Trần Thủ-Độ thấy Chiêu-thánh hoàng-hậu lấy Trần Thái-tôn đã 12 năm mà không sinh đẻ (1), liền bắt Thái-tôn phải bỏ, rồi đem bà chị dâu vua là vợ Trần Liễu (2) lập làm hoàng - hậu, vì bà này có mang đã được ba tháng (3).

Trần Liễu vì thế mà căm-hờn oho đến khi chết. Trước khi mất, An-sinh-vương (4) gọi con

(1) Lúc bấy giờ Chiêu-thánh mới có 19 tuổi.

(2) Vợ Trần Liễu là Thuận-thiên công-chúa, tức là chị ruột Chiêu-thánh.

(3) Tục truyền rằng vì việc này mà một gia-khách nhà Trần Liễu làm quyền « Tré cóc ».

(4) Tức Trần Liễu.

là Trần Quốc-Tuấn (tức Hưng-đạo-vương) (1) đến bên giường mà giới rằng :

— Sau này nếu con không vì cha mà lấy thiên-hạ thì cha chết không nhắm được mắt.

Hưng-đạo-vương tuy nhớ lời cha, nhưng không cho là phải.

Khi quân Nguyên đánh đến Thăng-long, hai vua nhà Trần phải bỏ thành chạy trốn, vương cũng đi hộ-giá. Vì có sự hiềm-khích xưa, nên quân-thần đều lăm-lét nhìn cái gậy có cắm mũi sắt nhọn mà vương cầm khi đứng hầu bên vua. Vương hiểu ý, liền tháo cái mũi sắt vứt đi mà chỉ cầm gậy không thôi, để tỏ rõ tấm lòng trung-chính.

Lúc trong tay vương đã nắm cả quyền quân-quốc, một hôm vương đem lời nói của cha ngày xưa raướm hỏi hai người gia-nô là Yết-Kiên và Dã-Tượng (2), hai người đều thưa rằng :

— Làm việc ấy tuy được giàu sang một thời, nhưng nghìn thu để tiếng xấu. Chúng tôi quyết

(1) Hưng-đạo-vương là con vợ trước của Trần Liễu. Người con của Trần Liễu mà Thuận-thiên công-chúa sinh ra khi làm hoàng hậu, tên là Quốc-Khang.

(2) Xin đọc bài thứ 24.

chết già làm kẻ gia-nô, chứ không muốn làm quan mà mang tiếng là người không trung-nghĩa.

Vương cảm-động, khen họ nói phải.

Một hôm khác, vương lại hỏi ý con cả là Hưng-võ-vương :

— Người xưa, làm nên giàu có được cả thiên-hạ để truyền cho con cháu, con nghĩ sao ?

Hưng-võ-vương thưa rằng :

— Giá vua là họ khác, con tưởng cũng không nên, huống-chi là họ mình.

Ngài khen con là trung-nghĩa.

Hôm khác, ngài lại đem câu ấy hỏi người con thứ ba là Hưng-nhượng-vương Quốc-Tảng. Quốc-Tảng nói :

— Vua Thái-tổ nhà Tống trước kia chỉ là một kẻ nông-pbu, thế mà thừa dịp dấy-lên lấy được cả thiên-hạ.

Ngài nghe nói liền tuốt gươm toan chém mà nói rằng :

— Xưa nay những kẻ loạn-thần sinh ra ở những đứa con bất-hiến.

May có Hưng-võ-vương khóc-lóc can ngăn, ngài mới tha chết cho Quốc-Tảng, nhưng trước khi sắp mất, ngài giới lại với Hưng-võ-vương rằng :

— Sau khi ta mất, phải đẩy nắp quan rồi hãy cho thăng Quốc-Tảng vào nhìn.

Cái lòng trung-trực ấy của vương thực xứng với bốn chữ « Trung quân nhât nguyệt » trên bức hoành treo ở đền Kiếp-bạc !

19. — Lời thề anh-hùng

Mùa xuân năm mậu-tí (1288), Hưng-đạo-vương kéo quân từ làng A-sào, huyện Phượng-dực (1) sang sông Bạch-đẳng để đánh quân ()-Mã-Nhi, theo như chiến-lược đã định trước.

Lúc qua sông Hóa (2), nước thủy-triều đã rút cạn, vương cho voi lội qua sông. Chẳng may con voi ngài cưỡi bị sa lầy, không có cách gì mà không lên được. Bất-dắc-dĩ, vương phải bỏ voi mà đi.

(1) Bây giờ là Phụ-dực (Thái-bình).

(2) Một ngọn sông ở giáp-giới tỉnh Kiến-an và tỉnh Thái-bình.

Nhưng trước khi qua sông Hóa, vương trở
ngón sông mà thề rằng :

— Trận này không phá tan quân Nguyên,
ta không về đến sông này nữa.

Quân-sĩ theo vương đều hò-reo xin quyết-
chiến.

Quả trận ấy quân ta đại-thắng : Ô-Mã-Nhi
và nhiều tướng Nguyên bị bắt, còn quân Tàn
chết như ra, máu loang đỏ cả khúc sông Bạch-
đăng.

Hưng-đạo-vương giữ trọn lời thề, có thể
trở về qua sông Hóa.

Nhưng khi vương đến nơi, nước thủy-triều
đã dâng lên chìm chết con voi từ lâu rồi. Ngài
thương tiếc nó vô-cùng, bèn sai xây một cốp
voi gạch ở bên sông để kỷ-niệm. Con voi gạch
ấy hiện nay vẫn còn. Dân sở-tại vẫn còn luôn
luôn kể đến chuyện voi sa lầy và lời thề của
Đại-vương.

20. — Anh-hùng tí-hon

Năm quý-mùi (1283), nghe tin Nguyên-chúa sai Thái-tử Thoát-Hoan dẫn 50 vạn quân sang đánh nước ta, vua Nhân-tôn ngự thuyền ra sông Bình-tham (1) để hội các vương hầu lại bàn việc chống giữ giang-sơn.

Trong tôn-thất có một vị thanh-niên anh-dũng tên là Trần Quốc-Toản, hiệu là Hoài-văn, bấy giờ mới có mười-sáu tuổi, cũng theo ra đó. Nhưng vì còn nhỏ tuổi, Quốc-Toản không được dự bàn, nên tức-tối quá, trong tay cầm một quả cam mà bóp vỡ nát lúc nào không biết.

(1) Ở làng Trần-xá, huyện Chi-Hinh, tỉnh Hải-dương ngày nay.

Tuy không được nhà vua cất-cử một việc gì, Quốc-Toản cũng cứ tụ-hợp những bè-bạn và những người thân-thuộc, sắm-sửa khí-giới, thêu một lá cờ to đề sáu chữ : « 破 强 敵 報 皇 恩 (Phá cường-dịch báo hoàng-ân) (1) ».

*Hoài-Văn tuổi trẻ, chí cao,
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập thân.*

(Đại-Nam quốc-sử diễn-ca)

Với toán quân bé nhỏ ấy, ông tướng lí-hon nhất-định đi tìm quân giặc mà đánh. Vì có nhiệt-tâm và can-đảm, đánh trận nào cũng được lợi. Cho nên năm ất-dậu (1285), vua Nhân-tôn phải cho làm phó-tướng để cùng Trần Nhật-Duật và Nguyễn Khoái đem quân đi đánh Toa-Đô ở Hàn-tử-quan.

Đến khi Trần Quang-Khải đại-phá quân Nguyên ở Chương-dương-độ, Quốc-Toản cũng lập được công to.

Cho hay cái chí và cái tài của con người ta nhiều khi không cần chờ tuổi mà nảy nở !

(1) Phá quân thù mạnh để báo ơn vua.

21. — Quê-mùa hơn học-thức

Khi nghe Nguyên Thế-tổ cho Thái-tử Thoát-Hoan chỉ huy 50 vạn quân sang xâm lấn nước ta, không những hai vua Thận-tôn và Nhân-tôn cho hội các vương-bần ở Bình-than để bàn việc giữ nước, hai ngài lại còn xuống chiếu triệu các bô-lão trong nước họp ở điện Diên-hồng trong thành Thăng-long, để trưng-câu ý-kiến của cả quốc-dân.

Các bậc kỳ-lão từ chốn thôn-quê cô-lậu được vời lần đầu tiên đến chỗ cung-diện nguy-nga để tỏ dân-y cho đấng quân-vương, đều đồng-thanh nói : « Nên đánh ! »

Câu đáp vẫn-tắt và danh-thếp ấy biểu-lộ cả tấm lòng yêu nước bằng-hải và chí chiến-dấu mạnh-mẽ của quốc-dân đối với việc giữ gìn đất-dai cho nòi-giống.

Những bậc bô-lão ấy nào phải toàn là những người có học-thức, có địa-vị đâu ! Họ chỉ là những đại-biểu tối-tâm của những người dân chất-phác sống bên thửa ruộng, vườn rau mà họ cũng hiểu được rõ-ràng cái nghĩa-vụ của người dân đối với nước nhà trong bước nguy-nan, họ cũng biết được cái thiêng-liêng của tinh thần yêu nước.

Trong khi những người mộc-mạc, quê-mùa ấy biết tỏ lòng quá-cảm thúc-giục quản-linh ra chỗ chiến-trường để bảo-vệ cho non sông, thì trong tôn-thất, giữa đám phong-lưu học-thức có mấy kẻ phản-bội đã quệt một vết nhơ vào những trang lịch-sử rất vẻ vang, oanh-liệt.

Những kẻ phản bội đó là bọn : Trần Ých-Tắc, Trần Kiện và Lê Tắc ..

Trần Ých-Tắc là con thứ tư vua Thái-tôn, nghĩa là em Thánh-tôn và chú ruột Nhân-tôn. Ý là một người thông-minh và học rộng.

Chinh y đã mở ở Kinh-đô một trường học đào luyện được những nhân-tài lỗi-lạc như trạng-nguyên Mạc Đĩnh-Chi.

Nói thế đủ tỏ rằng y là một người có một địa vị rất cao-trọng và có một học-thức uyên-thâm.

Ấy thế mà khi quân Nguyên sang chiếm Kinh thành, y vội-vàng cùng bọn Phạm Cự-Địa, Lê Diên, Trịnh Long, Trần Tú-Viên đều đem gia-quyển theo hàng quân giặc.

Sau khi quân Nguyên bị quân ta đánh thua, y cũng phải theo đám tàn-quân mà trốn sang Tàu. Vua Nguyên cho y ra ở Ngạc-châu, cấp cho ruộng và phong cho tước vương. Ở đây y làm những bài thơ xu-mị, để cái nhục lại muôn đời.

Năm quý-tị (1293), Nhân-tôn sai Nguyễn Đại-Pháp sang sứ Tàu để tỏ tình giao-hiến. Lúc qua Ngạc-châu, Đại-Pháp có ra mắt các viên binh-chương. Vì Trần Ých-Tắc được làm binh-chương tỉnh Hồ-quảng, y cũng có mặt trong đám ấy. Đại-Pháp trông thấy y, tỏ ý khinh-dễ, y có vẻ tức, hỏi Đại-Pháp rằng :

— Có phải người là kẻ thù - đồng của Chiêu-dạo-vương không ?

Đại-Pháp trả lời :

— Việc đời thay đổi : tôi vốn là thư-đồng của Chiêu-đạo-vương, nhưng nay là sử-giả, cũng như quan Bình-chương xưa là hoàng-l tử mà nay là kẻ hàng giặc vậy.

Câu ấy thực là một nhát búa đánh vào sọ kẻ hàng-thần khốn-nạn !

Một kẻ hàng-thần cũng chẳng kém khốn-nạn nữa là Trần Kiện. Y là con Trần Quốc-Khang, nghĩa là cháu Trần Liễu và Thuận-Thiên công-chúa (1). Lúc quân Nguyên sang lấn nước ta, y có tước hầu (Chương-hiến-hầu), và được nhà vua giao cho mấy vạn quân vào đóng ở Thanh-hóa để chống với Toa-Đô ở mặt Chiêm thành đánh ra. Thấy sức không thể chống nổi quân giặc, y đem cả gia-quyển và thủ-hạ ra hàng. Toa-Đô cho đưa bọn chúng về Yên-kinh.

Nhưng khi bọn chúng đến địa-phận tỉnh Lạng-sơn thì bị quân của Hưng-đạo-vương đuổi theo và các dân-binh của hai viên thổ-hào Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Lĩnh ra đánh cho một trận kinh-hồn. Trần Kiện bị tên bắn

(1) Xin xem chú-thích số 5 ở bài thứ 18.

chết, nhưng có đứa người nhà là Lê Tắc cướp được thấy chạy thoát, đưa đến Ôn-khâu (Lang-non) mai-láng, rồi trốn sang Tàu.

Lê Tắc, tự là Cảnh-Cao, quê ở huyện Đông-sơn, châu Ái (1) nguyên là dòng dõi Nguyễn Phu, một viên Thư-sử Giao-châu, về đời Đông-Tấn, nhưng vì làm con nuôi một người tên là Lê Bồng, nên mới lấy họ là Lê.

Lê Tắc là một kẻ có tư-chất thông-minh và học-thức yêm-bác. Sau khi trốn sang Tàu, y được người Nguyễn cấp lương và cho ruộng ở Hán-dương. Vì y là người có văn-tài, nên được người Trung-hoa tôn-phục lắm. Trong khi y ở Tàu, y có viết bộ «An-Nam chí-lược», hiện còn được liệt vào «Tứ-khố toàn thư» của Trung-quốc và được lưu-hành ở Nhật từ năm Minh-tị thứ 27 (1894). Trong bộ sử đó, có nhiều đoạn rất nịnh-nọt người Tàu và khinh-miệt người Nam (2). Thực là một chứng-cớ đê-hèn của một kẻ có học mà không có tư-cách xứng đáng!

(1) Tức Thanh-hóa.

(2) Thí-dụ y gọi nước Tàu là Thiên-triều, là Đại-Nguyên còn các vị anh-hung của ta thì cho là những kẻ phẩu-nghịch.

Ấy đây những đũa phản-bội như Trần Ých-Tắc, Trần Kiện (1) và Lê Tắc chính lại là những kẻ có chức-tước lớn, có học-thức cao, Giã-thử không có giặc Nguyên đến xâm-lấn, thì họ tất nắm những quyền-bành to-tát, ở những địa-vị cao-sang, ai còn ngờ đến những hành-vi nhục-nhã của họ. Thực là « có cháy nhà mới ra mặt chuột » !

Những bọn ấy sao không biết thẹn với những cụ-bô-lão ở điện Diên-hồng ? Các cụ chỉ là những người cục-mịch, đốt-nát, ấy thế mà các cụ tuy lực đã tàn, tuy thân đã yếu, cũng có can-đảm xin vua cử đánh giặc Nguyên, cũng có nhiệt-tâm thúc-giục quân-lính, đề chống giữ non sông, đề bảo-lồn cái hồn thiêng của nòi giống.

Thế mới biết học-thức không đủ làm cái thước đo nhân-phẩm được !

(1) Sau khi đánh tan giặc Nguyên, vua Trần định thưởng phạt: Trần Ích-Tắc phải gọi là á Trần, nghĩa là dút-dát như đụn bù; còn Trần Kiện tuy đã chết, cũng phải tước họ Tôn-thất; con cháu y phải đổi ra họ Mai.

22. — **Thà làm quỷ nước Nam**

Khi quân Nguyên, dưới quyền Thoát-Hoan, mới kéo sang ta, thế giặc mạnh lắm, đi đến đâu như nước chảy xiết đến đấy, không thể cản được.

Sau khi thành Thăng-long thất-thủ, Hưng-đạo - vương phải kén một tướng vừa khỏe vừa tài, lại vừa có tiết-tháo để đem quân ra chận quân Nguyên trước phủ Thiên-trường. Tướng đó là Trần Bình-Trọng.

Bình-Trọng thuộc dòng-dõi Lê Đại-Hành ; từ đời Trần Thái - tôn, tổ-phụ đã được theo quốc-tính, nên lấy họ là Trần.

Trước khi Thoát-Hoan sang xâm-lấn, Bình-Trọng đã lập được nhiều công và đã được phong là Bảo-nghĩa-vương.

Khi lĩnh ấn tiên-phong ra chẹn quân Nguyên trước phủ Thiên-trường, Bình-Trọng được tin quân Nguyên đã đến bãi Đà-mạc (1), bèn đem binh tới đánh.

Chẳng may vì quân ít, thế cô, nên Bình-Trọng bị bắt. Quân Nguyên đem ông về nộp Thoát-Hoan.

Nguyên Thái-tử vẫn biết tiếng ông là một tay dũng-tướng, muốn dỗ về hàng, nên hết sức trọng-đãi. Y cho đem thực-phẩm đến mời, nhưng ông nhất định không thềm ăn. Y lại cố hỏi dò việc nước, ông ngồi im không trả lời.

Sau cùng, Thoát-Hoan hỏi :

— Tướng-quân có muốn làm vương đất Bắc không ?

Bình-Trọng nổi giận quát lên rằng :

— Ta thà làm quỉ nước Nam, chứ không thềm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì chỉ có việc giết ta đi, can chi mà hỏi lỏi-thời.

(1) Ở khúc sông Thiên-mạc, nay là làng Mạn-trù-châu, thuộc phủ Khoát-châu, tỉnh Kwang-yêu.

Thoát-Hoan biết đồ không được sai quân đem chém.

Khảng-khải thay lời nói của người yêu nước ! Cao-thượng thay cái chết của người quân-tử ! (1)

(1) Sau khi nghe tin Trần Bình-Trọng tử-tiết, Thánh-tôn và Nhân-tôn thương-xót-vô-cùng. Khi bình xang quân Nguyên, Nhân-tôn sắc phong cho Trần Bình-Trọng làm « Bảo-nghĩa thối-trung-trí-lực định-thắng uy-võ Đại-vương » và bắt cả Mãn-trù-châu đứng đầu phụng-sự.

28 — Giáo dân không biết đau

Một hôm Hưng-đạo vương từ Kiếp-bạc trở về kinh-thành Thăng-long.

Khi qua địa-phận làng Phù-Ứng (1) quân tiền-đạo thấy một người trai-trẻ ngồi xếp bằng tròn bên vệ đường, vót tre đan sọt. Quân lính thét bảo đứng dậy, người thiếu-niên cứ ngồi ngbiễm-nhiên như không nghe tiếng. Họ liền cầm ngọn giáo đâm vào đùi, máu-mê nhễ-nhại, người ấy vẫn cứ ngồi yên.

Xe Hưng-đạo-vương liền tới. Thấy thế ngài lấy làm lạ, dừng lại hỏi. Bấy giờ người trai-

(1) Trước thuộc huyện Đường-hào, nay thuộc huyện Ân-thị, tỉnh Hưng-yên.

Hiện ở đây có đền thờ Phạm tương-quân, tục gọi là đền Ứng.

trẻ mới như tỉnh ra, vội-vàng khép-nếp đứng thưa.

Hưng-đạo-vương hỏi tại sao thấy quân lính đi qua mà không đứng dậy, người ấy thưa là vì đương mải nghĩ đến một trận-thế. Vương hỏi đến sự học-hành và võ-nghệ, người đó ứng đối trôi-chảy. Vương biết là một tay văn võ toàn-tài, liền cho ngồi xe đưa về Kinh.

Người thiếu-niên đó là Phạm Ngũ-Lão, người làng Phù-ung. Vốn nhà nghiệp nông, Ngũ-Lão mồ-côi cha từ nhỏ, vẫn sống với mẹ. Tính người thích-thắng và có chí lớn. Tuy ở chỗ quê mùa, nhưng ông sẵn trí thông-minh lại chịn khó đọc sách, nên kinh truyện và binh-thư đều thông-thạo cả.

Hồi hai-mươi tuổi, trong làng có một người là Bùi Công-Tiến đỗ tiến-sĩ ăn khao, cả làng kéo đến mừng, riêng ông không lại.

Bà mẹ hỏi :

— Người ta đồ-dặt, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng người ta ?

Ngũ-Lão thưa rằng :

— Con chưa làm nên sự-nghiệp để vui lòng mẹ mà đi mừng người thì con lấy làm nhục lắm.

Sau khi được Hưng-đạo-vương đề ý, chò về Kinh, Ngũ-Lão được tiến-ử coi quân cấm-vệ. Sức khỏe và tài thao-lược của ông khiến các vệ-sĩ đều kính phục. Một hôm Hưng-đạo-vương mở trường diễn võ để thử tài các gia-tướng. Ngũ-Lão được lĩnh giải nhất. Vì thế vương yêu chuộng và gả con gái nuôi là Nguyên-quận-chúa cho.

Khi quân Nguyên sang đánh nước ta, Phạm Ngũ-Lão giúp Hưng-đạo-vương lập được công to ở Ngộ-an, ở Chương-dương (1) và ở Nội-bàng (2).

Dưới triều Anh-tôn, Ngũ-Lão được làm đại-trưởng. Vì ông trị quân có kỷ-luật, đối-đãi với sĩ-tốt như người nhà, vui khổ cùng nhau chia sẻ, nên người ta thường gọi quân của ông là « Phụ-tử chi binh » (父子之兵).

Nhờ thế, lần nào đi đánh giặc cũng được toàn-thắng : Một phen, vào năm tân sửu (1302) quân Lào đem một vạn voi sang cướp đất Hoan-Ái (3), Ngũ-Lão chỉ năm những cây

(1) Xin đọc chú-thích số 9 bài thứ 16.

(2) Xin đọc chú-thích số 17 bài thứ 16.

(3) Táo-Thanh, Nghệ.

tre được mà quật vào chân voi, đến nỗi voi đau quá, gãi rống lên, quay đầu chạy về, giày séo đám quân Lào, làm cho giặc chết rất nhiều.

Dưới triều Minh-tôn, năm mậu-ngọ (1318), vì người Chiêm-thành hay sang quấy nhiễu, tướng-quân Ngũ-Lão được lệnh đem quân đi đánh, khiến vua Chiêm là Chế Năng phải bỏ thành mà chạy.

Trải ba triều vua, Phạm Ngũ-Lão tướng-quân đều một lòng trung-chính, đem tài bách-chiến ra phò-tá quốc-gia và giữ vững giang sơn. Mỗi lần thắng-trận về, đều được nhà vua ban một tấm thẻ : trước còn kim-phù, ván-phù, sau đến qui-phù, hồ-phù và phi-ngư-phù.

Thực tướng-quân chẳng thẹn với bài thơ thuật-hoài tự làm ra để làm phương-châm cho cuộc đời mình :

橫 槊 江 山 恰 幾 秋
Hoành sáo giang sơn cập kỷ thu,
三 軍 貔 虎 志 吞 牛
Tam quân tì hồ chí thôn Ngưu.
男 兒 未 了 功 名 債
Nam-nhi vị liễu công danh trãi,

羞聽人間說武侯

Tu thính nhân-gian thuyết Vũ-hầu.

Dịch :

*Vác giáo non sông đã mấy thâu,
Ba quân hùng-dũng nuốt sao Ngâu.
Công danh, nam-lữ còn vương nợ,
Phải thẹn tai nghe chuyện Vũ-hầu.*

24. — Chim hồng bay cao nhờ lông cánh

Trong bọn gia-tướng của Hưng-đạo-vương, ngoài Phạm Ngũ-Lão, còn hai người rất trung-thành (1) và nhiều đặc-tài, là Yết-Kiên và Dã-Tượng.

Yết-Kiên, tự là Hữu-Thế, người xã Hạ-bì, tỉnh Hải - dương. Chàng có dũng-cảm, lại có tài bơi lội, hụp ở dưới nước hàng giờ mà không phải ngoi lên. Lúc chưa tiến thân, một hôm Yết-Kiên thấy ở bãi bể hai con trâu dương búc nhau rất hăng-hái. Chàng cầm gậy xông vào đánh tán-loạn hai con vật lớn ấy.

(1) Xin đọc bài thứ 16.

Khi Ô Mã-Nhi kéo binh-thuyền đến đánh quân ta, Yết-Kiên cầm một cái dùi, lặn xuống nước, khoan thủng đáy thuyền, nên thuyền giặc nhiều chiếc bị đắm.

Một lần Ô Mã-Nhi lấy kính soi xuống nước thấy có người dùi thuyền, bèn chăng lưới bắt. Trong lúc bắt ngờ Yết-Kiên bị mắc lưới.

Ô Mã-Nhi thấy chàng có tài lạ, hỏi rằng :

— Ở nước Nam có mấy người có tài thiện-thủy như ngươi ?

Yết-Kiên trả lời :

— Giỏi hơn ta đã lắm, mà tài như ta thì nhiều.

Rồi nhân khi quân Nguyên vô ý, chàng nhảy xuống sông trốn mất.

Còn Dã-Tượng thì nổi tiếng là một người khỏe khá : thường. Tại trường diễn-võ thi tài trong đám gia-tướng của Hưng-đạo-vương, chàng chỉ chịu thua có một mình Phạm Ngũ-Lão.

Trong những trận đánh quân Nguyên, Dã-Tượng và Yết-Kiên, giúp vương, lập được nhiều công :

Năm giáp-thân (1234), vương đóng quân ở núi Kỳ-cấp (1) để chặn đường quân giặc, còn chiến - thuyền thì đóng ở Bãi - tân (2). Nhưng quân Thoát-Hoan đánh rất mạnh, quân ta phải bỏ hai ải Khả-li và Lộc-châu (3), vương phải rút về ải Chi-lăng (4).

Quân Nguyên lại kéo ồ xuống Chi-lăng. Hưng - đạo - vương thấy thế giặc còn mạnh, muốn do đường núi rút lui. Nhưng Dã-Tướng trình rằng :

Yết-Kiều giữ chiến - thuyền ở Bãi-tân, chưa thấy Đại-vương, chắc chưa chịu nhổ neo đi nơi khác. Xin Đại-vương đến Bãi-tân xuống thuyền về Vạn-kiếp.

Hưng-dạo-vương nghe lời, ra tới Bãi-tân thì quả-nhiên Yết-Kiều vẫn giữ chiến-thuyền nguyên-vẹn.

Vương sùng-sướng nói rằng :

— Chim hồng-hộc (5) bay cao là nhờ đến sáu cái lông cánh ; nếu không có sáu lông

(1) Thuộc Lạng-sơn.

(2) Chưa biết ở đâu.

(3) Thuộc Lạng-sơn.

(4) Vùng Đông-mô, gần ga Tuấn-mười ngày nay.

(5) Chim hồng và chim hộc là loài ngỗng trời, ngan trời, đều bay cao lắm.

cánh thì chim ấy cũng không hơn gì chim thường.

Tức-thì, vương xuống thuyền, truyền lệnh rời về Vạn - kiếp. Quân Nguyên đuổi theo không kịp.

25. — Xe muối mà có ngựa Kỳ ngựa Kỳ

Sau khi Thoát-Hoan đánh được quân ta ở Vạn-kiếp, quân Nguyên tràn sang mặt Kinh-bắc, cướp phá Võ-ninh, Gia-lâm, Đông-ngân, rồi kéo về đóng tại bến Đông-bộ-dầu (1).

Hưng-đạo-vương lập trại ở nam-ngạn sông Phú-lương. Vua Nhân-tôn muốn biết tình-thế giặc, định cho người đi do-thăm, nhưng phải kén một người có tài-năng và dũng-cảm.

Đương lúc nhà vua băn-khoăn chọn người, thì một viên quan nhỏ tỉnh-nguyên xin đi.

(1) Phía đông sông Nhĩ-hà.

Viên quan đó là Đỗ Khắc-Chung (1).

Vua thấy có người chức nhỏ mà xin đương việc khó-khẩn như thế, vui - vẻ ban khen rằng :

— Ngờ đâu xe muối mà lại có ngựa Kỳ, ngựa Kỳ ! (2).

Khắc-Chung đem thư sang trại Nguyên. Vì lúc bấy giờ tướng-sĩ của ta đều lấy mực thích vào cánh tay hai chữ « sát Thát » (3), nên tướng Nguyên là Ô-Mã-Nhi tức giận lắm.

Khắc-Chung phải lựa lời nói rằng :

— Con chó cắn người la, là tự nó, chứ có phải chủ nó xui đâu ! Quân-sĩ tự thích chữ « sát Thát » là vì lòng công-phẫn, chứ vua nước tôi không biết gì đến việc đó.

Khắc-Chung lại nói tiếp :

— Quốc-chủ tôi cho đưa thư sang là muốn cùng ngài thông-hiểu. Nếu không thông-hiểu, ấy là tự ngài. Người anh-hùng không dùng

(1) Người vùng Anh-sơn, tỉnh Hải-dương ngày nay.

(2) Một loài ngựa chạy rất nhanh, thường gọi là « thiên-lý mã ».

(3) Xem chú-thích số 2 ở bài thứ 16.

cường-lực mà áp-bức người khác. Như loài muông chim đến lúc cùng cũng cần lại, một lần, huống-chỉ là loài người.

Lúc Khắc-Chung từ-biệt ra về, Ô-Mã-Nhi tỏ vẻ phục tãi ứng-đối bất-thiếp.

26. — Móc họng trả cổ

Trong các môn khách nhà Hùng-đạo-vương, có một người rất liêm-khiết, được vương tiến-cử với vua Nhân-tôn.

Người đó là Trần Thời-Kiến, người xã Cự-tác (1), huyện Đông-triền (tỉnh Hải-dương).

Đương khi ông làm An-phủ-sứ ở Thiên-trường (2), có một người dân số-tại đem biếu một mâm cỗ. Ông hết sức từ chối. Nhưng người kia năn-nỉ nói rằng :

(1) Trong « Việt-sử tổng-vịnh » viết là Cự-sạ.

(2) Xem chú-thích số 4, bài thứ 16.

— Vì là chỗ lân-cận nên biểu cố đề tỏ lòng kính-phục, chứ không dám cầu xin việc gì.

Nề lời, Thôi-Kiến bất-đắc-dĩ phải nhận.

Được ít lâu, người biểu cố đến xin Thôi-Kiến một việc. Chẳng nói chẳng rằng, ông thò tay móc hòng để thò ra trước mặt người ấy.

Tiếng thanh-liêm đến tai vua Anh-tôn, ông được bổ làm Kiểm-pháp-quan. Tính ngay thẳng của ông khiến mọi người đều cảm-phục.

Nhà vua lại thăng cho ông lên chức « nhập-nội hành-khiên hữu-gián-nghị Đại-phu ».

Ở địa-vị nào ông cũng cứ giữ bền lòng cương-trực, liêm-khiết.

Vì thế, vua Anh-tôn ban cho một cái hốt, có khắc một bài ngự-chế minh, khen cái tính cao-khiết của ông vói-vội như núi Thái-sơn (1).

(1) Bài minh ấy có những câu này :

泰山與高重勢自剛

Thái-sơn trình cao, tượng hốt trình liệt.

靈柝庭中鳴勢難折

Linh thò trải giắc, vị hốt nan chiết.

27. — Ông trạng thanh-liêm,

Mỗi khi nói đến các ông trạng hoặc các ông sử-giả ta sang Tàu, người ta phải nghĩ đến ông Mạc Đĩnh-Chi.

Ông Mạc Đĩnh Chi là người làng Lũng-động, huyện Chí-linh (tỉnh Hải-dương ngày nay), nguyên là dòng-dối ông Hàn-lâm học-sĩ Mạc Hiền-Tích đời Lý Nhân-tôn.

Học ở trường Trần Ych-Tắc, ông đỗ Trạng-nguyên năm giáp-thìn (1304). Khi ông vào bài-yết vua Trần Anh-tôn, vua thấy mặt xấu-xi, không muốn cho đỗ trạng, nhưng ông dâng

bai phú « Ngọc tỉnh liên » để tự ví mình với cây sen trong giếng ngọc. Vua đọc cho là kiệt-túc, rồi mời yếu dùng.

Nói đến ông Mạc Đĩnh-Chi, người ta thường nhớ đến những lời ứng-đối lanh-lẹn của ông khi đi sứ Tàu (1), hoặc chuyện ông xé con

(1) Trong sách chép rằng : khi ông đi sứ Tàu, vì trời mưa gió, nên ông đến cửa ải chậm, người Tàu đóng cửa quan lại, rồi thả một vế câu đối xuống thử tài ông. Vế ấy thế này :

過關過關關閉 願過客過關 :

Quá quan tri, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan

(Qua ải chậm, cửa ải đóng, xin quá khách qua ải)

Ông liền đối :

出對易, 對對難, 請先生先對.

Xuất đối dễ, đối đối nan, thỉnh tiên-sinh tiên đối.

(Ra đối dễ, đối lại khó, mời tiên-sinh đối trước)

— Lại một hôm ông cười lừa đạo phở bên Tàu, chạm phải một người Tàu, người ấy hỏi rằng :

解我騎馬, 東夷之人也, 西夷之人也 ?

Xác ngựa kỳ mã, đông-di chi nhân dã, tây-di chi nhân dã ?

(Chạm ngựa ta cười, người rợ đông hay người rợ tây ?)

Ông liền đáp

過于乘驢, 南方之強與, 北方之強與 ?

Ái dư thừa lư, nam phương chi cường dư, bắc phương chi cường dư ?

(Chấn lừa ta đi, mạnh phương Nam hay mạnh phương Bắc ?)

chim sẻ trên một bức thêu ở nhà Tề - tướng nước Nguyên (1), hoặc bài thơ ông đề quạt mà được vua Tào khen thưởng(2), hoặc những

(1) Lúc qua sự Nguyên, một hôm vào chơi nhà viên Tề-tướng, ông trông thấy một con chim sẻ đậu trên một cành trúc thêu trên bức lụa.

Ông tưởng là sẻ thực, đến vỗ ; nhưng mọi người cười rộ, ông điềm-nhiên xé con chim sẻ thêu đi. Người Nguyên hỏi có sao, ông nói :

— Sẻ vì chur kẻ tiểu-nhân, trức vì như người quân-tử, nếu đề tiểu-nhân đứng trên người quân-tử thì không còn thể-thống gì. Tôi vì thiên-triều mà trừ đi.

(2) Một hôm, ông cùng vào chầu vua Nguyên với sứ Triều-uên. Vua Tào bảo hai người làm một bài thơ đề quạt. Ông còn đang nghĩ đã thấy sứ Triều-uên đề hai câu :

隆 慶 盛 舉 併 升 周 公

Uân long trùng trùng, Y-Doãn Chu-công ;

冬 寒 雲 望 伯 夷 叔 齊

Đông hàn thê thê, Bá-Di Thúc-Tề.

(Trời lạnh nóng bức như Y-Doãn Chu-công.

Ngày đông rét mướt giống Bá-Di Thúc-Tề.)

Liếc mắt nhìn quân bút, ông hiểu rõ, liền theo đó đề rằng :

流 金 鑠 石 天 地 爲 爐

Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lò

爾 於 斯 時 乃 伊 爾 巨 儒

Nhĩ ư tư thời hê, Y Chu cự nho.

龍 風 其 涼 雨 雪 載 塗

Bắc phong kỳ lương, vũ tuyết tải đồ.

bài thơ ông làm đề vịnh các nhân-vật trong lịch-sử Tàu (1), hoặc bài vảo-tế ông đọc trước

爾於斯時兮夷齊瞽夫

Nhĩ ư tư thời hề, Di Tề ngā phu.

噫！用之則行舍之則羈

Yi dụng chi tắc hành, xả chi tắc tang,

誰我與爾有是夫。

Duy ngā dữ nhĩ hữu thị phu.

(Vàng, chầy, đá tan, trời đất như lò lửa, lúc ấy người được như Y-Doãn, Chu-công là bậc cự nho; gió bắc lạnh-lùng, mưa tuyết đầy đường, lúc ấy người phải như Bá-Di Thúc-Tề là kẻ bị đối.

Ói ! dùng thì làm, bỏ thì cất, ta cùng người cũng giống nhau chăng ?)

Có sách chép: từ chữ Y trở xuống, vua Tàu phé bốn chữ « Lương quốc trượng-nguyên » (?)

(1) Vịnh Đào Tiềm ở Bành-trạch, ông có bài này :

性本閒曠初不比碌碌。斗米肯折腰解印寧辭襦
袂。五株柳洛陽一歸菊。寥寥千載後清名吾可服

Tự tính bản nhàn khoáng, sơ bất tỉ碌-碌...

Đầu mễ khẳng chiết yếu, giải ấn ninh từ lộc.

Phủ sơ ngũ châu liễu, lãnh đạm nhất lý cùc.

Liêu liêu thiên-tải hậu, thanh-danh ngā khả phục.

Dịch :

Tính sẵn thích nhàn tản,

Chẳng như phường ô-trọc.

Đầu gạo chịu gầy lưng,

Treo ấn thả từ lộc.

Xum xeo năm cây liễu,

Lạnh-lẽo một rào cùc.

Lông-lộng sau nghìn thuở,

Thanh-danh, ta cũng phục.

bàn thờ một vị công-chúa Nguyễn(1) hoặc nhà

— Qua bờ sông Ô-Giang, nghe nói thuyền bè qua rồi
Hàng-Võ nếu không đổi vàng sẽ bị sóng gió làm đắm, ông có
ngâm bài thơ này :

肯不藉分臣不臣, 如何廟貌在江津.
江東昔日鐵鑪小, 何惜規模百萬斤.

(Quán bát quán hề thần bất thần, như hà miếu-mạo tại
giang-tân,
Giang-dông tích nhật do hiêm tiều, hà tích thiêu tiền bách
vạn cân ?)

Dịch :

Quán chẳng quán mà thần chẳng thần,
Có gì miếu-mạo chốn giang-tân ?
Xưa kia cho đất Giang-dông nhỏ,
Sao hăm tro vàng kẻ triệu cân ?

(1) Có sách chép rằng : Khi ông qua sứ Tàu, gặp lúc một công-
chúa nhà Nguyên mất ; người ta cất ông vào đọc chúc. Nhưng
khi giờ bái chúc-văn, ông chỉ thấy có bốn chữ — « nhất », thế
mà ông nghiêm-nghiên đọc được thành bài. (Chúng tôi cứ theo sách
cũ mà chép ra đây, nhưng cũng ngờ rằng chuyện này cũng như
nhiều chuyện khác về ông trạng Mạc, chỉ là chuyện bịa-dặt hoặc
thêm bớt, chứ không đúng hẳn sự thực). Bài văn-tố ấy như thế này :

青天一朵雲, 紅爐一點雪. 上苑一枝花, 廣寒一月
月. 憶雪散, 雪消, 花殘, 月缺!

(Thanh-thiên nhất đoá vân, hồng lò nhất điểm tuyết. Thượng-
uỷên nhất chi hoa, Quảng-hàn nhất phiến nguyệt.

Y ! vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết !

Dịch :

Một đám mây trên trời xanh, một giọt tuyết trong lò trời. Một
cành hoa ở vườn Thượng-uỷên, một vầng trăng ở dưới ao tiên.
Than ôi ! Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết !

những câu đối rất hóm-hỉnh ông tặng các bạn đồng-liêu (1).

Nhưng còn một điều đáng nói nhất về ông mà ít người đề ý đến. Chính là cái đức thanh-liêm của ông.

Sử chép rằng tiếng liêm-khiết của ông đồn đến tai vua; một hôm nửa đêm vua cho người đem 10 quan tiền bỏ vào cửa nhà ông. Sáng dậy, trông thấy tiền, ông liền đem vào triều tâu xin vua bỏ tiền ấy vào kho. Vua khen ngợi nói :

(1) Trong khi làm quan tại triều, ông có một ông bạn đồng-liêu có hai vợ hay ghen tương nhau. Một hôm, tại triều, ông gọi ông bạn kia trao cho một đôi câu đối, nói mới nghĩ ra để tặng bạn dấn cửa buồng. Câu đối ấy đều dùng chữ liền trong sách Hán-Cao-tổ và trong kinh Thư, mà rất hợp với cảnh bạn ông :

東投漢王勝, 西投項王勝. 體在足下;

(Đông đầu Hán-vương thắng, Tây đầu Hạng-vương thắng, quyền tại túc hạ ;)

征東西夷怨, 征南北狄怨, 何獨後子.

(Chinh Đông Tây-di oán, chinh Nam Bắc-địch oán, hà độc hậu tử)

Dịch :

Sang Đông Hán-vương được, sang Tây Hạng-vương được, quyền ở dưới gót ;

Đánh Đông夷 oán, đánh Bắc狄 oán, sao đến ta ?

— Đó là trăm thũ khanh đấy. Tiền ấy trăm thưởng cho khanh.

Một ông trạng tiếng giỏi-giang bạt-thi, lan cả ra ngoại - quốc mà lúc làm quan vẫn giữ được một niềm thanh-bạch, trung-chính, thực là một người hiếm có trong sử sách !

28. — Người ấy là bậc cao-hiền

Hễ nói đến các bậc danh-nho ở nước ta, ai cũng phải nghĩ đến Chu Văn-An.

Ông là người làng Quang-liệt, huyện Thanh-dâm, (nay là Thanh-trì, Hà-dông).

Tinh-siết cương-trực, không cầu lợi-danh, ông chỉ cốt làm tỏ rạng đạo thánh hiền.

Ông có mở trường học ở thôn Cung-hoàng. Học-trò theo học rất đông. Trong bọn môn-đồ, có nhiều người hiền-đạt, như Phạm Sư-Manh, Lê Bá Quát đều làm đến Tể-tướng. Sau khi thi đỗ làm quan to, bọn họ về hầu thầy vàu phải giữ phép học-trò, đứng hầu dưới thềm, nghe lời giáo-huấn.

Vua Trần Minh-tôn nghe tiếng ông là một bậc cao-khiết mô-phạm, cho triệu vào Kinh làm Quốc-tử-giám tu nghiệp, kiêm dạy cả Thái-tử.

Đến triều vua Dụ-tôn, chính-sự suy-đổi, quyền-thần hống-hách. Ông thấy thế, dảng sợ xin chém bảy người nịnh-thần. Nhưng sợ « thất trảm » lưu-trung, chờ mãi không thấy giao ra, ông liền cỡi ngựa, trả chức quan, về núi Phụng-hoàng ở huyện Chi-linh (Hải-dương) để an-bần lạc-đạo.

Vui cùng cảnh-vật thiên-nhiên, ông viết quyển « Tứ thư thuyết-giải » (1) đề « minh-đạo, hóa dân. »

Nhà vua muốn triệu ra làm tướng, nhưng ông nhất-định không chịu nhận một chức quan. Bà Hiếu-tử hoàng-thái-hậu nói :

— Người ấy là bậc cao-hiền, Thiên-tử không có quyền bắt người ta làm tôi được.

(1) Hiện nay thất-lạc. Ông có hai tập thơ : Tiểu-đoan thi-tập và Quốc-ngữ thi-tập. Nhưng nay chỉ còn là hai chữ « Tiểu-đoan » và « Quốc-ngữ » mà thôi.

Vua bèn ban mũ áo cho ông, ông nhận nhưng lại đem cho kẻ khác (1).

Trong « Đại-Việt sử-ký toàn-thư », sử-gia Ngô Sĩ-Liên phê-bình ông có câu: « San muôn thuở, nghe thấy cái phong-thái của tiên-sinh, kẻ thạp cũng hóa ra liêm, kẻ trợn-hèn cũng biết tự-lập ».

(1). Khi ông mất, vua Trần Nghệ-tôn sai quan đến tể, ban tên thụy là Văn-trình-công, cho hiệu là Khang-tiết tiên-sinh, và cho được tòng-tự vào Văn-miếu.

29. -- Trước hầu chủ giặc.

Bắt đầu từ đời Nghệ-tôn, thế-lực nhà Trần suy-nhược : bên trong thì kẻ lộng-thần lấn quyền vua, bên ngoài thì quân Chiêm-thành mấy phen sang đánh phá.

Năm mậu-ngọ (1378), dưới triều Trần Phế-đế, quân Chiêm lại sang đánh đất Nghệ-an, tới sông Đại-hoàng.

Quân Hành-khiển Đỗ Tử-Bình đem quân đi chống, nhưng bị thua, quân Chiêm tiến lên đánh thành Thăng-long.

Trong các tướng-sĩ của ta, có một người hết sức phá giặc, nhưng vì thế cô phải bắt.

Người đó là Lê Dắc, con quan Nhập-nội hành-khiên Lê Bá-Quát (1).

Lê Dắc bị bắt đem về đồn giặc. Tướng Chiêm bắt Dắc lay. Dắc trừng mắt mà quát rằng :

— Ta là quan một nước lớn, lẽ nào phải lay chúng bay !

Nói rồi luôn miệng chửi giặc không ngớt. Tướng Chiêm sai giết đi.

Nhà vua nghe tin ấy truy-phong là « Mạc-trung-vũ hầu » (罵賊忠武侯) (2).

Trong « Việt-sử tổng vịnh », vua Đức-tôn khen Lê Dắc trong bài tứ-tuyệt sau này :

季世文恬武不修
Qui thế văn diêm vũ bất tu
疲軍一潰竟難收
Bì quân nhất hội cánh nan thu
惟將寸舌欺強虜
Duy tương thốn thiệt khi cường lỗ

(1) Lê Bá-Quát cũng là học-trò của Chu Văn-An với Phạm Sư Mạnh. Hai người đều nổi tiếng văn-học, nên đương-thời nức tiếng « Lê, Phạm ».

(2) Nghĩa là : tước hầu trung-vũ chửi giặc.

留 得 人 稱 罵 賊 侯

Lưu đắc nhân xưng Mạ-tặc hầu

Dịch :

Triều tàn : vẫn lặng, vô không tu,

Quân « ệt » tan-tành, dễ được đầu !

Tặc lưới, may còn, khinh lũ mọi,

« Trước hầu chửi giặc » dễ nghìn thu !

80. — Trời xui ta giết đũa vô-đạo

Về cuối đời Trần, vì vua Nghệ-tôn ngờ-ngbịch, không phân-biệt được bậc trung-thần, kẻ gian-nịnh, tin dùng một người ngoại-bích (1) là Lê Quí-Ly, đến nỗi cơ-nghiệp nhà Trần phải đổ nát.

Quí-Ly là một người tài cao, học rộng, lại có nhiều sáng - kiến (2), nhưng vì lòng tham

(1) Quí-Ly có hai người cô lấy vua Trần Minh-tôn, một người là mẹ Nghệ-tôn, một người là mẹ Duệ-tôn.

(2) Quí-Ly là người đầu tiên đặt ra cách tiêu giấy bạc ở nước ta; người đầu tiên đặt kỳ thi toán-pháp trong lối khoa-cử; người đầu tiên dịch kinh Thư và kinh Thi ra quốc-văn; người đầu tiên dùng quốc-âm làm sắc, chế; người đầu tiên thi-hành một chương-trình thực-dân rộng-rãi.

vô-hạn mà rắp tâm cướp ngôi nhà Trần, đồ
liếng xấu lại muôn đời.

Một tay Qui-Ly bức ba ông vua phải thoát-
vị (1), rồi ngấm nhiên chiếm lấy ngôi báu,
lập ra họ Hồ (2).

Trước khi y trèo lên ngôi trên ngai rồng,
triều-thần đã hiểu y chỉ là một con quạ già
mà vua Nghệ-tôn đã đem con gửi-gắm (3).

Vì thế những bậc trung - nghĩa vùng dậy
phản - đối kịch - liệt : năm mậu-thìn (1388),

(1) Khi còn Nghệ-tôn, Qui-Ly mưu giết Đế-nghiên, cháu
gọi Nghệ-tôn bằng bác ruột. Đến lúc Nghệ-tôn mất rồi, Qui-Ly
truất ngôi của Thuận-tôn và Thiếu-đế (tuy rằng ông vua nhỏ
này là cháu gọi Qui-Ly bằng ông ngoại).

(2) Qui-Ly vốn dòng dõi họ Hồ, sau làm con nuôi Lê Huân
nên đổi ra họ Lê. Lúc làm vua, lấy lại họ Hồ.

(3) Trần Nguyên-Đán vịnh «thập cầm», muốn cho Nghệ-
tôn hiểu lòng tham của Qui-Ly, có viết hai câu :

人言寄子與老鴉

Nhân ngôn ký tử dữ lão nha

不識老鴉憐愛否

Bất thức lão nha liến ái phủ ?

Dịch :

Đem con đi gửi quạ già,

Chẳng hay quạ có thiết-tha con mình ?

những chí-sĩ như Lê Á-Phu, Lưu Thường (1) mưu sự cùng Đế - nghịên (2) để trừ kẻ gian-hung, nhưng việc võ lỗ, đều bị hại cả.

Đến năm kỷ-mão (1399), lại có Thượng-tướng Trần Khát-Chân (3), Thái-bảo Trần Nguyên-Hạng (4) và Bảng-nhân Lê Hiến-

(1) Trước khi chịu tử-hình, Lưu Thường có làm bốn câu thơ tuyệt-mộh:

殘年四十有餘三

Tàn niên tứ-thập hữu dư tam,

忠義逢誅死正甘

Trung nghĩa phùng tru tử chính cam.

抱義生前應不負

Báo nghĩa sinh tiền ưng bất phụ,

暴屍原上更何慚

Bộc thi nguyên thượng ưê hà lâm.

Dịch :

Cuộc đời tàn-tạ bốn mươi ba,

Trung nghĩa cam lòng chịu nát da.

Ôm nghĩa trong đời không bội-bạc,

Thẹn gì phơi xác bãi tha-ma !

(2) Tức Phế-đế.

(3) Người xã Hà-lãng, phủ Vĩnh-ninh (nay là xã Hà-lương, huyện Vĩnh-lộc, Thanh-hóa).

(4) Dùng làm Trần Nguyên-Hạng (陳元 禬) với Trần Nguyên-Hân (陳元 杆) ở đầu đời Hậu-Lê.

Phủ (1) lập ra hội kín để trừ quân thoán-nghịch :

Nhân ngày hội ăn thề (2) cử-bành ở Đồn-sơn (thuộc làng Cao-mật, huyện Vĩnh-lộc, Thanh-hóa), Thượng-tướng Trần Khát-Chân giao cho Phạm Tồ-Thu và Phạm Ngưu-Tất việc giết Quí-Ly. Nhưng lúc hai thích-khách sắp hạ-thủ thì thấy Khát-Chân trừng mắt, không dám hành-động nữa. Quí-Ly sinh nghi đứng dậy ra về giữa đám vệ-sĩ. Ngưu-Tất ném kiếm đánh « xoảng » một cái xuống đất mà nói rằng :

— Thế là chết cả lũ !

Quí-Ly liền cho bắt cả bọn, giết một lúc hơn 370 người, khiến bao nhiêu sức phản-động đều bị tê-liệt cả.

(1) Lê Hiến-Phủ trước khi gươm đầu ra chịu chết, còn tỏ chí khảng-khải trong hai câu này :

寸刀除盡天地白
Thốn đao trừ tận thiên địa bạch ;
一心報國鬼神知
Nhất tâm báo quốc quỷ thần tri.

Dịch :

Dao giết quân tà, trời đất trắng,
Lòng đền ơn nước quỷ thần hay.

(2) Xin đọc bài thứ 10

Sau khi đã chằm-chệ trên ngôi cửu-ngũ, Quí-Ly hết sức tâm-nã con cháu nhà Trần để trừ cho hết. Một người cháu của Trần Anh-tôn là Trần Kiên thấy thế, tức-giận lắm, chỉ mong tìm được người thân-tin để bàn kế diệt quân thoán-đạo.

Một hôm Trần Kiên gặp được một người bạn cũ là Võ Duy-Dương (1), Kiên năn-nỉ xin Dương báo-thù cho vua tôi nhà Trần. Dương vui lòng nhận cái trọng-trách ấy.

Một ngày, Dương được biết tin Quí-Ly sắp lên vắng cảnh chùa ở núi Thôi - ngói, liền giắt trong mình một ngọn giáo, rồi đứng nấp trong bụi để chờ Quí-Ly.

Khi thấy Quí-Ly đi qua, liền nhảy xổ ra đâm một nhát vào mặt. Chẳng may đương lúc vội-vàng đâm trượt vào mũ. Quân lính chạy ồ đến bắt lấy Dương.

Quí-Ly sai tra-lấn, căn-vấn hỏi ai xui làm việc ám-sát. Dương tuy bị đạ, vẫn ung-dung đáp :

(1) người làng Nhân-trạch.

— Ta báo-thù cho con cháu nhà Trần, chỉ tiếc không dám trúng mây.

Qui-Ly hỏi :

— Con cháu nhà Trần là những ai ?

— Là cả nước Nam.

Qui-Ly tức quá, hét quân lính đánh. Khi thấy Dương đầu quá, máu-mé đầm-đìa, Qui-Ly lại hỏi :

-- Đứa nào xui mày ?

-- Trời xui ta giết đứa vô-đạo, chứ ai xui !

Qui-Ly sai quân lính lấy kim bẻ răng. Dương vẫn không thêm khai ai xui.

Qui-Ly sai chặt chân tay, Dương ngắt người đi. Đến khi tỉnh dậy, Dương lấy hết sức tàn mả kêu lên rằng :

— Tôi thề sống không giết được bằng Qui-Ly thì chết cũng xin làm quỷ dữ để nhai xác nó.

Rồi đập đầu vào đá mà chết.

81. — Một bức thư vạ chử

Sau khi bọn Lê Á-Phu, Trần Khát-Chân lần-lượt thất-bại, một bọn chi-sĩ có cái ý ngay-thor là muốn cầu-cứu vua nhà Minh để trừ họ họ Hồ. Đại-biểu phái đó là Bả Bá-Kỳ (1) và Lê Cảnh-Tuân.

Bá-Kỳ dâng một bài biểu cáo-nạn lên vua Minh Thành-tổ, lời lẽ rất là thống-thiết, xin trích một đoạn cuối như sau này :

... 忠臣良士, 疾首痛心,
願興弔伐之師, 隆繼絕之

(1) Người Bạ-hồng (nay là Ninh-giang), trước là tỳ-
uơng của Trần Khát-Chân. Khi Qui-Lý lên-vị, ông sang
Tàu. Lúc Thiêm-Bình xin mấy nghìn quân về nước, Bá-kỳ
cho là không được, vua Minh đẩy ra Cam-lúc. Lúc Thiêm-
Bình bị giết, Bá-kỳ mới được cùng người Minh sang tạ.

義, 蕩除奸兇, 復立陳氏之後, 臣死且不朽, 願效申包胥之忠, 哀鳴闕下, 惟皇帝垂察..

(...Trung-thần lương-sĩ, tạt thủ thống tâm, nguyện hung diếu phạt chi sư, long kể tuyệt chi nghĩa, đấng trừ gian-hung, phục lập Trần-thị chi hậu, thần tử thả bất hủ, nguyện hiệu Thân Bao-Tư chi trung, ai minh khuyết-hạ, duy Hoàng-đế thùy sật..)

Dịch :

«...Những kẻ trung-thần lương-sĩ, rúc óc đau lòng, chỉ mong dấy quân diếu-phạt, tôn nghĩa nổi dòng, trừ kẻ gian-hung, lập lại con cháu nhà Trần. Như thế thì thần có chết cũng không hủ, thần xin bắt chước lòng trung của Thân Bao-Tư, kêu dưới cửa khuyết, mong đức Hoàng-đế cúi xét cho...»

Được một dịp xâm-chiếm nước Nam, người Minh kéo sang diệt họ Hồ, nhưng không phải để lập lại nhà Trần, mà để đặt chế-độ quận-huyện như hồi nội-thuộc.

Thấy cái cảnh « rước voi về giày mả », Lê Cảnh-Tuân hồi-hận quá. Ông liền viết cho Bùi

Bà-Kỳ một bức thư văn chữ, lời lời thể-thâm, ngậm-ngùi; xin trích một đoạn tỏ rõ cái lòng trung vua yêu nước của ông:

下擇國授廟辨氏勅然官厚則皮所鑣之寂
閣擒居司氏奏陳詔不祠貪上陳之執下釣
賜成官政陳復明宣也氏官其壳下願閣僕已...
勅氏加布給能言別策陳穹出枳閣僕惟則而
有胡之立止苟所而上爲繼如草惟則亦下年
既俟立設爵下之絕此願若矣甘中中問其餘
國進孫今高閣吏未氏職也下參之其其出終
...明征子見以人耆之陳本策爲人籠出走也以
軍氏輔下掃吏孫封罷中斯猶藥也奔使開
隨陳爲閣灑官子復乞此祿僕充用豆所耕

... Minh quốc ký hữu sắc tử các-hạ tùy quân chinh tiến, sĩ Hồ-thị thành cầm, trách Trần-thị tử tôn lập chi, gia tước cư quốc vị phụ. Hiện kim thiết lập Bồ-chính-ti, thu các-hạ dĩ cao tước, chỉ cấp Trần-thị miếu sai tảo nhân. Các-hạ cầu năng phục tấu biện quan-lại kỳ-lại chi sở ngôn, minh Trần-thị tử tôn chi vị tuyệt, nhi biệt tuyên chiếu sắc phục phong Trần-thị. Thử thượng sách dã. Bất nhiên, khất hải bản-chức, nguyện vi Trần-thị tử quan. Thử trung-sách dã. Nhược luyện khung quan tham hậu lộc, tư vi hạ dĩ. Như xuất kỳ thượng, tắc bộc do Nhân-sâm Cam-thảo Chỉ-xác Trần-bì sung được lung chi trung, duy các-hạ chi sở dụng dã. Xuất kỳ trung, tắc bộc nguyện chấp biên đầu hôn tấu kỳ gian, diệc duy các-hạ chi sở sử dã. Xuất kỳ hạ, tắc bộc diệc tích tranh nhân, dĩ chung dư niên nhi dĩ...

Dịch :

« Nước Minh đã có sắc cho ngồi theo quân họ sang, chờ khi họ Hồ bị bắt, sẽ chọn lập con cháu nhà Trần, thêm tước cho ngồi để ở trong nước giúp việc.

Ngay thấy họ lập *Bổ-chính-ti* (1), cho ngài chức *trọng* (2), chỉ cấp cho miếu nhà Trần người quét dọn mà thôi.

Nếu ngài lại tấu lên lời nói của quan-lại, kỳ-lại, bày việc con cháu nhà Trần chưa tuyệt, để họ tuyên sắc chiếu khác, lại phong cho nhà Trần, như thế là *thượng-sách*.

Như không được thế, xin ngài từ chức đi, chỉ làm một vị *từ-quan* của nhà Trần, ấy là *trung-sách*.

Song nếu mến quan cao, thăm lộc hậu, thì là *hạ-sách*.

Như ngài theo *thượng-sách*, thì kẻ hèn này xin làm các vị *Nhân-sám*, *Cam-thảo*, *Chi-xáo*, *Trần-bi*, để vào trong giỏ thuốc để ùy ngài dùng. Nếu theo *trung-sách*, kẻ hèn này xin bưng khay chén béra-tầu theo ngài để ngài sai bảo.

(1) Người Minh chiếm giữ đất nước Nam, đặt ra ba ti là : *Bổ-chính-ti*, *Ấn-sát-ti* và *Chương-dô-ti*.

(2) Người Minh cho Bùi Bá-Kỳ làm chức hữu tham-nghị. Bá-Kỳ nuôi trong nhà nhiều bậc cụ-thần. Đến khi viên thổ-hào Đông-triều là Phạm Chấn lập Trần Nguyệt-Hổ làm vua, người Minh nghĩ Bá-Kỳ nhị-tâm, liền bắt đem về Kim-lăng rồi ông bị chết ở bên ấy.

Còn như theo hạ-sách thì kẻ hèn này chỉ xin đi cầu đi cấy ở những nơi nhân-tịch, cho xong cái tuổi thừa mà thôi.»

Đến khi quân Minh đến nhà Bùi Bá-Kỳ, tịch được bức « vạn ngôn thư » ấy, liền cho đi tróc-nã Cảnh-Tuân, nhưng không tìm đâu thấy.

Mãi sau khi mở « Giao-châu học-hiệu », người Minh mới bắt được Cảnh-Tuân, đem về Kim-lăng hạ-ngục.

Ở đây, Cảnh-Tuân cùng con là Thái-Điền đều bị bệnh chết.

Người chết đi, nhưng những lời tâm-huyết ở bức vạn-ngôn-thư còn đời đời truyền-tụng.

32. — Cổ đầu người

Vua Thành-tổ nhà Minh, sau khi đọc bài biếu cáo-nạn của Bùi Bá-Kỳ (1) sai 5000 quân dẫn một người con cháu nhà Trần là Trần Khang tức Trần Thiêm-Bình về nước.

Hồ Quí-Ly cho một đạo quân lên Chi-lăng (2) đánh tán quân Minh và bắt được Thiêm-Bình giết đi.

Được tin ấy, vua nhà Minh liền cử hai đại-binh sang lấy nước ta : một do Trương-Phụ cầm quân sang phía cửa Nam-quan, một do Mộc Thạnh đốc-suốt qua đường Vân-nam để đến phía Tuyên-quang.

(1) Xin đọc bài trước, số 32.

(2) Xem chú-thích số 5, bài thứ 24.

Đi đến dân quân Minh cũng truyền bịch kẻ tội họ Hồ và nói rằng mục-đích người Tàu, sang ta là để lập lại nhà Trần. Vì thế quân sĩ người Nam ngờ-nghech tin lời mà không muốn đánh giúp kẻ tiếm-ngịch.

Cha con Quý-Ly thua luôn mấy trận, phải theo đường bẽ (1) mà vào Thanh-hóa.

Trương Phụ, Mộc-Thanh và Liễu Thăng liền do hai đường bộ và thủy đuổi theo vào đến tận Hà-tĩnh. Cha con Quý-Ly bị bắt ở cửa Kỳ-la và ở núi Cao-vọng (2) rồi bị giải về Kim-lăng (3).

Khi diệt được họ Hồ, người Minh giả treo bảng gọi con cháu nhà Trần, rồi đặt quân huyện để cai-trị. Lúc bấy giờ bọn chi-sĩ phục-Trần mới ngã người ra, hối-hận đã «cống răn cần gà nhà», nhưng muộn quá rồi.

Một người con của Nghệ-tôn là Trần Quý tụ-hợp những người trung-thần, xưng làm

(1) Có lẽ vàng Sầm-sơn làm thấy năm họ là của họ Hồ chăng?

(2) Hai nơi ở huyện Kỳ-anh, Hà-tĩnh ngày nay.

(3) Quý-Ly bị giam ít lâu ở Kim-lăng (Nam-kinh), rồi bị đẩy ra làm lính ở Quảng-tây. Con cả Quý-Ly là Hồ Nguyên-Trừng có viết quyển *Nam-ông-mộng-lục* và có sáng-sử ra cùng thần-cơ.

vua, lấy tên là Giản-dịnh. Trong vùng Hoãn-châu có hai người nghĩa-sĩ là Đặng Tất (1) và Nguyễn Cảnh-Chân (2) đem quân đi theo vua mới, để mong lấy lại giang-sơn.

Nhờ có nhiều người hào-kiệt phò-tá, Giản-dịnh đánh bại quân Minh ở Bô-cô (3). Nhưng vì nghe lời gièm-pha, Giản-dịnh giết mất Đặng Tất và Nguyễn Cảnh-Chân, cho nên lòng người ly-tán. Con hai vị tướng đó là Đặng-Dung (4) và Nguyễn Cảnh-Dị bỏ vua Giản-dịnh, đem quân vào Thanh-hóa tìm cháu vua Nghệ-tôn là Trần Quý-Khoảng để tôn làm vua, với niên-hiệu là Trùng-quang.

Vua Trùng-quang tôn Giản-dịnh lên làm Thái-thượng - hoàng để cùng lo việc khôi-phục. Nhưng Giản-dịnh bị Trương Phụ bắt, giải về Kim-lăng.

Tướng-sĩ của vua Trùng-quang đánh nhau với quân Minh mấy lần, nhưng không thắng-lợi. Năm quý-tị (1413), quân lính mệt-mỏi và lương-thực cạn dần, vua Trùng-quang phải

(1) Người huyện Thiên-lộc (tức Cam-lộc bây giờ)

(2) Người làng Ngọc-sơn (huyện Nam-đàn, Nghệ-an)

(3) Xã Hiếu-cổ, huyện Phong-danh, Nam-định.

(4) Xin đọc bài thứ 33.

dời quân vào Hòa-châu (1). Lúc bấy giờ vua Minh Thành-tổ sai quan sang trấn thủ Nghệ-an và hạ chiếu dụ quan-lại nước ta.

Vua Trưng-quang dựa theo lời chiếu của vua nhà Minh, muốn cầu-phong cùng Trương Phụ.

Nhưng biết sai ai đảm-đương công-việc nặng-nề ấy ? Mấy lần trước vua đã có sai sứ sang Tàu xin cầu-phong rồi, nhưng vua Minh cho giết sứ đi. Lần này thì biết lấy ai là người có can-đảm nhận đi yết-kiến Trương Phụ ?

Nhà vua vừa ngó ý thì một người vui lòng lĩnh mệnh. Người đó là Nguyễn Biểu.

Nguyễn Biểu người làng Bình-hồ, huyện Chi-la (2), đỗ Thái-học-sinh, làm chức Điện-tiền-thị-ngự-sử, nổi tiếng là người cương-tức.

Trước khi ông ra đi, vua Trưng-quang có tặng một bài thơ quốc-âm, như sau này :

*Mấy vần thơ cũ ngời hoàng-hoa,
Trịnh-trọng rày nhân dụng khúc ca.*

(1) Tức Thuận-hóa (Thừa-thiên)

(2) Bấy giờ là làng Yên-hồ, huyện La-sơn, đồng-lý với phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh

Chiều phương mười hồng từ căn-kê,
Vó câu ngàn dặm tuyết xông-pha.
Tang-bồng đã bấm lòng khi trẻ,
Khương quế thêm cay tỉnh tuổi già.
Việc nước một mai công ngộ vẹn,
Các Lân danh tiếng đợi lâu xa.

Ông họa lại rằng :

Tiếng ngọc từ văng trước bệ hoa.
Ngóng tai đồng-vọng thuở thi ca.
Đường mây vó-hý lần lần trái,
Ái tuyết cò-mao thức thức pha.
Há một cung tên lỏng chỉ trẻ,
Bội mười vàng sắt đúe gan già.
Hồ mình vả thiếu tài chuyén-đối,
Dịch-lộ ba ngàn dặm ngại xa.

Vì làng ông ở ngay bên cạnh Thành-sơn (1),
chỗ đóng đô của Trương Phụ, nên khi ở Hóa-
châu ra, ông tat về làng, bài-yết tổ-tiên rồi
mới đến hội-kiến cùng Trương Phụ.

(1) Còn tên là Hùng-sơn, Tuyên-nghĩa-sơn. Đồng-trụ-sơn,
Lam-thành-sơn, Rú Tiánh, Rú Lum và Nghĩa-liệt-sơn. Theo
ông Hoàng Xuân-Bân, thì tên núi Nghĩa-liệt mới có sau khi
ông Nguyễn Biều chết.

Tục truyền rằng : Khi ông tới trước mặt Trương Phụ, quân giặc bắt ông lay, ông cứ đứng trơ-trơ. Trương Phụ sai nấu một đầu người đặt lên mâm mời ông ăn. Ông ung-dang cười mà nói rằng :

— Đã mấy khi người Nam được ăn đầu người Bắc ! Rồi lấy dưa khoét hai mắt hòa với giấm mà nuốt. Ngồi trước mâm cổ đầu người, ông ngâm rằng :

*Ngọc-thiện, trân-tu đã đủ mùi,
Gia-hào thêm có cổ đầu người.
Nem cuống (1) chả phượng còn thua
béo,*

*Thịt gừ (2) gan lán chẳng kém tươi.
Cá lồi lộc-minh so cũng một,
Vật bày thô-thủ bội hơn mười.
Kia kia ngon-ngọt lầy vai lợn,
Tráng-sĩ như Phàn (3) tiếng đề đời.*

Trương Phụ khen ông là một tráng-sĩ và lấy lễ mà mời ông về (4).

(1) Nem công.

(2) Thịt gấu.

(3) Phàn Khoái, bề tôi Hán Cao-tô.

(4) Trong sử không thấy nói Trương Phụ có nhận việc cầu-phong không.

Ông về tới cầu Lam, sức có quân giặc đuổi theo bắt lại. Nguyên khi ấy có tên Phan Liêu là con rể hàng-thần Phan Quí-Hựu (1) được Trương Phụ cho làm Tri-phủ Nghệ-an, thấy quân Minh tha ông Nguyễn Biểu về, thì lo-hót rằng :

— Người ấy là một bậc hào-khiết của nước Nam. Nếu muốn lấy nước Nam, mà tha người ấy thì việc làm xong sao được !

Vì thế Trương Phụ cho người theo bắt ông trở lại. Y trách ông vô-lễ, người hầu lại bắt ông lay. Ông không chịu khuất, trừng mắt mà mắng Phụ rằng :

— Bề ngoài bay phao lên rằng đem quân sang để làm việc nhân-nghĩa, mà bề trong thì lại tìm kế mưu cướp nước người. Bay đã hứa lập con cháu nhà Trần mà lại đặt ra quận-huyện để cai-trị. Nào cướp của-cải, nào giết nhân-dân, bay thực là bọn giặc làm cần !

(1) Người làng Bắc-thạch, huyện Thạch-bà (hãy giờ là phủ Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh), làm quan Thái-phó nhà Hậu-Trần, ra hàng giặc được mấy hôm thì chết. Trương Phụ cho con là Phan Liêu làm Tri-phủ Nghệ-an. Liêu muốn tăng công, nên nước ta người nào giỏi, cứ nào hiềm-trở đều mách với Trương Phụ cả. Năm 1419, chính Phan Liêu lại nổi lên phản nhà Minh. Cho hay sự hướng của bọn xu-thời thường xoay như chong-chông !

Trương Phụ thấy ông si-vả tức lắm, truyền đem ông trôi dưới cầu Lam, trước chùa Yên-quốc (1), để nước thủy-triều dâng lên cho ông chết ngạt.

Tục truyền rằng ba ngày nước thủy-triều không lên đến đó mà ông thì cứ luôn miệng mắng chửi Trương Phụ. Trương Phụ giận quá, sai cỡi trôi rồi đem đến trước cửa chùa Yên-quốc mà đánh chết. Trước khi ông dờ cầu Lam, ông đã biết trước là đến nước ấy, nên có đề ở cầu tám chữ thế này :

七月初一日阮表死

Thất nguyệt sơ nhất nhật Nguyễn Biểu tử.

(nghĩa là : Ngày mồng một tháng bảy Nguyễn Biểu mất.)

Khi ông mất rồi, vua Trùng-quang thương tiếc quá, có làm bài văn-tế sau này :

Than rằng :

Sinh sinh, hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ;
sắc sắc, không không, bụi hồng-trần phôi
phôi;
Bất cộng thù, :hiên-địa chứng cho;

(1) Cầu Lam và chùa Yên-quốc đều ở gần Thành-sơn.

Vô cùng hận, quỷ-thần thề với.

Nhớ thuở tiên-sinh :

Gào đơ mạo trại, chăm-chăm ở ngôi đài-
gián, đánh làm cột đá để ngăn dòng ;

Tôi khi tiên-sinh :

Xa gác có cầu, hăm-hăm chỉ cần cò mọ,
bỗng trở gió càng bền nên nổi.

Thối tình-chiến Hồ-tặc chín hăm ; gan
thiết-thạch Tô công dễ đổi.

Quan Văn-Trường gặp Lữ Mông, dễ sa cơ
ấy, mắng thấy chữ «phê lẽ hà cấp», dạ những
ngủi-ngủi ;

Lưu Huyền-Đức giận Lục Tốn, mong trả
thù này, nghĩ đến câu «thường đảm bất
vong», lòng thêm dỗi-dối.

Sầu kíp khôn lấp cạn dòng ;

Thảm nọ dễ xây nên núi.

Lấy chi báo chươg hậu đức, rượu kim-
lương một lọ, với với mượn chúc ba tuần ;

Lấy chi ủng thừa phương-hồn, văn dụ-tế
mấy câu, thăm-thăm ngõ thông chín suối.

Cái chết khảng khái của ông lại khiến vì
su chùa Yên-quốc làm bài kệ sau này đề tụng
cái chí-khí của ông :

Chối chối một vùng tuế-nhật ; ùn-ùn mấy
đóa từ-vân.

Tam-giới soi hòa trên dưới ; thập-phương
trải khắp xa gần.

Giải thoát lần lần nghiệp-chướng ; quang-
khải chốn chốn mê-tàn.

Trần-quốc xảy vừa mặt-tạo ; sử-hoa bỗng
có trung-thần.

Vàng đúc lòng son một tấm ; sắt rèn tiết
cương mười phần.

Trần-kiếp vì đâu oan-khổ ; phượng-hồn
đến nỗi trầm-luân.

Tế-độ dẫn nhờ từ-phiệt ; chân-linh ngộ
được phúc-thần.

Sau khi đánh tan giặc Minh, vua Lê Thái-tổ
xuống chiếu lập đền thờ ông ở làng cũ và
phong là « Nghĩa-liệt hiền-ưng uy-linh trợ
thuận đại-thần » (1).

Vua Lê Thánh-tôn cũng hạ chiếu lập miếu
thờ và cấp lễ-diên.

(1) Tục truyền khi vua Lê Lợi khởi-nghĩa, ngài gặp
thấy ông Nguyễn Biểu đến báo mộng ở Bình-thanh (Chi-linh
Hải-dương) rằng ông sẽ giúp ngài đánh tan giặc.

Đến đời vua Tự đức, đền được trùng-tu lại. (1)

Ngày nay, khách hoải-cổ còn có thể đến chiêm-yết đền thờ ông ở thôn Nội-diên, làng Yên-hồ, huyện La-sơn, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-lĩnh. Đền thờ ấy thường gọi là đền Nghĩa-vương, vì ông được vua Lê ban cho là « Nghĩa-sĩ đại-vương ».

(1) Trong « Việt-sử tổng-tích » pha Tự-đức khen ông thế này :

軍中數語盡肝腸
壯志捐軀壯國光
千古平湖靈廟在
黎皇有道異明皇

Quân trung số ngữ tận gan-trường,
Tráng chí quyên thân tráng quốc-quang.
Thiên cổ Bình-hồ linh miếu tại,
Lê-hoàng hữu đạo dị Minh-hoàng.

DỊCH (của Hoàng Xuân-Hãn) :

Trong quân thất mẩu lặt gan-trường,
Tráng sĩ quên mình, nước vể-vang.
Muôn Muôn Bình-hồ đền lẫm-lặt,
Lê-hoàng có đạo khác Minh-hoàng.

33. — Thù nước chưa xong đầu đã bạc

Trong khi quân Minh còn hoành-hành trong nước, vua Giản-dịnh đã nghe lời gièm pha mà giết hai đại-tướng là Đặng Tất và Nguyễn Cảnh-Chân.

Con ông Đặng Tất là Đặng Dung giận vua giết oan bậc trung-thần, bèn cùng con ông Nguyễn Cảnh-Chân là Nguyễn Cảnh-Dị đem quân bản-bộ vào Thanh-hóa tôn cháu vua Nghệ-tôn là Trần Quý-Khoảng lên làm vua, đề mưu việc đuổi quân Minh, rửa thù cho nước.

Ông Đặng Dung người huyện Thiên-lộc, (tức huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ).

Khi thấy quân Minh giả lấy nhân-nghĩa mà cướp nước Nam, ông những muốn cùng thân-

phụ ra sức đánh đuổi quân giặc, để đắp lại nền độc-lập cho núi sông. Nhưng chẳng may cha ông bị chết oan, ông cũng không vì thế mà quên thù chung. Già ông là một kẻ tiểu-nhân thì đã hùa theo Trương Phụ để lấy chức tọng quyền cao mà lại giữ tiếng là vì hiếu-mã phụ vua.

Nhưng không! Ông biếu rằng nước non là nước non chung, mà quân Minh là kẻ thù của cả nòi giống. Vì thế, không thể phò vua Giản-dĩnh, thì ông tìm một người con cháu khác của nhà Trần để có thể cứ theo đuổi mục-đích đánh quân Tàu.

Ông giúp vua Trưng-quang đánh nhau nhiều trận với Trương Phụ, kẻ thù số một của người Nam, vì nó giết người mình như giết ngóe, rút ruột người mình treo lên cây, nấu thịt người mình để lấy dầu!

Nhưng tiếc thay, quân ta ít-ỏi, lại không đủ lương-thực, nên bị quân Minh đánh dồn mãi vào tận Hóa-châu.

Khi Trương Phụ đem quân vào đến Thuận-hóa, Đặng Dung nửa đêm kéo binh đến đánh trại Thái-già (?) của quân giặc, khiến cho quân Minh bị một mẻ toi-bời.

Đặng Dung lại có gan nhảy vào thuyền của Trương Phụ, muốn bắt sống quân tàn-bạo ấy. Nhưng chẳng may không biết mặt nó, nên nó nhảy xuống một cái xuống mà trốn thoát.

Nhân thấy quân ta ít-ỏi, Trương Phụ đem binh đến đánh úp một trận; quân ta thế yếu quá, Đặng Dung phải theo vua Trưng-quang lẩn sang Lào. Vua tôi nhà Tiền bị người Lào bắt, bắt nộp cho Trương Phụ. Phụ cho giải cả về Yên-kinh. Nhưng đi giữa đường, vua tôi không chịu nức đều nhảy xuống nước từ-tiết cả.

Ngày nay qua đền thờ ông Đặng Dung ở huyện Can-lộc, hay là giở trang sử cũ, ta không thể chẳng ngậm-ngùi nhằm hai bài thơ cảm-hoai đầy khí-phách của ông :

世	事	悠	悠	奈	老	何
無	窮	天	地	入	酣	歌
時	來	屠	釣	成	功	易
運	去	英	雄	飲	恨	多
致	主	有	懷	扶	地	軸
洗	兵	無	路	挽	天	河
國	讐	未	復	頭	先	白
幾	度	龍	泉	帶	月	磨

Thế sự du du nại lão hà,
 Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
 Thời lai đồ diếu thành công dĩ,
 Vạn khố anh-hùng ảm hận đa.
 Tri chúa hữu hoài phù địa trục,
 Tây binh vô lộ vấn thiên hà.
 Quốc thủ vị phục đầu tiên bạch,
 Kỳ độ long-toàn đãi nguyệt ma.

Dịch:

Việc đời thăm thẳm, tuổi già vầy!
 Trời đất mênh-mông cuộc hát say!
 Lẽ vắn, anh-hùng nhiều nuốt hận,
 Gặp thời, hèn-mọn dễ rã tay.
 Sông Ngũn, gó/giáp, khôn tìm lối,
 Trục đất, phò vua, muốn chuyển xoay.
 Thủ nước chưa xong, đầu đã bạc,
 Gươm mài răng nguyệt đã bào ngày!

34. – Sống thác theo vua

Khi Đặng Dung và Nguyễn Cảnh - Dị (tên Trần Quí-Khoang) lên làm vua, với niên-hiệu là Trưng-quang (1), vua Giản-định đương chống nhau với quân nhà Minh ở thành Ngự-thiên (thuộc huyện Hương-nhân).

Vua Trưng-quang muốn tránh sự phân-rẽ trong công-cuộc đuổi quân Minh ra ngoài bờ cõi, liền sai một tướng ra lên bắt vua Giản-định, đem về Nghệ-an, tôn lên làm Thái-thượng hoàng để cùng lo việc khôi-phục.

Viên tướng có cái gan ra bắt vua Giản-định là Nguyễn Sứ, làm quan Thái phó với vua Trưng-quang. Nguyễn Sứ đem vua Giản-định về đến sông Tam-chẽ (Nghệ-an) thì vua Trưng-quang ra nghênh-tiếp.

(1) Xin xem bài trước. (bài thứ 23)

Song vua Giản - định không chịu hợp-tả với vua Trùng-quang, xuống thuyền về Thiệp-quan. Nguyễn Sứ đuổi theo không kịp.

Chẳng bao lâu, vua Giản - định bị quân Trương Phụ bắt được ở huyện Mỹ - lương (giáp Sơn-tây và Nho-quan).

Từ đấy, chỉ còn vua Trùng-quang chống với người Minh. Trong công-việc nặng-nề ấy ngoài Đặng Dung và Nguyễn Cảnh-Dị, nhà vua còn trông-cậy được nhiều vào lòng trung nghĩa của Nguyễn Sứ.

Sứ đánh nhau với quân Minh ở Mô-dợ, (Yên - mô Ninh-bình), rồi ra Văn-đồn. Khi Trương Phụ đánh Hóa-châu, ông cầm-cự mấy tháng với quân Minh ở Thái-già. Có một lần ông cho ba thích-khách chèo cỗ xuôi dòng đến gần thuyền của Trương Phụ, định để một người lên đầu thuyền còn hai người lên cuối thuyền, xông vào giết Phụ, nhưng Phụ biết trước, việc không thành.

Được ít lâu, ông đương cố nghĩ mưu đánh quân Minh, thì được tin vua Trùng-quang bị quân Lào phản, bắt nộp Trương Phụ. Ông buồn-rầu nói với phu-nhân rằng :

— Kham bề tôi phải sống chết theo vua ;
ông hưởng lộc vua, chết cũng phải theo vua.
Hay vua ta bị bắt, nếu ta trốn thoát thì sống
làm gì ?

Nói rồi ông đi tìm đến chỗ vua Trùng-
quang bị giam, vua tôi ôm nhau mà khóc ; rồi
ông theo vua về Đông-quan. Khi vua Trùng-
quang nhảy xuống nước tự tử, ông lấy bàn
cờ đánh chết viên giám-thủ người Minh (1),
rồi cũng nhảy xuống nước chết theo vua.

(1) Trong khi bị giam, ông thường đánh cờ với viên ấy.

35. — Trưng-phu ở đời phải chống nạn lớn

Sau khi người Minh bắt được cha con Hồ Quý Ly giải về Kim-lăng; nước Đại-Việt ta lại bị người Tàu cai-trị. Tuy vua tôi vua Giản-định và vua Trần Quý-Khoảng có nổi lên để chống với quân Minh, nhưng rút cục cũng thất-bại cả.

Người Minh phen này lấy được nước Nam, cố ý đồng-hóa người mình, bắt người mình phải theo thói-tục của người Tàu; bao nhiêu di-tích của nền văn-hóa cũ của mình đều bị họ phá phách hoặc nhất-nhạnh đem về Tàu (1).

Họ lại bắt dân mình xuống bể mò ngọc trai vào rừng săn voi để lấy ngà, vào núi khai mỏ

(1) Theo « Lịch-triều hiến-chương » của Phan Huy-Châu thì người Minh cướp của ta mất đến trăm quyền sách quý,

vàng, mổ bạc, chỉ cốt vơ vét cho nhiều, không nghĩ gì đến những nỗi vất-vả của dân. Đã thế, thuế má nặng-nề, chính-trị lại hà-khắc, cho nên người mình lúc bấy giờ khổ-nhục lắm chiều.

Trừ một bọn vô-liêm-sĩ như Nguyễn Huân, Lương Nhữ-Hốt, Đỗ Duy-Trung chỉ xu-nịnh với Minh để được quyền cao chức trọng, các sĩ-phu trong nước chỉ âm-thầm nuôi chí, để chờ ngày phá lồng tháo xích cho non sông.

May sao lúc ấy ở làng Nhữ-áng, huyện Thanh-giang (1), có một đảng anh-hùng đứng lên kéo cờ nghĩa để chống với quân Minh.

Đội anh-hùng ấy là Lê Lợi.

Ngài là con ông Lê Khoáng, cháu ông Lê Khoá, chắt ông Lê Hối. Trước kia, tiên-tổ ở Thanh-hóa; đến ông Lê Hối qua chơi núi Thanh-nhà thấy chim bay liệng nhiều, cho là một đất tốt, liền di-cư đến đấy lập-nghiệp. Ông hao lâu sản-nghiệp lớn, tới tở nhiều, đời làm hào-trưởng trong vùng.

(1) Nay là làng Tam-sơn, huyện Thụy-nguyên, tỉnh Thanh-hóa.

Vua Lê Lợi sinh ngày mồng sáu tháng tám năm ất-sửu (1385), niên-hiệu Xương-phù đời Trần Phế-đế, tại quê bà thân-mẫu ở làng Chử-sơn, huyện Lôi-dương (1).

Thuở nhỏ, ngài đã dĩnh-ngộ. Càng lớn lên, càng thêm vẻ khôi-ngộ : mắt sáng, miệng rộng, trán to, thân cao, tiếng lớn. Người đương-thời cho rằng ngài có tướng-mạo một con hổ.

Nổi nghiệp ông cha làm nghề canh-rông, ngài sẵn có của, giúp đỡ người nghèo được nhiều, nên cả vùng kính-phục.

Hồi ấy người Minh đã cai-trị nước ta. Nghe nói ngài là người cương-trực, họ cho người đến vời ngài ra làm quan, nhưng ngài khước-từ. Ngài thường nói với bà con rằng :

— Trượng-phu ở đời phải chống nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm nghìn thuở. Có chi cứ nhanh-nhau làm đầy-lò người !

Ngài giấu tiếng ở nơi rừng núi, tích-trữ lương-thực, chiêu-tập các bậc anh-hùng nghĩa-sĩ, rồi bàn mưu lập kế để chờ ngày phát cờ khởi-nghĩa.

(1) Nay là làng Thủy-chú, phủ Thọ-xuân.

Năm mậu-tuất (1418), ngài tự xưng là Bình-định-vương rồi truyền hịch, nổi lên đánh quân Minh.

Tướng nhà Minh là Mã Kỳ ở Tây-đô (1), biết tin Bình-định-vương khởi-nghĩa, đem quân định đến Lam-sơn đánh. Vua Lê Lợi biết thế nào giặc Minh cũng đi qua Lạc-thủy (2), liền kéo quân đến đó, đặt phục-binh để đợi Mã Kỳ. Quả-nhiên quân Minh kéo đến, ngài cho phục-binh ủa ra, chém chết hơn ba nghìn quân giặc và bắt được rất nhiều khí giới binh-lương, rồi ngài dời quân đến núi Chí-linh (3).

Song vì bọn dân Mường ở làng Nguyệt-ấn dẫn đường cho quân Minh đến đánh úp phía sau, quân-sĩ chống không nổi, ngài phải để quân giặc bắt được gia-quyển và phải kéo tàn-quân chạy.

Năm sau, ngài lại đem quân đến đánh quân Minh ở đồn Nga-lạc (4) ; quân ta giết được

(1) Tức Thanh-hóa.

(2) Cẩm-thủy, phủ Quảng-hóa.

(3) « Khâm-định Việt-sử » biên rằng núi Chí-linh thuộc phủ Trấn-định, tỉnh Nghệ-an. Nhưng Trần Trọng-Kim cho là chỉ trong vùng Thanh-hóa mà thôi. (Việt-Nam sử-lược quyển thượng, trang 186.)

(4) Thuộc huyện Nga-sơn, Thanh-hóa.

tuớng Minh là Nguyễn Sao ; nhưng vì ít quân ngài lại phải quay về Chí linh lần thứ hai.

Quân Minh liền kéo đến vây bốn mặt. May có Lê Lai (1) liều thân chịu chết thay ngài, ngài mới có thể trốn thoát để tìm kế phục-thù.

Đến năm canh-tí (1420), Bình-định-vương đem quân đến làng Thôi ở châu Quý. Viên Tri châu là Cầm Lạn dẫn tuớng Minh là Phương Chính và Lý Bân cùng mười vạn quân đến đánh. Nhưng đi đến một nơi gọi là Thi-lang, bị phục-binh của ta đánh cho một trận tan-nát. Phương-Chính và Lý Bân phải chạy thoát lấy thân.

Cuối năm ấy, Vương tiến quân lên đóng ở sách (1) Ba-lâm, thuộc triều sông Lôi-giang (2), rồi cho quân đến khiêu-chiến với giặc Minh. Quân Minh phải lo phòng giữ Tây-đô, đóng chốt cửa thành không dám ra ngbênh-chiến. Vương một mặt chiêu-tập nhân-dân, một mặt cho quân-sĩ đến đánh bực các đồn để cho quân giặc phải mỏi-mệt.

(1) Xin đọc bài sau (bài thứ 36).

(2) Chôm trại dân ở miền nương mán.

(3) Lôi-giang là phân-lưu của sông Mã, ở huyện Vĩnh-lạc, tỉnh Thanh-hóa.

Tháng một năm tân-sửu (1421) Tham-tướng nhà Minh là Trần Trí đem 10 vạn quân đến đánh vương ở ải Kinh-lộng, thuộc sách Ba-lâm. Vương cho rằng quân giặc tuy nhiều, nhưng đã bị mỏi-mệt, còn quân ta thì khỏe-khoắn hơn, nên chia quân đến đánh úp trại giặc giữa ban đêm: quân lính reo hò, chiêng trống ầm-ỹ, quân ta chiếm được bốn đồn của giặc và giết hơn một nghìn quân Minh. Trần Trí thấy thế tức lắm, kéo toàn-quân đến đánh. Nhưng Vương đã đặt sẵn phục-binh ở cửa ải Úng (1), thấy quân Minh kéo đến nơi, quân ta đổ ra đánh, Trần Trí phải lui. Khi ấy có ba vạn người Lào đem 200 con voi đến, giả xưng làm viện-binh cho Bình-định-vương. Vương tin, không đề-phòng; chẳng ngờ đến nửa đêm quân Lào ùa vào đánh quân ta. Một tướng của ta là Lê Thạch bị tên bắn chết. Vương thân-hành đốc-chiến từ nửa đêm đến sáng, đánh tan được bốn quân Lào đã vì kẻ phản thần Lô Văn-Luật xui-xiêu mà gây hiềm-khích với ta.

Năm sáu (1422), quân ta đóng ở Quan-du (2), bị người Minh và người Lào hợp nhau lại đánh mặt trước, sau. Quân ta thua, chạy về

(1) Nay thuộc tổng Cồ-lộng, huyện Cẩm-thủy, Thanh-hóa.

(2) Thuộc châu Quan-hóa, Thanh-hóa.

sách Khởi. Quân giặc đuổi theo vây hốt mặt. Bình-định-vương thấy thế nguy, bàn với các tướng-sĩ phải đánh tháo lấy đường chạy thì mới thoát khỏi tử-địa. Ai nấy đều tranh nhau ra trận. Quân giặc thấy quân ta đánh hăng-hái quá phải rút lui, vương lại kéo quân về núi Chí-linh một lần nữa.

Chẳng may ở Chí-linh, lương-thực một ngày một cạn, quân-sĩ phải ăn rau cỏ trừ bữa. Vương phải cho giết cả voi ngựa của mình cho quân ăn. Bất-đắc dĩ Vương phải sai sứ đi giảng-hòa với người Minh.

Nhưng mục-đích của Vương nào phải chỉ là sống yên-ôn, vô-sự ! Dù ở trường-hợp nào, Vương cũng vẫn nuôi một hi-vọng, là đuổi hết người Minh ra ngoài bờ-cõi

Vì thế mùa thu năm giáp-thìn (1424), sau khi đã tích trữ nhiều lương-thực, Vương đem quân về phía Nam để chiếm đất Nghệ-an. Quân ta đến núi Bồ-lạp (1) thì gặp quân Minh. Nhân lúc nhá-nhem, vua cho phứt-hình nấp trong rừng. Đến lúc Phương Chính cầm quân đi qua, quân ta đổ ra giết hơn hai nghìn quân giặc và bắt được hai trăm con ngựa. Ngày

(1) Thuộc phủ Quỳnh, Nghệ-an.

hôm sau quân ta lại phá tan một loạn quân khác của người Minh.

Cuối năm ấy, Bình-dinh-vương dùng mưu khiến viên Tri-châu Trà-long (1) là Cầm Bành phải mở cửa thành ra xin hàng.

Người Minh thấy thanh-thế của Vương một ngày một to, quyết đem cả lực-quân và thảy quân đến đánh quân ta một trận trống mồi.

Vương được tin báo, sai Đinh Liệt đi đường tắt đem hơn nghìn quân đến giữ huyện Đồ-gia (2), còn Vương thì đem đại binh đến đóng ở đất Khả-lưu, một hiểm-địa ở thượng-lưu sông Lam-giang (3).

Khi quân Minh kéo đến cuối dòng sông, Vương sai quân ban ngày thì trương cờ đánh trống, ban đêm thì đốt lửa rồi ngấm sai binh tướng sang bên kia sông phục sẵn ở những chỗ hiểm-yếu.

Trời tang-tàng sáng, quân giặc đến đánh. Vương giả-cách lui để dụ chúng đến chỗ phục-binh, rồi bỗng mặt đồ ra đánh, quân giặc vỡ tan; người bị chém giết, kẻ bị chết đuối, kẻ đến hàng vạn.

(1) Nhũ Tương-dương.

(2) Thuộc huyện Hưng-sơn, Hà-tĩnh.

(3) Thuộc huyện Lương-sơn.

Hôm sau, Vương lại dùng mưu lừa giặc đến một chỗ hiểm khác, đánh cho một trận tan-tành. Tướng nhà Minh là Hoàng Thành bị chém, một tướng khác là Chu Kiệt bị bắt. Bọn Trần Trí, Sơn Thọ phải thu tàn-quân chạy về giữ thành Nghệ-an. Quân ta thừa thắng đuổi theo. Quân Minh phải trốn vào thành đóng chốt cửa lại.

Trong khi Bình - định - vương hãm quân Minh trong thành Nghệ-an, một mặt Vương sai Đinh Lễ ra phía bắc hãm thành Tây-đô (1), một mặt Vương sai Trần Nguyên-Hãn vào phía nam lấy thành Tân-hình và thành Thuận-hóa.

Đến năm bính-ngọ (1426), xem tình - hình ngoài Đông - đô (2) người Minh không giữ được chu-mật, Vương liền sai các tướng Lý Triện, Phạm Văn-Xảo, Trịnh Khả, Đỗ Bí ra đánh lấy các thành phía Bắc.

Lý Triện ra đến phía Bắc thì được tin sắp có một vạn quân Văn-nam sang cứu-viện cho quân Minh. Vì không muốn cho đạo quân ấy hợp sức được với người Minh dưới quyền thống-lãnh của Trần Trí, tướng Lý Triện bèn

(1) Xem chú thích số 4, bài này.

(2) Hà-nội.

bảo tướng Phạm Văn-Xảo đem quân đi chặn đường quân Vâu-nam, còn mình thì đi đánh Trần Trí. Quân Minh thua chạy. Lý Triệu đuổi theo giết được hơn nghìn người, rồi quay lại giúp tướng Phạm Văn-Xảo để đánh quân Vâu-nam vừa mới sang. Quân ta lại đại-thắng.

Thấy thế người Minh yếu quá, Trần Trí phải biên thư gọi Phương Chính ở Nghệ-an ra cứu.

Bình-định-vương thấy vậy sai mấy tướng ở lại vây thành Nghệ-an, rồi tự đem quân đuổi theo Phương Chính ra Bắc.

Những tin người Minh luôn luôn bại-trận về đến bên Tàu, vua nhà Minh sai Trương-quân Vương Thông và Tham-tướng Mã Anh đem năm vạn quân sang cứu-viện.

Hợp cả quân cũ, quân mới được mười vạn binh, Vương Thông chia làm ba đạo kéo đi các ngã để đánh Bình-định-vương.

Vương Thông tự dẫn quân đến đóng ở hẻm Cồ - sở (1) ; Mã Kỳ đóng ở Thanh-cai ; Phương-Chính đóng ở Sa-thời (2). Đồn lũy ba đạo quân ấy liên tiếp hàng mấy mươi dặm.

(1) Ở huyện Thạch-thất, Sơn-tây.

(2) Thuộc huyện Từ-Nhiêm.

Thần-sĩ của Bình-định-vương chẳng thấy thế-gà con lòng. Hai tướng Lý Triện và Đỗ Bi đem binh đến khiêu-chiến với Mã Kỳ, rồi dử cho quân Minh đuổi theo đến cầu Tam-la (1). Ở đây quân phục-binh của ta đồ ra đánh hăng-hái, quân Minh chạy xuống đồng lầy, phần thì bị giết, phần thì bị bắt. Mã Kỳ phải chạy thoát lấy thân.

Lý Triện thừa-thắng đuổi theo đến tận đồn Cổ-sở của Vương Thông. Chẳng may quân ta bị lừa vào ổ hiểm, voi dẫm phải chông sắt, không tiến được, nên Lý Triện bị thua phải chạy về Cao-bộ (2).

Đinh Lễ và Nguyễn Xi liền đem 3000 quân đến giúp. Quân ta phục sẵn ở Tuy-dộng (3). Vì bắt được một tên thám-tử của quân Minh nên biết trước mưu-lược của Vương Thông : Vào khoảng canh năm một ngày tháng mười năm bính-ngo (1426), Đinh Lễ theo đúng hiệu-lệnh của giặc, sai bắn một phát súng để lừa chúng. Quả-nhiên súng vừa nổ thì quân Minh kéo đến.

(1) Ở giáp Thanh-oi và Từ-hiem.

(2) Vùng Chương-độc.

(3) Thuộc huyện Mỹ-lương.

Bấy giờ trời mưa, đường lầy ; quân ta n
mặt đồ ra, giết được Binh-bộ Thượng-thư của
Minh-triều là Trần Hạp lúc ấy đương giữ chức
Tham-tán quân-vu; quân Minh nào bị giết, nào
giày xéo lẫn nhau mà chết ; lại còn nhiều kẻ
bị xô nhào xuống sông hết đuối, và một số
lớn bị bắt sống nữa. Trận Tuy-dộng thực là
một cuộc thắng-trận rất vẻ-vang của dân Đại-
Việt !

Sau cuộc đại-thắng ấy, Bình-định-vương
kéo quân đến vây thành Đông-đô.

Vương Thông liệu thế không thể địch nổi,
cho người đưa thư xin giảng-hòa.

Song tuy bề ngoài thì nói hòa, mà bề trong
Vương Thông vẫn cho người về cầu-cứu bên
Tàu. Nào ngờ đưa đem thư lại bị quân ta
bắt được, nên Bình-định-vương cho các tướng
sĩ đi chiếm nhiều thành.

Vua Tuyên-tôn nhà Minh được tin Thượng-
thư Trần Hạp bị tử-trấn, tức giận lắm, liền
sai hai đạo quân lớn, một đạo do An-viễn-
hầu Liễu Thăng, Tham-tướng Lương Minh, Đô-
đốc Thôi Tu, Binh-bộ Thượng-thư Lý Khánh-
Công bộ Thượng-thư Hoàng Phúc, dẫn đi

đường Quảng-tây sang ta; còn một đạo do Đại-lương-quân Mỗ Thanh dẫn theo đường Vân-nam để sang đánh phía tây-bắc.

Nghe tin viện-binh của quân Minh kéo sang, Bình-định-vương bình-tĩnh cắt-cắt các tướng-sĩ. Vương sai bọn Lê Sát, Đinh Liệt đem một vạn quân lên phục sẵn ở Chi-lăng (1).

Viên Trấn-thủ ở ải Ba-luy (2) là Trần Lưu thấy Liễu Thăng kéo quân sang, cứ vừa đánh vừa lui về phía nam. Liễu Thăng qua đồn nào là đồn ấy bị chiếm một cách dễ-dàng, vì thế y sinh tự-đắc. Đã thế Bình-định-vương lại làm ra bộ sợ-hãi, cho người đưa thư đến xin bãi-binh. Liễu Thăng không thèm mở thư đọc, cứ kéo quân tiến xuống.

Ngày 18 tháng chín năm định-mùi (1427), quân Minh kéo đến gần Chi-lăng. Lê Sát sai Trần Lưu ra khiêu-chiến rồi bỏ chạy. Liễu Thăng khinh-dịch, bỏ đại-đội ở lại sau, chỉ đem hơn một trăm kỵ binh đuổi theo. Đến

(1) Chi-lăng tức là vùng Đổng-mỗ, chỗ cây số 112 trên cói đường Hà-nội - Lạng-sơn. Nơi ấy đã là cái mả chôn hàng vạn quân Tàu trong những trận oanh-liệt của Lê Đại-Hành và Trần Hưng-đạo.

(2) Tức là ải Nam-quan.

khi gặp một chỗ bùn lầy, ở núi Đào-mã-pha (1), Liễu Thăng không tiến được, phục-binh của ta đổ ra chém được vị tướng kiêu-ngạo ấy của triều Minh, rồi thừa-thắng đuổi đánh quân giặc, giết hại rất nhiều.

Mấy ngày hôm sau quân ta lại càng thúc vào đạo tàn-quân của người Minh mà đánh ; viên Tham-tướng Lương Minh bị giết ở giữa trận ; viên Binh-bộ Thượng-thư Lý Khánh tự tử, còn viên Đô-đốc Thôi Tự và viên Công-bộ Thượng-thư Hoàng Phúc chạy về phía Xương-giang (2), nhưng chẳng bao lâu bị quân ta bắt sống được.

Bọn Mộc Thạnh đương cầm-cự với quân ta ở phía tây bắc, thì sức nghe tin Liễu Thăng tử-trận, liền đem quân chạy, nhưng bị Trịnh Khả cầm quân đuổi theo đánh cho một trận tan-nát.

Vương Thông đóng ở Đông-quan (3) nghe tin viện-binh đã thua cả, sợ-hãi quá, vội viết thư xin hòa. Bình - định - vương thuận cho,

(1) Ngày nay là Mã-yên-sơn, ở làng Mã-sao, châu Ôn, Lạng-sơn.

(2) Tức là Bắc-giang ngày nay.

(3) Hà-nội.

nhưng bắt Vương Thông phải lập đàn tế, hẹn đến tháng chạp năm ấy phải kéo quân về hết. Thế cùng, Vương Thông cũng phải nghe theo.

Thế là ròng-rã mười năm, Bình-dịnh-vương ra công dẹp gác, đuổi quân Minh ra ngoài bờ cõi, bề cùm thảo xịch cho non sông, khiến cho những danh-tướng của triều Minh cũng phải khiếp sợ. Thực là một bậc anh-hùng cái thế !

NHỮNG TRANG SỬ VÊ-VANG

Có tất cả 65 chuyện

In làm 2 cuốn dày trên 400 trang

CUỐN II

đến cuối tháng 10 lấy có bán

MỤC - LỤC

Vài lời ngỏ trước	trang	11
Mở đầu cho cuốn sử yêu nước	»	13
Phất cờ nương-tử thay quyền tướng-quân	»	20
Đầu voi phất ngọn cờ vàng	»	36
Nước lã vã nên hồ	»	39
Vua đồng lây	»	44
Xin giết tôi đi	»	47
Sóng Bạch-đăng	»	52
Bốn phương thu lại một nhà	»	55
Không trừ loạn, mặt nào nhìn thấy		
Tiên-đế ?	»	61
Tặng nhất gương này	»	63
Trăm yêu dân như yêu con	»	67
Châu-chấu đá voi	»	70
Đầu bếp cũng trung-thần	»	70
Chẳng ăn vàng	»	70
Một mình một ngựa phá tan giặc	»	83
Xin chém đầu tôi rồi hãy hàng	»	86
Vì nước quên thù riêng	»	102
Vì nước quên thù nhà	»	103
Lời thề anh-hùng	»	109
Anh-hùng ti-hon	»	111
Quê-mùa hơn học-thức	»	113
Thà làm quỷ nước Nam	»	119

Giáo đấm không biết đau.	trang 122
Chim hồng bay cao nhờ lông cánh	» 127
Xe muối mà có ngựa Kỳ, ngựa Kỳ	» 131
Móc họng trả cổ	» 134
Ông trạng thanh-liêm.	» 136
Người ấy là bậc cao-hiền.	» 143
Tước hầu chửi giặc.	» 146
Trời xui ta giết đứa vô-đạo	» 149
Một bức thư vạn chữ	» 155
Cổ dầu người.	» 161
Thù nước chưa xong dầu đã bạc	» 172
Sống thác theo vua	» 176
Trượng-phu ở đời phải chống nạn lớn	» 179

Sách này in tất cả 3000 cuốn chia làm 3 thứ:

2050 cuốn thường,

45 cuốn giấy dó,

5 cuốn Bạch-mĩnh-chấn.

tại nhà in Mai Lĩnh Hanoi xong ngày 15-8-44

giấy phép in số 1423 / I.P.P. của phòng

*** thông-tin Bắc-kỳ ngày 24-5 44 ***

Trang Đồng		In làm là :	Xin đọc là :
3	2	Trang sử	Trang sử
5	1	Nguyễn-Lân	Nguyễn Lân
5	3	Nhưng trang su ve-vang	Những trang sử vẻ-vang
7	6	Từ-Ngọc	Từ-ngọc
11	3	Trung-học	trung-học
12	8	vẽ chỉ	và chỉ
15	8	dây	nảy
16	3	Thái-tử	thái-tử (1)
16	13	Ba-lăng	Bá-lăng
16	13	du	dụ
18	5	Kiến-đức	Kiến-Đức
19	9	Ve-xanh-giê-tô- rich	Véc-xanh-giê-tô-rich
21	12	sích-tử	xích-tử
22	12	姬	姬
22	16	寬 則 危	寬 則 危
22	17	giải Triều-đình sích-tử	giai Triều-đình xích-tử
25	1	của bậc	các bậc
25	8	dá gương	giá gương
27	11	Hùng	hùng
32	17	trái	trái

(1) Trong sách này, những chữ thái-tử, thái-hậu, thái-thú, thừ-sử, tham-tri... là những danh-từ chung, tác-giả đều viết chữ con, không hiểu vì sao thợ nhà in đều xếp chữ hoa cả.

Trang	Đòng	In lầm là :	Xin đọc là :
33	9	Anh tôn	Anh-tông (1)
33	19	Lưỡng, vương	Lưỡng vương
34	9	Giao-lĩnh đứng,	Giao-lĩnh đứng;
40	11	Phiên	Phiêu
41	1	liệu	liêu
45	4	Đào-Lang-vương	Đào-lang-vương
52	9	cầu	cầu
62	21	đã chết, cái chết vinh!	đã chết, nhưng chết vẻ vang!
65	3	niữa	giữa
76	3	Tộ, mới	Tộ mới
97	20	dân	dẫn
101	3	đền	đền
103	3	Quảng	Quang
112	16	Hàn-tử-quan	Hàm tử-quan
112	21	nầy	nầy
118	20	rát-rát	rút-rát
120	6	mặc	mặc
124	22	số 9 bài thứ 16	số 8 trang 93
124	23	số 17 bài thứ 16	số 1 trang 99
125	3	giày séo	giày xéo
134	12	số 4 bài thứ 16	số 2 trang 92
135	21	thê	tri

(1) Cũng trong sách này, tác-giả viết tên các vua như Thái-tông, Nhân-tông, Thánh-tông, Anh-tông... đều viết chữ tông, vì trước đời Thiệu-trị chữ 宗 đọc là tông chứ không đọc là tôn. Không biết vì cơ gì thợ nhà in đổi lại cả. Vậy xin cải-chính.

Trang Đồng	In làm là :	Xin đọc là :
140 23	廣 池	瑤 池
140 26	Quảng-hàn	Dao-tri (v) ở dưới dịch là ao tiên)
151 2	Đế-nghiệp	Đế-Nghiệp
155 16	tã	ta
156 13	tồn	tôn
161 12	suốt	suất
161 14	số 32	số 31
161 16	số 5, bài thứ 24	số 4 trang 129
168 19	mờ mờ	mờ mờ
169 11	phê tễ hà cấp	phê tễ hà cấp
170 1	vùng	vùng
170 13	phiệt	phạt
180 17	chất	chút (v) là con người chất)
184 21	xui-xiêm	xui-xiêm
184 24	đánh mặt trước, sau	đánh hai mặt trước sau
187 24	số 4 bài này	số 1 trang 182